



ISO 9001:2015

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG 47

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2022/CC47-CBTT

Quy Nhơn, ngày 16 tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM,

Tên công ty : Công ty cổ phần Xây dựng 47

Mã chứng khoán : C47

Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 Biên Cương, Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại : 0256.3522166

Fax : 0256.3522316

Người thực hiện công bố thông tin: ông **Trịnh Quốc Thọ** theo Ủy quyền số 1158/2020/UQ-CC47 ngày 05/9/2020 của Tổng giám đốc công ty.

Địa chỉ : Số 8 Biên Cương, Quy Nhơn, Bình Định.

Điện thoại : 0256.3522166

Loại thông tin công bố:

24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty CP Xây dựng 47 (C47) công bố **Báo cáo thường niên năm 2021** (tài liệu báo cáo đính kèm).

Thông tin này được đăng tải trên trang web: [www.xaydung47.vn](http://www.xaydung47.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Website Công ty;
- Lưu: HĐQT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

*Trịnh Quốc Thọ*



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

 Số 8 Biên Cương, P. Ngô Mây, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

 (0256) 3522166 - (0256) 3522316

 c47@xaydung47.vn

 <https://www.xaydung47.vn/>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

*Đơn vị anh hùng lao động thời kỳ đổi mới*



**GẮN KẾT - VƯƠN XA**

# 2021

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
HOSE: C47**

# MỤC LỤC



**PHẦN I:  
THÔNG TIN CHUNG**

**PHẦN II:  
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

**PHẦN III:  
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHẦN IV:  
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**PHẦN V:  
QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**PHẦN VI:  
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

**PHẦN VII:  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

# PHẦN I

## THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN
3. CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU CỦA CÔNG TY
4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ & CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ
5. NGÀNH NGHỀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
7. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO



## 01 THÔNG TIN KHÁI QUÁT

|  |  |
|--|--|
| <b>Tên giao dịch</b>   | : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47.   |
| <b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số</b>                     | : 4100258747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 27/06/2005 và thay đổi lần thứ 21 vào ngày 28/02/2022. |
| <b>Vốn điều lệ tại 31/12/2021</b>                                  | : 215.295.040.000 đồng.  |
| <b>Vốn điều lệ tại GCNĐKDN thay đổi lần thứ 21 ngày 28/02/2022</b> | : 275.295.040.000 đồng.  |

|                      |  |
|----------------------|--|
| <b>Địa chỉ</b>       | : Số 8 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. |
| <b>Số điện thoại</b> | : (0256) 3522166.  |
| <b>Số fax</b>        | : (0256) 3522316.  |
| <b>Website</b>       | : <a href="https://www.xaydung47.vn">https://www.xaydung47.vn</a>      |
| <b>Mã cổ phiếu</b>   | : C47  |
| <b>Sàn niêm yết</b>  | : HOSE   |



*Công trình Đập đầu mối Tân Mỹ - tỉnh Ninh Thuận  
Dung tích hồ chứa: 219,8 triệu m<sup>3</sup>*

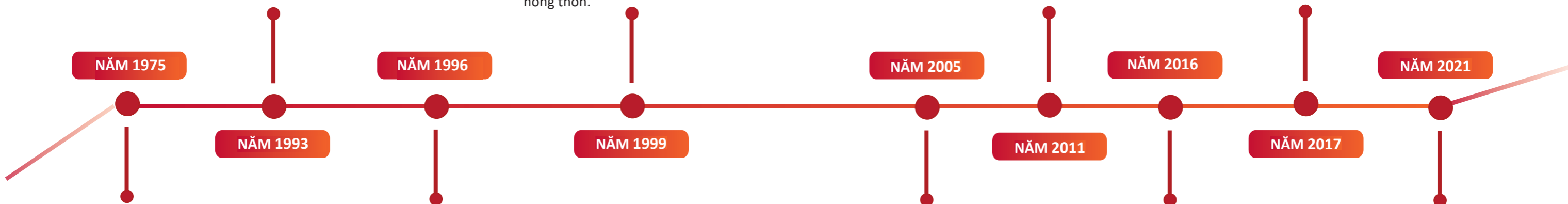
# 02 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Ngày 15/3/1993: Bộ Thủy lợi ra Quyết định số 108 QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập lại Doanh nghiệp nhà nước Công ty Xây dựng Thủy lợi 7 trực thuộc Bộ Thủy lợi.

Ngày 03/02/1996: Công ty Xây dựng Thủy lợi 7 được sáp nhập vào Tổng công ty Xây dựng 4 và đổi tên thành Công ty Xây dựng 47 theo Quyết định số 119 NN-TCCB/QĐ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ngày 30/03/2011, Công ty Cổ phần Xây dựng 47 (mã C47) chính thức giao dịch phiên đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258747 lần thứ 17 ngày 17/01/2017 với số vốn điều lệ là 170.201.300.000 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ hai trăm lẻ một triệu ba trăm ngàn đồng).



Tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi 7 được thành lập ngày 08/09/1975 theo Quyết định số 888 QĐ/TCCB của Bộ Thủy lợi, trên cơ sở Đội thi công cơ giới V, với nhiệm vụ xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ nông nghiệp, dân sinh kinh tế cho các vùng miền Trung và Tây Nguyên.

Ngày 03/02/1996: Công ty Xây dựng Thủy lợi 7 được sáp nhập vào Tổng công ty Xây dựng 4 và đổi tên thành Công ty Xây dựng 47 theo Quyết định số 119 NN-TCCB/QĐ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới và sắp xếp lại các Doanh nghiệp nhà nước, ngày 01/07/2005 Công ty đã chính thức chuyển cơ chế hoạt động doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quyết định số 4411QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong đó Nhà nước chiếm 51% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 tăng vốn điều lệ lên 170.201.300.000 đồng.

- Tăng vốn điều lệ lên 215.295.040.000 đồng và không ngừng phát triển, trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và phấn đấu phát triển mở rộng thị trường miền Đông Nam Bộ.

- C47 mở rộng lĩnh vực kinh doanh theo xu thế phát triển bền vững, xây dựng nhà máy điện gió, điện khí, sản xuất bê tông cấu kiện cung cấp và thi công hạ tầng giao thông.

- 25/11/2021, C47 đã cùng Vũ Phong Energy Group và INTRACO ký kết thỏa thuận hợp tác trong "Chương trình cung cấp các trạm nước uống hợp vệ sinh và các chương trình giảm phát thải khí nhà kính khác".





## 03 CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU CỦA CÔNG TY

Trải qua 46 năm thành lập và phát triển, Công ty Cổ phần Xây dựng 47 đã đạt được nhiều thành tích nổi bật và đã được Nhà nước, Chính Phủ, các Bộ ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Công đoàn ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên đoàn lao động các tỉnh phong tặng nhiều danh hiệu như:

- » Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới;
- » 01 Huân chương Độc lập hạng nhì;
- » 02 Huân chương lao động hạng nhất;
- » Bằng khen đơn vị đã có nhiều thành tích trong công tác, góp phần xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của Chính Phủ năm 2010;
- » 11 cờ thi đua và hàng trăm Bằng khen của Bộ, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Công đoàn ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân và Liên đoàn lao động các tỉnh;
- » Từ 2008 đến 2021 liên tiếp đạt Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam.

» Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới



Các công trình đạt các giải thưởng công trình chất lượng cao do Hội xây dựng Việt Nam trao tặng:

- » Đài dẫn bay Vũng Chua, tỉnh Bình Định: Huy chương vàng công trình chất lượng cao.
- » Đập đất công trình Hồ chứa nước Thuận Ninh, tỉnh Bình Định: Huy chương vàng công trình chất lượng cao.
- » Cụm công trình đầu mối Thạch Nham, tỉnh Quảng Ngãi: Công trình chất lượng tiêu biểu thập niên 90.
- » Đập đất công trình Hồ chứa nước Suối Dầu, tỉnh Khánh Hoà: Công trình chất lượng tiêu biểu 5 năm (2000 – 2005).
- » Đập bê tông trọng lực công trình hồ chứa nước Tân Giang, tỉnh Ninh Thuận: Công trình chất lượng tiêu biểu 5 năm (2000 – 2005).
- » Đập bê tông trọng lực công trình hồ chứa nước Lòng Sông, tỉnh Bình Thuận: Công trình chất lượng tiêu biểu 5 năm (2000 – 2005).
- » Đập bê tông trọng lực đầm lầy (RCC) Công trình đầu mối hồ chứa nước Định Bình: Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam 2010; Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam lần thứ nhất, năm 2012.
- » Trần Piano – Công trình Đập dâng Văn Phong đạt giải thưởng công trình chất lượng và Cúp Bông lúa vàng Việt Nam lần thứ hai, năm 2015.
- » Đập Bê tông trọng lực đầm lầy (RCC) - Công trình đầu mối hồ chứa nước Nước Trong đạt Công trình chất lượng năm 2017 và Bông lúa vàng Việt Nam 2018.
- » Năm 2021, C47 mở rộng lĩnh vực kinh doanh theo xu thế phát triển bền vững. Cụ thể, C47 đã thành công ký kết thỏa thuận hợp tác để tiến đến thành lập liên doanh 3 bên với Công ty CP Vũ Phong Energy Group và Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương mại (INTRACO) trong “Chương trình cung cấp các trạm nước uống hợp vệ sinh và các chương trình giảm phát thải khí nhà kính khác”.
- » Tháng 12/2021, Công ty CP Xây dựng 47 đã ký kết bản ghi nhớ hợp tác với Công ty CP Vũ Phong Energy Group và Công ty STEAG Energy Services GmbH (CHLB Đức) nhằm cung cấp các dịch vụ cho dự án điện gió tại Việt Nam.

# 04 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

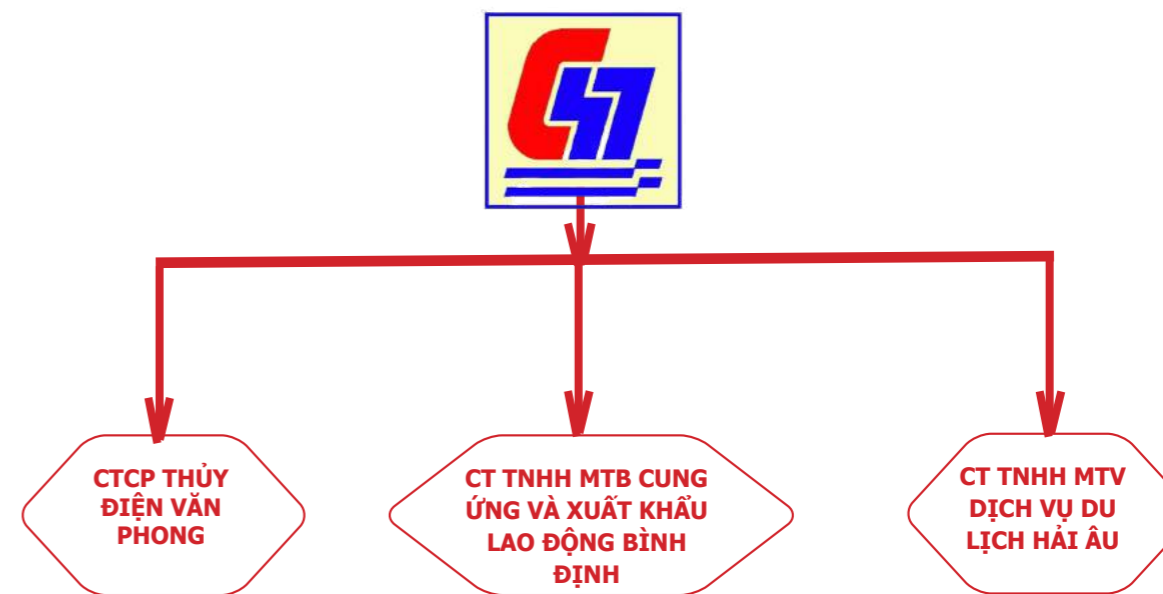
Công ty phát triển theo mô hình Công ty Cổ phần bao gồm: Công ty mẹ và các công ty con. Hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật liên quan:

- ✓ **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- ✓ **Hội đồng quản trị (HĐQT):** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty gồm 07 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.
- ✓ **Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD):** Tổng giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty.
- ✓ **Ủy ban Kiểm toán:** Ủy ban Kiểm toán hoạt động thuộc sự quản lý điều hành của HĐQT, thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm soát nội bộ các mặt hoạt động của Công ty theo yêu cầu của HĐQT.
- ✓ **Tiểu ban quan hệ nhà đầu tư thuộc Hội đồng quản trị**
- ✓ **Tiểu ban đầu tư thuộc Hội đồng quản trị**
- ✓ **Tiểu ban lương, thưởng thuộc Hội đồng quản trị**
- ✓ **Các phòng ban:** Hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty.



CÔNG TRƯỜNG SÂN BAY LONG THÀNH  
13/04/2022

## CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



| STT | Tên Công ty   | Địa chỉ   | Lĩnh vực SXKD chính                            | VĐL thực góp   | Tỷ lệ sở hữu của Công ty |
|-----|---|---|--|----------------|--------------------------|
| 1   | Công ty CP Thủy điện Văn Phong.                           | Thôn Hòa Sơn, xã Bình Tường, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định.     | Thủy điện                                      | 75.825.000.000 | 67,7%                    |
| 2   | Công ty TNHH MTV Cung ứng và Xuất khẩu lao động Bình Định | Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động             | 5.000.000.000  | 100%                     |
| 3   | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Hải Âu                   | Số 489 An Dương Vương, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.            | Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, lưu trú | 1.000.000.000  | 100%                     |

Công trình Thủy điện Tích năng Bác Ái - tỉnh Ninh Thuận





# CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





# NGÀNH NGHỀ, ĐỊA BÀN KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Các ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

### VỀ XÂY DỰNG, XÂY LẮP

- » Các công trình thủy lợi, thủy điện;
- » Các công trình dân dụng: Xây dựng nhà để ở, không để ở;
- » Các công trình công nghiệp: Công trình chế biến chế tạo; công trình khai khoáng;
- » Các công trình giao thông: Công trình đường bộ;
- » Các công trình chuyên dụng khác như thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình;
- » Khai thác đá cát, sỏi, đất, sét, vận chuyển vật liệu xây dựng;
- » Sản xuất gạch không nung
- » Sản xuất, phục hồi điện cơ khí, các sản phẩm cơ khí công trình;
- » Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu;
- » Đại tu xe, máy thi công;

### DỊCH VỤ NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN

- » Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ Massage;
- » Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác;
- » Đại lý rượu bia, nước giải khát;
- » Kinh doanh vận chuyển khách bằng ô tô theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- » Cho thuê xe ô tô;
- » Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển.



### DỊCH VỤ KHÁC

- » Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- » Dịch vụ massage
- » Đại lý dịch vụ Internet;
- » Đại lý thu đổi ngoại tệ;
- » Mua bán hàng thủ công, mỹ nghệ;
- » Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa;
- » Tư vấn du học;
- » Hoạt động dạy nghề;
- » Kinh doanh và cho thuê bất động sản.



## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động kinh doanh triển khai các dự án trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam nhưng đặc biệt tập trung tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ.





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

#### CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

» Đầu tư chiều sâu và mua sắm có chọn lọc các thiết bị, máy móc mới, các phương tiện vận tải để công nghệ hóa các dây chuyền, hệ thống quản lý chất lượng nhằm tăng năng lực và khả năng sản xuất, kinh doanh; tăng tính cạnh tranh và nâng cao vị thế của Công ty.

#### MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG

» Phát huy tối đa lợi thế mảng thi công xây dựng thủy lợi, thủy điện làm cốt lõi, đồng thời chú trọng khai thác cơ hội thị trường để đa dạng hóa sản phẩm – dịch vụ.

» Tích cực tìm kiếm cơ hội mở rộng hoạt động kinh doanh sang các khu vực khác, chuẩn bị đấu thầu và thi công các dự án ở các địa bàn miền Tây Nam Bộ, Tây Bắc Bộ và cả các dự án tại các nước láng giềng như Lào và Campuchia,...

» Mở rộng sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực khác như: sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng hạ tầng, khu công nghiệp, điện gió, metro, đặc biệt trong việc đầu tư xây dựng các dự án địa ốc.

#### NGUỒN NHÂN LỰC

» Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, kỹ năng, tác phong làm việc chuyên nghiệp.

» Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu quả, theo hướng chuyên môn hóa, tự động hóa.

» Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, đội ngũ cán bộ quản lý.

» Đảm bảo chế độ lương thưởng phù hợp, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất lẫn tinh thần.



### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG & DÀI HẠN

» Củng cố và đẩy mạnh phát triển mảng hoạt động xây dựng, xây lắp cốt lõi.

» Chú trọng khai thác cơ hội thị trường để đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh như: lĩnh vực địa ốc, sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng hạ tầng, khu công nghiệp, điện gió, metro, xuất khẩu lao động và dạy nghề,...

» Nâng cao công tác quản trị công ty đồng thời nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp thông qua việc nâng cao năng lực của Ủy ban kiểm toán;

» Tập trung chuẩn hoá hệ thống quy trình nghiệp vụ của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và quy định của pháp luật, đặc biệt là Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ;

» Tiếp tục tìm kiếm các đối tác chiến lược có năng lực về chuyên môn lẫn tiềm lực về tài chính để đảm bảo nguồn huy động vốn cũng như hỗ trợ Công ty về các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh;

» Tối đa hóa quyền lợi của cổ đông, cân đối thích hợp với quyền lợi của các bên liên quan trong việc điều hành Công ty.



### CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

#### Trách nhiệm vì môi trường

» Trong năm Công ty không có trường hợp bị xử phạt về vi phạm Pháp luật và môi trường.

» Các dự án đều thực hiện nộp thuế tài nguyên và phí môi trường theo đúng quy định.

» Công ty đã trồng hàng nghìn cây xanh ở các mái dốc, bãi thải trên khu vực công trường nhằm hạn chế xói mòn, sạt lở đất vì an toàn sinh thái và cải thiện cảnh quan môi trường cho khu vực xây dựng.

» Với phương châm “Vì một môi trường bền vững”. Phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn thi công.

» Bên cạnh đó, cây xanh luôn được trồng trong khuôn viên nhà ở và nhà làm việc, tạo không gian làm việc xanh - sạch. Việc đảm bảo môi trường và cảnh quan Xanh – Sạch – Đẹp trên công trường, không chỉ là yêu cầu bắt buộc của Dự án, mà còn tạo được không khí hài hòa trên công trường, góp phần bảo vệ môi trường.

#### Trách nhiệm vì xã hội và cộng đồng

Trong năm 2021, Công ty ký kết hợp tác chương trình cung cấp các trạm nước uống hợp vệ sinh, thành lập một liên doanh cùng với Vũ Phong Energy Group và INTRACO để sản xuất, xây dựng, lắp đặt và vận hành các trạm lọc nước cung cấp nước uống an toàn và hợp vệ sinh để nâng cao sức khỏe cộng đồng và các chương trình giảm phát thải khí nhà kính khác. Cụ thể:

» Phấn đấu 100% dân cư thành thị được cấp nước sạch đạt quy chuẩn, mục tiêu chung của đề án là bảo đảm số lượng, chất lượng nước cấp cho sinh hoạt trong mọi tình huống; đáp ứng nhu cầu nước cho sản xuất và các ngành kinh tế quan trọng, thiết yếu; giảm phụ thuộc vào các nguồn nước từ bên ngoài lãnh thổ. Ứng phó hiệu quả với các loại hình thiên tai liên quan đến nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, bảo đảm sức khỏe, đời sống, sản xuất của người dân. Bảo đảm an toàn tuyệt đối đập, hồ chứa nước quan trọng; chủ động ứng phó khi có sự cố, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân; chủ động tích, trữ, điều hòa nguồn nước.

» Mục tiêu đề án đặt ra đến năm 2030 phải đảm bảo cân đối đủ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng; đầu tư xây dựng các hồ chứa nước lớn, hệ thống chuyển nước liên vùng; hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp, thiếu năng lực phòng, chống lũ.

» Đến năm 2030, 100% dân cư thành thị, 65% dân số nông thôn, 100% đảo có đông dân cư được cấp nước sạch đạt quy chuẩn; 30% diện tích cây trồng được thực hiện phương thức canh tác tiên tiến và tưới tiết kiệm nước.

» Đến năm 2045 hoàn thành xây dựng các công trình lớn điều tiết mặn, ngọt, dâng nước, trữ nước trên các hệ thống sông, hoàn thành xây dựng các hồ chứa nước lớn. Hình thành mạng lưới liên kết, chuyển nước vùng, quốc gia; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn; 70% diện tích cây trồng được thực hiện phương thức canh tác tiên tiến và tưới tiết kiệm nước; cơ bản 100% nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt được xử lý, phục hồi; 100% cơ sở khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước trên phạm vi cả nước được kiểm soát, áp dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm nước...

## 07 CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### RỦI RO VỀ KINH TẾ

Bước sang năm 2021, tình hình dịch bệnh tại Việt Nam vẫn trong diễn biến phức tạp, Chính phủ đã và đang nỗ lực thực thi các chính sách để đẩy nhanh quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời tiếp tục thực thi nhiều chính sách giãn cách xã hội, truy vết để ứng phó với các làn sóng dịch bệnh mới. Mặc dù còn tiềm ẩn nhiều rủi ro khi tình hình dịch bệnh trên thế giới chưa ổn định và hiệu quả của vắc-xin phòng bệnh vẫn còn khó đoán, nền kinh tế Việt Nam với vị thế ngày càng gia tăng cộng với đà tăng trưởng sẵn có từ việc hưởng lợi từ quá trình dịch chuyển sản xuất khỏi Trung Quốc, đang có sức bật lớn.

Việc đẩy mạnh triển khai các dự án đầu tư công – một trong những biện pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hậu đại dịch và việc vốn đầu tư nước ngoài gia tăng trở lại hứa hẹn sẽ tạo đà phục hồi cho doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thi công xây dựng như C47.

Trước sự biến động của nền kinh tế vĩ mô, để giảm thiểu rủi ro và đảm bảo lợi nhuận, Công ty Cổ phần Xây dựng 47 luôn theo dõi thường xuyên biến động của các yếu tố cơ bản như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, giải ngân vốn ngân sách nhà nước, vốn đầu tư nước ngoài,... để kịp thời đưa ra những biện pháp phù hợp và hiệu quả nhất.

Năm 2020 – 2021, vấn đề chuyển đổi năng lượng theo hướng tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo trên toàn thế giới cũng như tại Việt Nam đang là xu thế và là yêu cầu cấp thiết để chống lại tình hình biến đổi khí hậu toàn cầu. Đứng trước cơ hội đó, Công ty chủ động tham gia sâu hơn vào vào ngành năng lượng tái tạo – lĩnh vực đang được ưu tiên phát triển và có dư địa tăng trưởng lớn. Đây cũng là bước tiếp theo của C47 trong việc mở rộng các lĩnh vực kinh doanh theo xu thế phát triển bền vững.

### RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 hoạt động trong lĩnh vực Xây dựng vì thế chịu tác động bởi các quy định pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Thuế và Bảo hiểm xã hội,... Ngoài ra, Công ty Cổ phần Xây dựng 47 hiện đang là công ty đại chúng và đang được giao dịch trên HOSE - Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM, do đó Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan khác. Vì hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam vẫn chưa thực sự hoàn chỉnh và còn phải trải qua nhiều lần chỉnh sửa nên thiếu tính nhất quán gây khó khăn cho việc áp dụng và thực thi.

Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty không ngừng tìm hiểu, nhạy bén trong công việc, có nhiệm vụ theo dõi, thay đổi những quy định và quy trình nội bộ, vừa đảm bảo việc tuân thủ và chấp hành theo chính sách mới của Nhà nước, vừa đảm bảo trong quá trình hoạt động sẽ đúng và đủ về mặt pháp lý, Công ty đã chủ động hợp tác với Đơn vị tư vấn Doanh nghiệp, đảm bảo thông tin đến với Cổ đông, cơ quan quản lý đúng thời gian và hình thức quy định; Ban hành quy chế hướng dẫn các vấn đề trọng tâm như tài chính, đầu tư tài sản, công bố thông tin,... để toàn thể cán bộ trong Công ty đều cập nhật kịp thời và thực thi nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật.



# RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH NGHỀ

## RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Hoạt động kinh doanh của C47 có nhu cầu vốn lưu động lớn, trong đó phần lớn nguồn vốn được huy động từ ngân hàng. Vì vậy, khi lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, C47 luôn chủ động tính toán, phân tích để duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay, hoạt động đầu tư, hợp tác kinh doanh và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho công ty từ các nguồn vốn thích hợp.

## RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Đối với ngành xây dựng – xây lắp thì biến động giá nguyên vật liệu là một trong những rủi ro quan trọng nhất mà các nhà thầu xây dựng phải gánh chịu do chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn và mức giá thường nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà thầu. Cụ thể:

- Giá nguyên vật liệu phụ thuộc vào địa điểm dự án – các địa điểm thực hiện dự án khác nhau thì giá nguyên vật liệu sẽ khác nhau. Việc xây dựng phải thực hiện tại địa điểm dự án, do đó Công ty thường phải lựa chọn nhà cung cấp lân cận để tiết kiệm chi phí vận chuyển. Khi làm việc với các nhà cung cấp mới, Công ty có thể được ít ưu đãi hơn so với các nhà cung cấp lâu năm. Điều này dẫn đến việc các dự án tại các địa bàn mới thường có mức lợi nhuận thấp hơn và mức rủi ro cao hơn.
- Nguyên vật liệu xây dựng chủ yếu là các hàng hóa thông dụng, thường có khối lượng lớn và cần nhiều tài nguyên để sản xuất. Điều này khiến cho việc sản xuất thường tập trung tại các địa phương có tài nguyên dồi dào hoặc gần cơ sở hạ tầng giao thông thuận lợi cho vận chuyển. Do đó, giá nguyên vật liệu xây dựng có chênh lệch giữa các vùng miền, phụ thuộc vào khoảng cách tới các nhà máy sản xuất và sự sẵn có của tài nguyên.

Nếu giá nguyên liệu đầu vào có sự tăng đột biến thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty, chính vì các điều này có thể làm cho số lượng lẫn quy mô các dự án đầu tư giảm xuống, gây ảnh hưởng đến doanh số của Công ty về lâu dài. Vì vậy, đối với những dự án quy mô lớn và mới, có thời gian kéo dài, để hạn chế rủi ro, chủ động nguồn cung cấp và tránh độc quyền Công ty đã ký kết hợp đồng với nhiều nhà cung cấp, tùy theo thời điểm chọn nhà cung cấp có đơn giá thấp nhất để có lợi nhất cho Công ty.

Đặc biệt trong năm 2021, C47 đã chủ động kiểm soát được nguồn đá đầu vào thông qua việc sử dụng dây chuyền sản xuất cát nhân tạo (cát nghiền từ đá) để thay thế cát tự nhiên tại hai dự án thủy lợi trọng điểm tại khu vực miền Trung là Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ, tỉnh Ninh Thuận và Hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định. Với tốc độ xây dựng nhanh như ở nước ta hiện nay, nguồn tài nguyên cát tự nhiên có nhược điểm rất khan hiếm, có chất lượng không ổn định và cũng đã bị khai thác một cách cạn kiệt. Hiện tượng khai thác cát quá mức dẫn đến xói mòn và sạt lở sông ngòi, làm mất cân bằng sinh thái, ảnh hưởng đời sống của dân khu vực ven sông. Điểm nổi bật của cát nghiền là kiểm soát được nguồn đá đầu vào không lẫn tạp chất bùn sét, điều chỉnh được mô-đun độ lớn cỡ hạt và lượng hạt mịn dưới sàng 0,14 mm cao hơn cát tự nhiên rất nhiều nên thích hợp cho các loại bê tông công trình thủy, bê tông khối lớn, bê tông đầm lăn, bê tông tự đầm... chủ động trong việc sản xuất, cung cấp cốt liệu cho bê tông đảm bảo tiến độ thi công công trình.



## RỦI RO AN TOÀN LAO ĐỘNG

Tính chất đặc thù của ngành xây dựng yêu cầu người lao động phải làm việc trong các điều kiện ảnh hưởng bởi các yếu tố như: thời tiết, độ cao, máy móc thiết bị nặng, sử dụng nhiều nhân công, tiến độ thi công gấp... Đây là những nguyên nhân tiềm ẩn nhiều rủi ro về an toàn nếu không được quản lý và kiểm soát chặt chẽ.

Theo đó, Công ty thường xuyên tổ chức huấn luyện, họp nhóm, đánh giá và kiểm tra công tác an toàn. Định kỳ tiến hành bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc thi công, thiết bị điện, phòng cháy chữa cháy và cung cấp đầy đủ trang bị an toàn kỹ thuật cho toàn bộ nhân sự. Các thiết bị xây dựng được tiếp tục đầu tư mới và kiểm soát chặt chẽ về mặt an toàn.

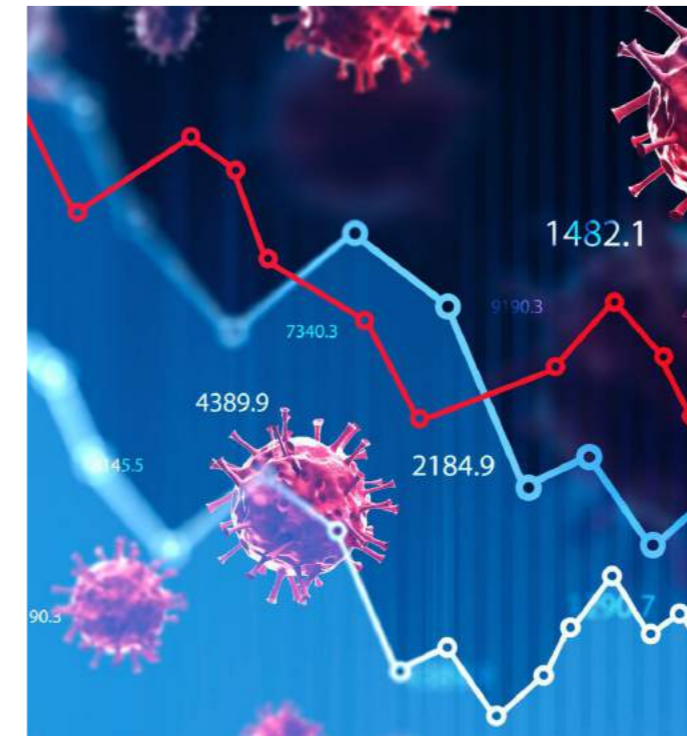
## RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Rủi ro môi trường là các mối đe dọa thực tế hoặc tiềm ẩn tác động lên môi trường sống của con người và xã hội thông qua nguồn nước thải, khí thải, chất thải, hoặc gây suy giảm tài nguyên,... Mặc dù công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi đem lại lợi ích trong việc giải quyết nhu cầu điện quốc gia, nhưng cũng ảnh hưởng tới môi trường. Ví dụ như các công ty thủy điện thường xả nước vào các thời điểm phù hợp với các hoạt động của nhà máy chứ không quan tâm đến những ảnh hưởng đối với vùng hạ lưu, ví dụ như mùa mưa sẽ gây ra ngập lụt, gây nên xói lở bờ sông, hiện tượng xâm nhập mặn tại cửa sông, tác động xấu đến môi trường thủy sinh...

Do vậy, Công ty đã đưa ra các biện pháp giảm nhẹ rủi ro

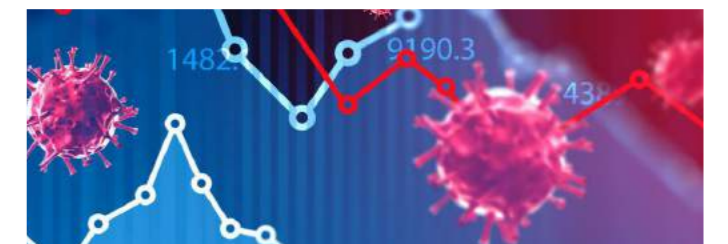
môi trường như tích cực tiến hành các chương trình bảo vệ rừng và trồng rừng xung quanh hồ chứa, thực hành quản lý xây dựng nhằm giảm ô nhiễm không khí, tiếng ồn, bụi, nước; xử lý và kiểm soát chất thải; đảm bảo dòng chảy tối thiểu của đập trong mùa khô. Trong năm 2021, Công ty đã sử dụng hiệu quả cát nhân tạo, tro bay thi công đập bê tông trọng lực nhằm mục đích giảm phát thải và diện tích đổ thải, giảm chi phí cho biện pháp xử lý tại bãi thải sẽ giảm gây ô nhiễm môi trường. Việc sử dụng cát nghiền, tro bay cho bê tông sẽ làm tăng độ bền của các kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, nâng cao chất lượng, mỹ thuật, tăng tuổi thọ và sự bền vững, giảm giá thành xây dựng

## RỦI RO KHÁC



Một số rủi ro khác mang tính chất khách quan như động đất, hỏa hoạn, hạn hán, bão lũ, chiến tranh hay dịch bệnh tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động phần nào đến tình hình kinh doanh của Công ty.

Vì vậy, Công ty thường xuyên theo dõi, kiểm tra để đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy. Đồng thời liên tục cập nhật tình hình thông tin về thời tiết, chính trị, xã hội để kịp thời có những biện pháp đề phòng hợp lý trước những nguy cơ thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh nhằm giảm thiểu tối đa tổn thất khi có rủi ro xảy ra.



## PHẦN II

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ & THỰC HIỆN DỰ ÁN
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG & THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## TÌNH HÌNH CHUNG NGÀNH XÂY DỰNG NĂM 2021

Nghành xây dựng năm 2021 với đợt dịch Covid-19 bùng phát lần thứ tư kéo dài từ đầu tháng 5 đến hết tháng 9 làm cho các doanh nghiệp xây dựng gặp rất nhiều khó khăn, không có công trình mới hoặc có công trình nhưng không thể thi công được do yêu cầu về giãn cách xã hội của chính quyền địa phương, nếu công trình nằm trong danh mục được thi công thì phải đảm bảo yêu cầu “3 tại chỗ”. Cá biệt có nhiều nhà thầu xây dựng trong nước đã ký hợp đồng xây dựng với các doanh nghiệp nước ngoài nhưng bị trễ hợp đồng do không kịp tiến độ thi công nên phải đền bù hợp đồng với mức phí rất cao.

Thêm vào đó, mặc dù doanh nghiệp xây dựng không hoạt động được nhưng vẫn phải trả tiền lãi vay ngân hàng, tình hình giải ngân vốn đầu tư công chậm càng làm doanh nghiệp xây dựng gặp khó khăn về vốn. Theo đó, phân khúc xây dựng cốt lõi của C47 là xây dựng, xây lắp các công trình Thủy điện, Thủy lợi nhìn chung ít ảnh hưởng, vì thế hoạt động kinh doanh mảng này của Công ty trong năm vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra.



### Đối với Ngành Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện

Nhu cầu điện của Việt Nam tăng trưởng bình quân 9,6%/năm theo báo cáo của Bộ Công thương trong giai đoạn 2010 – 2020 và được dự báo tiếp tục tăng mạnh trong giai đoạn 2020 – 2025 vì nguồn cung hiện tại không đủ để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng điện toàn quốc tính đến cuối năm 2022. Mặt khác, hệ thống điện dự phòng hầu như không còn đến đầu năm 2020 và bắt đầu từ năm 2021 đã xảy ra tình trạng thiếu hụt điện nghiêm trọng và Việt Nam phải tăng nhập khẩu điện từ Trung Quốc trong các năm tới, tuy nhiên việc phát triển năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời chưa đảm bảo hiệu quả, trong trường hợp các dự án năng lượng tái tạo bị chậm tiến độ thì hệ thống sẽ bị thiếu hụt nguồn cung, vì vậy việc mở rộng các nguồn cung cấp điện khác là rất cấp bách. Điều này khiến cho việc mở rộng các dự án thủy điện là cần thiết. Vì vậy, ngành điện Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào thủy điện và nhu cầu xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện vẫn tiếp tục ở mức cao trong thời gian tới.



### Đối với Ngành Dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch lữ hành

Bình Định nói chung và Thành phố Quy Nhơn nói riêng đã và đang trở thành điểm đến hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước. Với chủ trương tập trung xây dựng các dòng sản phẩm du lịch đặc trưng, phát huy các giá trị tài nguyên du lịch biển, đẩy mạnh phát triển du lịch gắn với văn hóa và việc thu hút đầu tư vào các dự án quy mô lớn, ngành du lịch biển Bình Định hứa hẹn sẽ có thêm những sản phẩm hấp dẫn hơn nữa nhằm thu hút du khách trong tương lai.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: tỷ đồng

| NỘI DUNG                         | THỰC HIỆN 2020 | KẾ HOẠCH 2021 | THỰC HIỆN 2021 | TỶ LỆ HOÀN THÀNH KH | SO SÁNH 2021&2020 |
|----------------------------------|----------------|---------------|----------------|---------------------|-------------------|
| Doanh thu thuần                  | 1.233,08       | 1.100,00      | 881,94         | 80,18%              | -28,48%           |
| Giá vốn hàng bán                 | 1.090,57       |               | 767,10         |                     | -29,66%           |
| Lợi nhuận gộp                    | 142,51         | 83,30         | 114,84         | 137,86%             | -19,42%           |
| Doanh thu từ hoạt động tài chính | 8,86           |               | 20,94          |                     | 136,34%           |
| Lợi nhuận khác                   | -23,18         |               | 13,72          |                     | -159,19%          |
| Lợi nhuận trước thuế             | 25,83          |               | 56,71          |                     | 119,55%           |
| Lợi nhuận sau thuế               | 18,34          | 31,00         | 43,22          | 139,42%             | 135,66%           |
| EPS (đồng/CP)                    | 1.277          | 1.440         | 2.331          |                     | 82,54%            |

Năm 2021, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của C47 diễn biến theo chiều hướng tích cực khi các chỉ tiêu tài chính về doanh thu và lợi nhuận đều tăng mạnh. Cụ thể, doanh thu thuần đạt hơn 881,94 tỷ đồng, đạt 80% so với kế hoạch, tuy nhiên Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 43,22 tỷ đồng – tăng hơn 35% so với mức lợi nhuận năm 2020 và vượt 39,42% so với kế hoạch được Đại Hội đồng cổ đông thông qua (31 tỷ đồng) là do Công ty đã có những giải pháp tốt giúp tiết giảm được chi phí hoạt động kinh doanh.

Công ty cũng hoàn thành mục tiêu tái cấu trúc tài chính từ năm 2020, giúp giảm nhiều gánh nặng lãi vay (chi phí lãi vay năm 2021 giảm hơn 17% so với cùng kỳ). Hơn nữa,

việc hoàn thành Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim cũng đóng góp phần lớn vào lợi nhuận của Công ty.

Chỉ số sinh lời trên mỗi cổ phần (EPS) năm nay tăng gần 82,54%, đạt 2.331 đồng/ 1 cổ phần cũng là điều đáng lưu ý giúp C47 đón nhận thêm sự quan tâm của các nhà đầu tư.

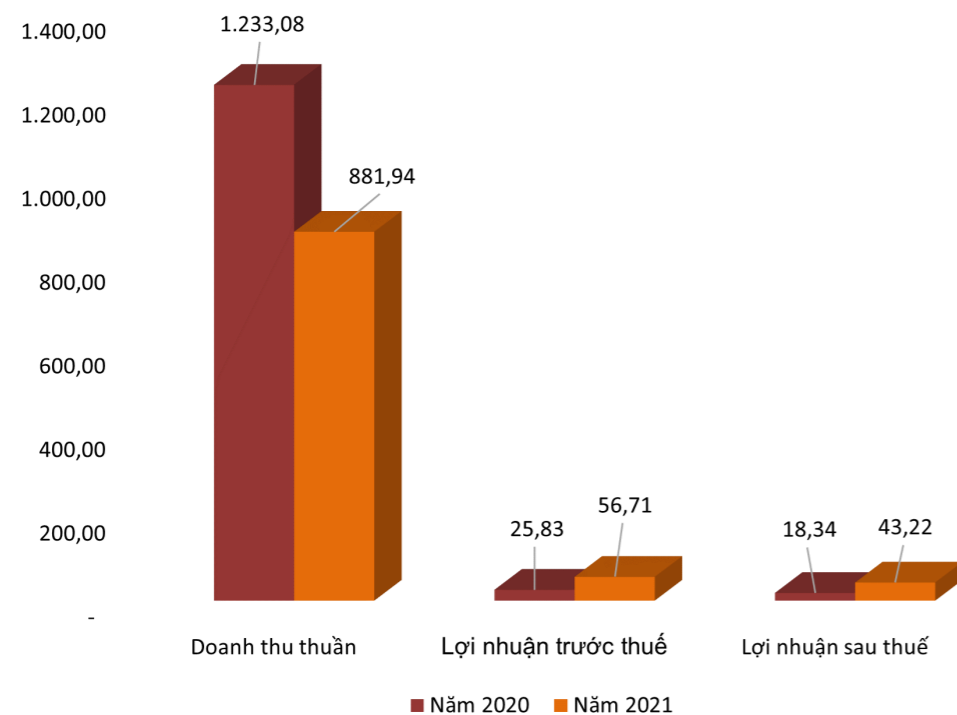
Kết quả kinh doanh năm 2021, C47 đạt doanh thu 881,94 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 43 tỷ đồng, đạt 236% so với cùng kỳ năm 2020 chủ yếu do nguyên nhân sau: Công ty đã chủ động cắt giảm chi phí, đặc biệt là Chi phí lãi vay dẫn đến Chi phí tài chính giảm so với cùng kỳ 17,85%.

Công trình HCN Đồng Mít tỉnh Bình Định 12/2021.



### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: tỷ đồng







# TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

## DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

| STT | Thành viên       | Chức vụ           | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------|-------------------|--------------------|--------------|
| 1   | Dương Minh Quang | Tổng Giám đốc     | 701.362            | 2,55%        |
| 2   | Đình Tấn Dương   | Phó Tổng Giám đốc | 56.836             | 0,21%        |
| 3   | Nguyễn Hữu Hải   | Phó Tổng Giám đốc | 72.360             | 0,26%        |
| 4   | Trần Đức Dương   | Phó Tổng Giám đốc | 05                 | 0,000018%    |
| 5   | Hồ Đình Phong    | Kế toán trưởng    | 30.004             | 0,11 %       |

## LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

### 1/ Ông Dương Minh Quang - Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh : 1973

Trình độ chuyên môn : Thạc Sĩ Xây dựng Công Trình Thủy

Quá trình công tác

| Thời gian      | Nơi làm việc     | Chức vụ  |
|----------------|------------------|--|
| 1999 - 2001    | CTCP Xây dựng 47 | Cán bộ phụ trách Kỹ thuật công trình                   |
| 2002 – 2009    | CTCP Xây dựng 47 | Trưởng phòng Kỹ thuật                                  |
| 2009 - 2012    | CTCP Xây dựng 47 | Trưởng phòng Kế hoạch                                  |
| 2012 – 05/2016 | CTCP Xây dựng 47 | Phó Tổng Giám đốc<br>(Thành viên HĐQT từ tháng 4/2015) |
| 06/2016 - nay  | CTCP Xây dựng 47 | Tổng Giám đốc Công ty                                  |

Số cổ phiếu sở hữu : 701.362 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 2,55% vốn điều lệ (tại thời điểm ngày 24/02/2022)

### 2/ Ông Đình Tấn Dương - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1963

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi

Quá trình công tác

| Thời gian   | Nơi làm việc                | Chức vụ                                  |
|-------------|-----------------------------|--|
| 1983 - 1994 | Công ty Xây dựng Thủy lợi 7 | Kỹ sư Giám sát kỹ thuật                  |
| 1994 - 2005 | Công ty Xây dựng Thủy lợi 7 | Đội trưởng Đội thi công                  |
| 2005 - 2009 | CTCP Xây dựng 47            | Đội trưởng Đội thi công                  |
| 2010 - 2015 | CTCP Xây dựng 47            | Giám đốc xí nghiệp trực thuộc            |
| 2015 – 2018 | CTCP Xây dựng 47            | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| 2018 – nay  | CTCP Xây dựng 47            | Phó Tổng Giám đốc                        |

Số cổ phiếu sở hữu : 56.836 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ (tại thời điểm ngày 24/02/2022).

### 3/ Ông Nguyễn Hữu Hải - Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh : 1975

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng Thủy lợi – Thủy điện

Quá trình công tác

| Thời gian         | Nơi làm việc     | Chức vụ                                       |
|-------------------|------------------|---|
| 1998 - 2004       | CTCP Xây dựng 47 | Cán bộ phụ trách Kỹ thuật thi công công trình |
| 2004 – 12/2011    | CTCP Xây dựng 47 | Trưởng phòng Thí nghiệm                       |
| 01/2012 – 08/2018 | CTCP Xây dựng 47 | Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch               |
| 08/2018 – 06/2020 | CTCP Xây dựng 47 | Phó Tổng Giám đốc                             |
| 06/2020 - nay     | CTCP Xây dựng 47 | Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT        |

Số cổ phiếu sở hữu : 72.360 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,26% vốn điều lệ (tại thời điểm ngày 24/02/2022)

**4/ Ông Trần Đức Dương - Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh : 1969  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế + Toán

Quá trình công tác

| Thời gian         | Nơi làm việc                                | Chức vụ                           |
|-------------------|---|-----------------------------------|
| 05/1992 – 02/2005 | Công ty Xây dựng 47                         | Kế toán viên                      |
| 04/2005 – 12/2011 | CTCP Xây dựng 47                            | Phó Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ |
| 01/2012 – 04/2018 | CTCP Xây dựng 47                            | Trưởng phòng Đầu tư Tài Chính     |
| 05/2018 – 08/2018 | CTCP Xây dựng 47                            | Phó Tổng Giám đốc                 |
| 09/2018 – 04/2021 | Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Tấn Phát | Phó Giám đốc                      |
| 05/2021 - nay     | CTCP Xây dựng 47                            | Phó Tổng Giám đốc                 |

Số cổ phiếu sở hữu : 05 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000018% vốn điều lệ (tại thời điểm ngày 24/02/2022)

**5/ Ông Hồ Đình Phong - Kế toán trưởng**

Năm sinh : 1975  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

| Thời gian         | Nơi làm việc                        | Chức vụ                  |
|-------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| 1999 – 07/2001    | Công ty Dệt may Xuất khẩu Bình Định | Kế toán viên             |
| 08/2001 – 01/2014 | CTCP Xây dựng 47                    | Kế toán viên             |
| 01/2014 – 03/2020 | CTCP Xây dựng 47                    | Phó Phòng Kế toán Tài vụ |
| 04/2020 - nay     | CTCP Xây dựng 47                    | Kế toán trưởng           |

Số cổ phiếu sở hữu : 30.004 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,11% vốn điều lệ (tại thời điểm ngày 24/02/2022)



## TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

### NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HĐQT, UBKT & BAN ĐIỀU HÀNH

| STT | Thành viên      | Chức vụ   | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm  |
|-----|-----------------|---|--|
| 1   | Phạm Nam Phong  | Chủ tịch Hội đồng quản trị                        | Bổ nhiệm ngày 14/08/2021   |
| 2   | Tạ Nam Bình     | Phó chủ tịch HĐQT                                 | Bổ nhiệm ngày 14/8/2021  |
|     |                 | TV HĐQT kiêm Trưởng ban KTNB                      | Miễn nhiệm Chủ tịch UBKT ngày 14/8/2021.   |
| 3   | Lê Trung Nam    | TV HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán thuộc HĐQT | Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT và Bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán thuộc HĐQT ngày 14/08/2021. |
|     |                 | Trưởng ban KTNB                                   | Bổ nhiệm ngày 01/08/2021   |
| 4   | Võ Trọng Hiếu   | Trưởng ban KTNB                                   | Bổ nhiệm ngày 01/08/2021   |
| 5   | Trần Đức Dương  | Phó Tổng Giám đốc                                 | Bổ nhiệm ngày 03/05/2021   |
| 6   | Nguyễn Xuân Cần | Thành viên Ban điều hành                          | Tái bổ nhiệm 04/07/2020  |
|     |                 |   | Miễn nhiệm 01/07/2021  |

### SỐ LƯỢNG CÁN BỘ & NHÂN VIÊN

| STT      | Tính chất phân loại                       | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%)  |
|----------|---|------------------|------------|
| <b>A</b> | <b>Theo trình độ</b>                      |                  | <b>100</b> |
| 1        | Trình độ trên đại học                     | 06               | 1          |
| 2        | Trình độ đại học                          | 119              | 18         |
| 3        | Trình độ cao đẳng                         | 64               | 10         |
| 4        | Trình độ trung cấp                        | 249              | 39         |
| 5        | Trình độ sơ cấp nghề                      | 172              | 27         |
| 6        | Lao động phổ thông                        | 36               | 6          |
| <b>B</b> | <b>Theo bộ phận</b>                       |                  | <b>100</b> |
| 1        | Hợp đồng không thời hạn                   | 459              | 71         |
| 2        | Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)             | 1                | 0          |
| 3        | Hợp đồng xác định thời hạn (từ 1 – 3 năm) | 186              | 29         |
|          | <b>Tổng cộng</b>                          | <b>646</b>       |            |

### THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM

| Chỉ tiêu                              | Năm 2018   | Năm 2019   | Năm 2020   | Năm 2021   |
|---------------------------------------|------------|------------|------------|------------|
| Tổng số lượng người lao động (người)  | 943        | 780        | 748        | 646        |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 10.790.000 | 12.354.000 | 13.825.000 | 12.276.000 |



# TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

## CHÍNH SÁCH DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Chính Sách Về Lương, Thưởng & Phúc Lợi

Đối với chế độ tiền lương, Công ty tuân thủ theo Luật Lao động và Quy chế lương, thưởng của Công ty đã ban hành. Hoàn tất việc xây dựng thang lương cơ bản theo mức lương tối thiểu vùng năm 2022 và những thay đổi cơ sở của Nhà nước, thực hiện các khoản phụ cấp phải đóng bảo hiểm xã hội và các khoản hỗ trợ phù hợp với các quy định pháp luật.

Công tác theo dõi và báo cáo tăng/giảm về các chế độ bảo hiểm bắt buộc thực hiện kịp thời, đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Công tác giải quyết các chế độ theo quy định cho người lao động được đảm bảo, thực hiện hàng tháng kịp thời thanh toán lương cho người lao động.

Xây dựng các chính sách lương, thưởng, phúc lợi chung phù hợp với người lao động và cho toàn Công ty.

Ngoài chế độ phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp năng lực, bằng cấp, thâm niên, xăng xe, điện thoại..., Công ty còn áp dụng tiền ăn giữa ca cho người lao động, trợ cấp công tác phí, trợ cấp nghỉ việc, trợ cấp khó khăn và các phúc lợi khác như kết hôn, sinh nhật, ma chay, ốm đau...đồng thời đảm bảo các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Hàng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

Để tạo sự gắn kết tinh thần tập thể của cán bộ, nhân viên, hàng năm Công đoàn và Công ty tổ chức các chuyến du lịch nghỉ dưỡng, các hoạt động văn hóa - văn nghệ và các phong trào thể dục - thể thao nhằm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân viên.



### Chính Sách Tuyển Dụng

Công ty đã đa dạng nhiều hình thức tuyển dụng trên báo, internet, trung tâm xúc tiến việc làm, các ngày hội nghề nghiệp kết hợp với quảng bá hình ảnh Công ty với mục đích thu hút người lao động có trình độ chuyên môn cao, nhằm đa dạng hóa được nguồn người lao động có trình độ kỹ năng, kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu công việc đưa ra, nhất là huy động nguồn lao động khi tăng quy mô kinh doanh, sản xuất trên toàn bộ máy Công ty.

Để giữ vững được tinh thần và nét đẹp truyền thống của C47, trong quá trình làm việc, công ty luôn tạo điều kiện tốt nhất cho các công nhân viên được làm việc môi trường thân thiện, chuyên nghiệp, hiệu quả. Đối với nhân viên mới luôn được hỗ trợ tốt nhất việc học tập, tiếp cận, nâng cao trình độ chuyên môn làm việc; đối với các cán bộ công nhân viên có thâm niên luôn được chú trọng quan tâm đến các chính sách, chế độ; đối với công nhân viên làm việc tốt luôn có nhiều cơ hội thăng tiến trong công việc.

### Chính Sách Về Đào Tạo & Phát Triển Nguồn Nhân Lực

Lực lượng lao động luôn được đào tạo nhằm chuẩn bị và phục vụ nguồn nhân lực cho các dự án. Đồng thời, Công ty còn tập trung thực hiện các công tác đào tạo chuyên sâu, bổ sung kiến thức, kỹ năng cho các nhân sự tiềm năng nhằm tạo đội ngũ kế thừa đảm nhận Chỉ huy Trưởng Công trường và Trưởng Phó các Phòng, Ban chức năng.

Công ty luôn có những chiến lược cụ thể để phát triển nguồn nhân lực thông qua việc ổn định và duy trì nguồn nhân lực hiện có (hoàn thiện các chính sách đang áp dụng tại doanh nghiệp, cải thiện môi trường làm việc, kế hoạch đào tạo và tái đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, bố trí nhân sự đúng người, đúng việc, cải tiến phương thức làm việc, đảm bảo tính chuyên nghiệp trong môi trường làm việc); phát triển nguồn nhân lực (đào tạo được lực lượng cán bộ trẻ, hướng đến xây dựng đội ngũ lãnh đạo kế thừa, thực hiện chế độ chính sách đãi ngộ, phúc lợi, khen thưởng hợp lý, tạo tính cạnh tranh lành mạnh trong từng vị trí công việc, tổ chức các chuyến tham quan du lịch, các phong trào thể dục thể thao, các chương trình giao lưu học hỏi, vui chơi); chính sách thu hút nguồn nhân lực (phối hợp, tìm kiếm trung tâm đào tạo, sàng lọc nguồn lao động để đảm bảo nhân viên có năng lực, nhiệt huyết với công việc).

### Công Đoàn

Tổ chức công đoàn C47 đã thực hiện việc triển khai hiệu quả các chính sách, Nghị quyết của Công ty, đẩy mạnh và duy trì các phong trào công đoàn, tạo môi trường sinh hoạt và lao động tích cực cho người lao động trên tất cả các mặt như: công tác giáo dục chính trị tư tưởng thông qua việc triển khai nghị quyết, tuyên truyền chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, luật lao động...; các hoạt động phong trào thể dục thể thao - văn hóa; các hoạt động chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động thông qua tổ chức kỷ niệm, tặng quà cho người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn...

Ngoài ra, mỗi dịp cán bộ, công nhân viên, công đoàn viên của công ty có các sự kiện hiếu, hỉ, ốm đau, tổ chức công đoàn C47 luôn có những động viên kịp thời để CBCNV, công đoàn viên an tâm công tác. Hơn nữa, công đoàn C47 còn tham gia vào công tác an toàn lao động, bảo vệ tài sản công ty.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ & THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Xây dựng 47 đã và đang tập trung thi công các công trình trọng điểm như sau:

*Công trình Đập đầu mối Tân Mỹ - tỉnh Ninh Thuận*

*Dung tích hồ chứa: 219,8 triệu m<sup>3</sup>*



### Hệ thống thủy lợi

#### Tân Mỹ

C47 là thành viên đứng đầu liên danh thầu đảm nhiệm thi công Gói thầu số 20: Đập chính Sông Cái và Đập phụ số 1.

**Vị trí:** Sông Cái – đoạn qua huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

**Quy mô:** 2.700 tỷ đồng, là dự án quy mô nhóm A. Dự án do Ban quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 7 làm chủ đầu tư từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ.

**Tổng giá trị hợp đồng:** 1.511 tỷ đồng, trong đó giá trị phần thi công của C47 là 830 tỷ đồng.

**Thời gian thực hiện:** dự kiến từ năm 2018 - 2021

**Tiến độ triển khai:** Dự án bắt đầu thi công từ tháng 08/2018, công trình đã cơ bản hoàn thành, hiện đang hoàn thiện một số công việc cuối cùng để bàn giao công trình cho Chủ đầu tư đưa vào sử dụng, dự kiến trong tháng 04/2022

*Đường hầm dẫn nước - Công trình Thủy điện Đa Nhim mở rộng*

*(tỉnh Lâm Đồng)*



### Nhà máy thủy điện

#### Đa Nhim mở rộng

C47 là nhà thầu chính thực hiện xây dựng thi công công trình.

**Vị trí:** Trên địa bàn hai tỉnh Lâm Đồng và Ninh Thuận.

**Quy mô:** Công suất 80MW với tổng mức đầu tư hơn 1.900 tỷ đồng do CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi làm chủ đầu tư, được thực hiện từ nguồn vốn tự có và vốn vay Chính phủ Nhật Bản thông qua Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản JICA.

**Tổng giá trị hợp đồng:** 713 tỷ đồng.

**Thời gian thực hiện:** dự kiến từ năm 2016 - 2021

**Tiến độ triển khai:** Dự án bắt đầu thi công từ tháng 12/2015, công trình đã hoàn thành bàn giao cho Chủ đầu tư đưa vào sử dụng.

Công trình HCN Đồng Mít - tỉnh Bình Định



## Hồ chứa nước Đồng Mít

C47 là thành viên đứng đầu liên danh thầu, cùng với Công ty Cổ phần Cơ khí & Lắp máy 276, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam đảm nhiệm các công việc: thi công xây dựng đập chính, đập tràn xả lũ, cống lấy nước, khoan phụt; mua sắm, chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí, quan trắc và các hạng mục phụ trợ công trình.

**Vị trí:** Huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

**Quy mô:**

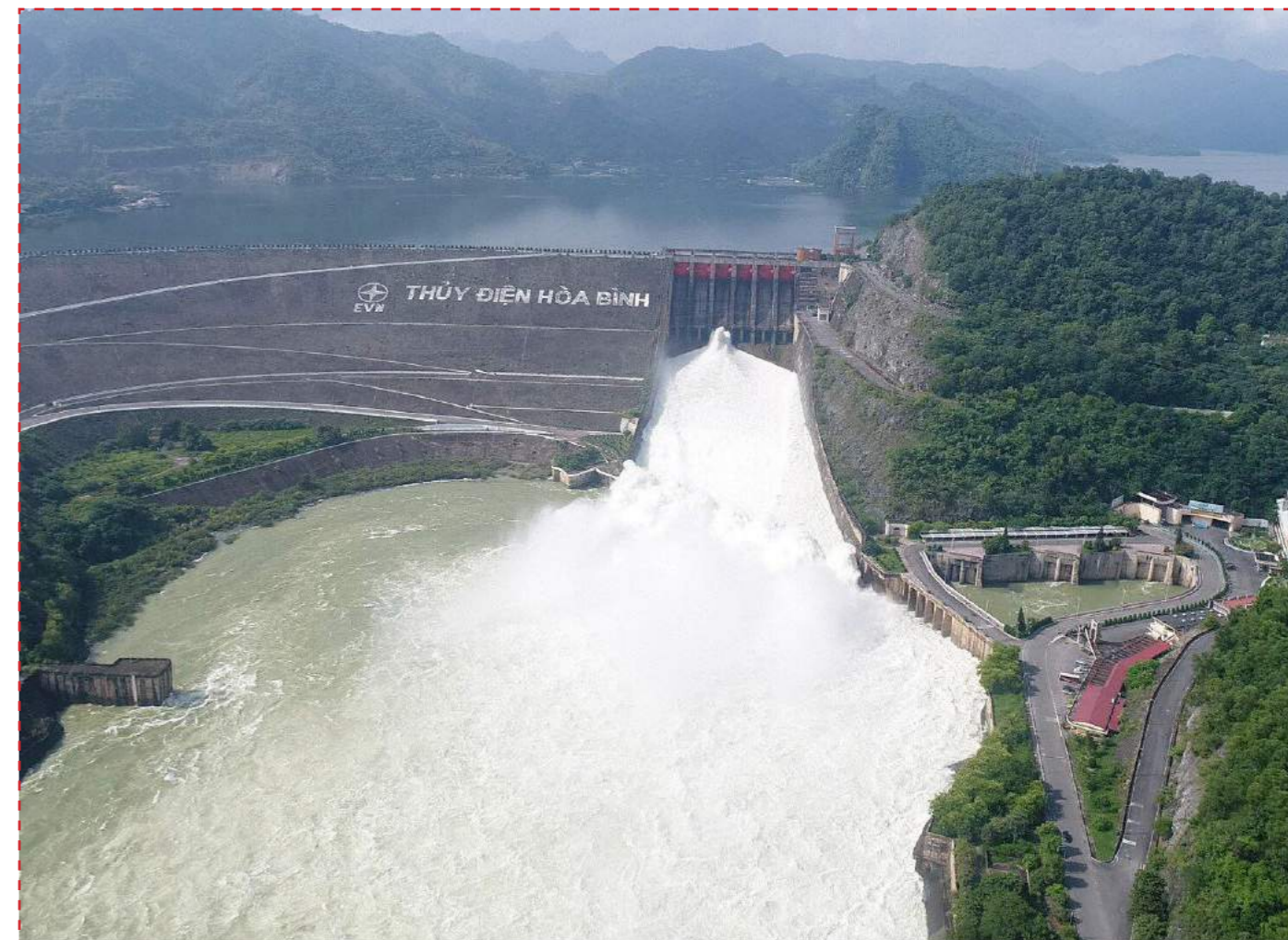
- Công trình cấp 1, dự án nhóm A, có tổng mức đầu tư hơn 2.140 tỷ đồng do Ban quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 6 (nay là Ban quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 7) là chủ đầu tư từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ.

- Dung tích thiết kế gần 90 triệu m<sup>3</sup> nước, khi hoàn thành sẽ cung cấp nước tưới cho hơn 6.700 ha đất sản xuất, cấp nước sinh hoạt cho gần 280.000 dân ở 4 huyện phía bắc tỉnh Bình Định.

**Tổng giá trị hợp đồng:** 1.025 tỷ đồng, trong đó giá trị phần việc của C47 là 852 tỷ đồng.

**Thời gian thực hiện:** dự kiến từ năm 2018 - 2021

**Tiến độ triển khai:** Dự án bắt đầu triển khai thi công từ tháng 01/2019, công trình đã hoàn thành 99% khối lượng, hiện đang hoàn thiện một số hạng mục cuối cùng, dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng trong tháng 04/2022.



## Nhà máy thủy điện Hòa Bình mở rộng

C47 là thành viên trong liên danh thầu, cùng Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn và Công ty cổ phần Lilama 10 đảm nhiệm gói thầu "Thi công xây lắp công trình thủy điện Hòa Bình mở rộng" - gói thầu lớn nhất của dự án.

**Vị trí:** Bờ phải tuyến đập thủy điện Hòa Bình hiện hữu, thuộc thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

**Quy mô:**

- Công suất lắp máy 480 MW, tổng mức đầu tư hơn 9.220 tỷ đồng do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (đại diện là Ban Quản lý dự án Điện 1) làm chủ đầu tư.

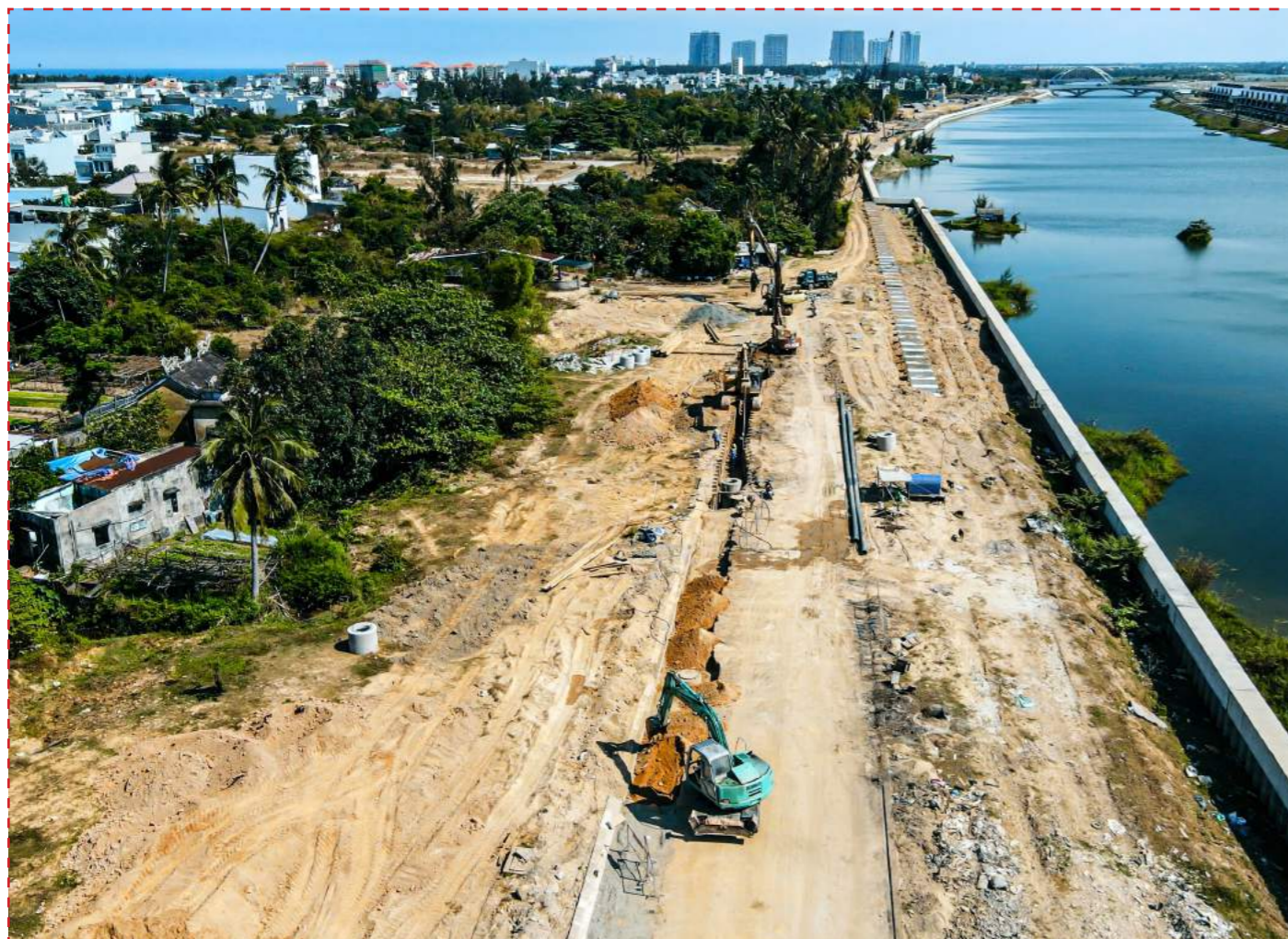
- Dự án thuộc nhóm A với ý nghĩa đặc biệt quan trọng, sau khi hoàn thành sẽ tăng khả năng phát công suất phủ đỉnh cho hệ thống điện Quốc gia, đồng thời khai thác tối đa nguồn nước xả thừa hàng năm vào mùa lũ của Nhà máy thủy điện Hòa Bình hiện hữu.

**Tổng giá trị hợp đồng:** 3.072 tỷ đồng, trong đó giá trị phần thi công của C47 là 916 tỷ đồng.

**Thời gian thực hiện:** dự kiến từ năm 2020 - 2024.

**Tiến độ triển khai:** Dự án khởi công từ tháng 01/2021 và đang triển khai thi công theo kế hoạch, dự kiến hoàn thành bàn giao theo tiến độ hợp đồng trong tháng 09/2024.

Công trình xây dựng hệ thống thu gom nước thải Cổ Cò Đà Nẵng.



### Dự án xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng và các tuyến cống chuyển nước mưa về sông Hàn cho lưu vực từ đường Hồ Xuân Hương đến giáp tỉnh Quảng Nam

Là nhà thầu phụ thi công một phần phạm vi công việc trên lưu vực sông Cổ Cò cho nhà thầu chính là Công ty TNHH đầu tư xây dựng DACINCO.

**Vị trí:** Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng.

#### Quy mô:

- Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp I, thuộc nhóm B, có nguồn vốn từ ngân sách Thành phố Đà Nẵng.

**Tổng giá trị hợp đồng:** 73 tỷ đồng

**Thời gian thực hiện:** dự kiến từ năm 2021 - 2022

**Tiến độ triển khai:** Dự án khởi công từ tháng 10/2021 và đang triển khai thi công theo kế hoạch, dự kiến hoàn thành bàn giao cho Chủ đầu tư theo tiến độ tháng 10/2022.

#### Mục tiêu dự án:

- Kiểm soát, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường do nước thải gây ra tại các bãi tắm thuộc khu vực phía Đông quận Ngũ Hành Sơn và tình trạng ô nhiễm nguồn nước ngầm gây ra do nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình tự thấm xuống đất; đồng thời nâng cao hiệu quả xử lý tại các trạm xử lý nước thải của thành phố thông qua việc thu gom và đưa nước thải có tải trọng ô nhiễm cao về trạm xử lý;



### Dự án đập dâng Phú Phong

C47 là thành viên đứng đầu liên danh thầu, cùng với Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc, Công ty TNHH Xây dựng Thủy Dương đảm nhận việc thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị toàn bộ công trình.

**Vị trí:** Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định.

**Quy mô:** Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp III.

**Tổng giá trị hợp đồng:** 599 tỷ đồng, trong đó giá trị phần thi công của C47 là 447,6 tỷ đồng.

**Thời gian thực hiện:** dự kiến từ năm 2021 - 2024

**Tiến độ triển khai:** Dự án khởi công từ tháng 02/2022 và đang triển khai thi công theo kế hoạch và dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng tháng 6/2024.

#### Mục tiêu dự án:

- Cấp nước tưới ổn định cho 450 ha đất sản xuất nông nghiệp các xã Tây Xuân và Bình Nghi, huyện Tây Sơn, trong đó tưới trực tiếp 270 ha và cấp nước cho các trạm bơm 182 ha. Nâng cao mực nước ngầm, tạo nguồn để cấp nước sinh hoạt cho khoảng 56.000 người dân thuộc các xã Bình Tường, Tây Phú, Tây Xuân, Bình Hòa, Bình Nghi và thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, Bình Định.



## Dự án Hồ chứa nước

### Ta Hoét

C47 là thành viên nhà thầu liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 - Công ty Cổ phần Xây dựng 47 - Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68 (Viết tắt là Liên danh LHC-ICCO40-CC47-68) đảm nhận thi công toàn bộ gói thầu số 10: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình đầu mối và thu dọn vệ sinh lòng hồ.

**Vị trí:** Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng.

**Quy mô:** Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp II.

**Tổng giá trị hợp đồng:** 319,4 tỷ đồng, trong đó giá trị phần thi công của C47 là 126,8 tỷ đồng.

**Thời gian thực hiện:** dự kiến từ năm 2022 - 2023

**Tiến độ triển khai:** Dự kiến sẽ khởi công trong tháng 03/2022, triển khai thi công và hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư theo kế hoạch tháng 9/2023.

#### Mục tiêu dự án:

- Góp phần cung cấp nước tưới cho 2.580 ha đất canh tác gồm: cấp nước tưới tự chảy cho 2.080 ha lúa, rau màu, cây công nghiệp thuộc địa bàn 2 xã Tân Hội và Tân Thành; cấp nước tưới bổ sung cho 500 ha thuộc khu tưới của hồ Tuyền Lâm; Tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho khoảng 65.000 người dân sinh sống tại 2 xã Tân Hội, Tân Thành, thị trấn Liên Nghĩa và các vùng phụ cận; kết hợp tạo cảnh quan du lịch và góp phần cải thiện tiểu khí hậu của vùng dự án, nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ.





# 04 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

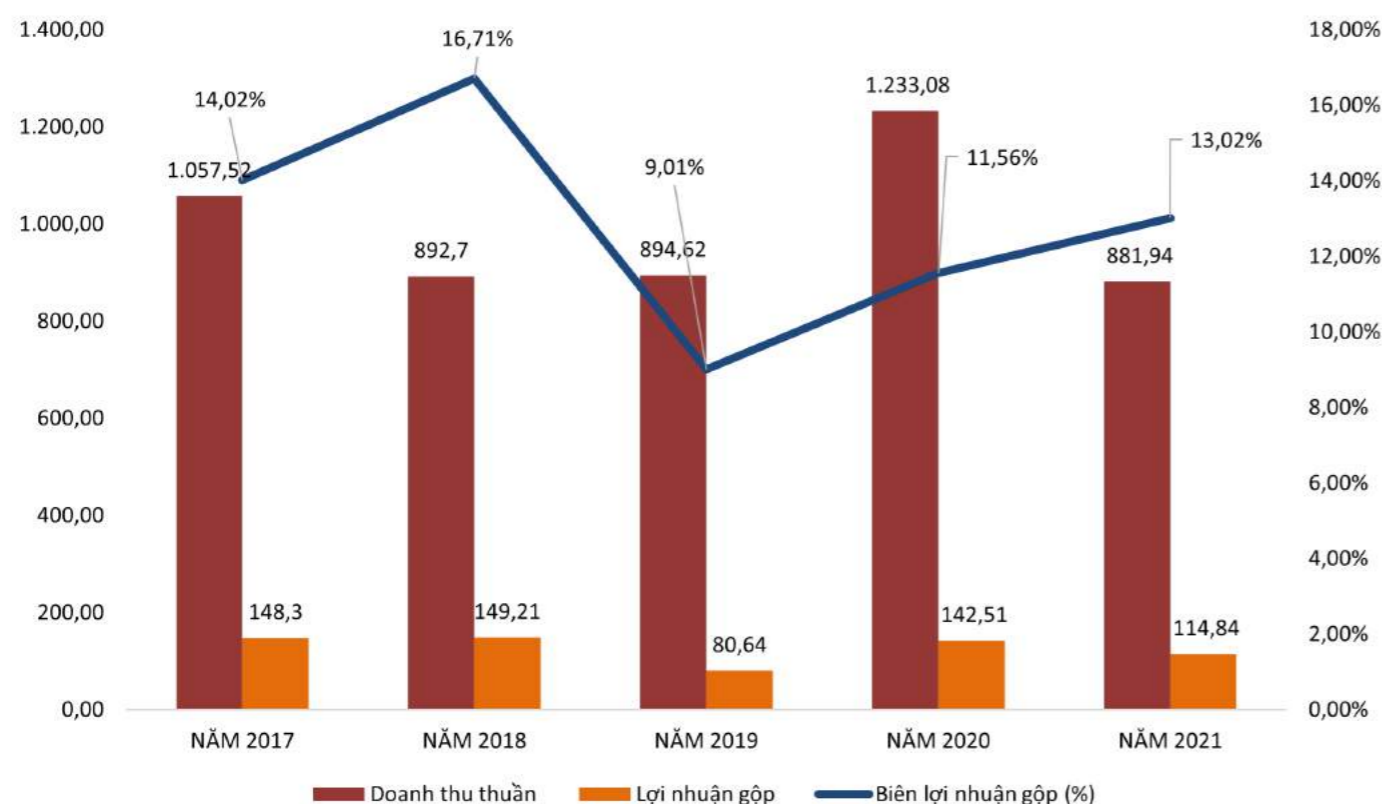
## DOANH THU & BIÊN LỢI NHUẬN GỘP GIAI ĐOẠN 2017- 2021

Đơn vị tính: tỷ đồng

| CHỈ TIÊU               | NĂM 2017 | NĂM 2018 | NĂM 2019 | NĂM 2020 | NĂM 2021 |
|------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Doanh thu thuần        | 1.057,52 | 892,7    | 894,62   | 1.233,08 | 881,94   |
| Lợi nhuận gộp          | 148,3    | 149,21   | 80,64    | 142,5    | 114,84   |
| Biên lợi nhuận gộp (%) | 14,02    | 16,71    | 9,01     | 11,56    | 13,02    |

Đơn vị tính: tỷ đồng

DOANH THU & BIÊN LỢI NHUẬN GỘP QUA CÁC NĂM



Doanh thu thuần của Công ty đạt 881,94 tỷ đồng, giảm gần 28,48% so với giá trị của năm 2020. Nguyên nhân là do tác động của dịch Covid 19 diễn biến phức tạp dẫn đến tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty bị đình trệ. Đứng trước diễn biến đó, C47 vẫn nỗ lực tiết giảm chi phí, gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh. Kết quả năm 2021 của C47 đạt kết quả kinh doanh, cụ thể vượt kế hoạch đề ra như sau:

- Lợi nhuận gộp đạt 114,84 tỷ đồng, giảm 19,42% so với năm 2020 và hoàn thành 137,86% kế hoạch cả năm 2021;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 43,22 tỷ đồng, tăng 135,66% so với năm 2020 và hoàn thành 139,42% kế hoạch cả năm 2021.

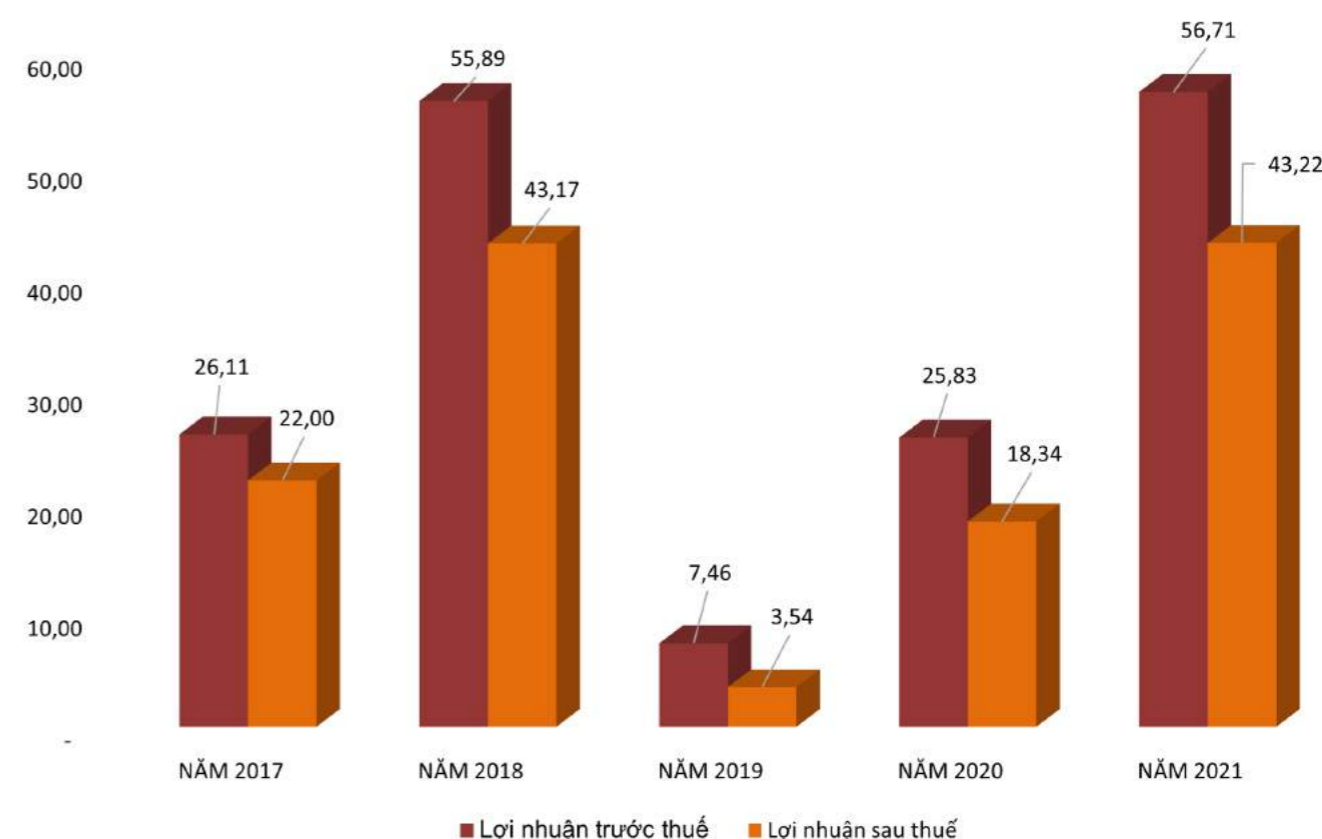
## LỢI NHUẬN TRƯỚC VÀ SAU THUẾ GIAI ĐOẠN 2017- 2021

Đơn vị tính: tỷ đồng

| CHỈ TIÊU             | NĂM 2017 | NĂM 2018 | NĂM 2019 | NĂM 2020 | NĂM 2021 |
|----------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Lợi nhuận trước thuế | 26,11    | 55,89    | 7,46     | 25,83    | 56,71    |
| Lợi nhuận sau thuế   | 22,00    | 43,17    | 3,54     | 18,34    | 43,22    |

Đơn vị tính: tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC VÀ SAU THUẾ QUA CÁC NĂM



Giai đoạn 2017 – 2021, doanh thu có xu hướng giảm dần ở các năm 2018, 2019 do kết quả kinh doanh của Công ty mẹ không như mong đợi. Tuy nhiên, sang năm 2020 và 2021, thành công trong các dự án mở rộng đầu tư đã giúp doanh thu của Công ty tăng trưởng trở lại, đạt 1.233 tỷ đồng năm 2020, 881,94 tỷ đồng năm 2021.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của C47 năm 2021 ghi nhận doanh thu và giá vốn giảm khoảng 28% - 29% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên biên lợi nhuận gộp vẫn duy trì được mức ổn định so với kỳ trước, đạt 13,02%.

LNTT và LNST trong giai đoạn 2017 – 2021 có xu hướng tăng đều qua các năm (trừ năm 2019 do tình hình hoạt động kinh doanh gặp khó khăn) do Công ty kiểm soát tốt các chi phí, giá vốn, cũng như tái cấu trúc toàn diện, cắt giảm nhân sự, giảm phòng ban và thanh lý thiết bị không cần thiết cho hoạt động kinh doanh.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

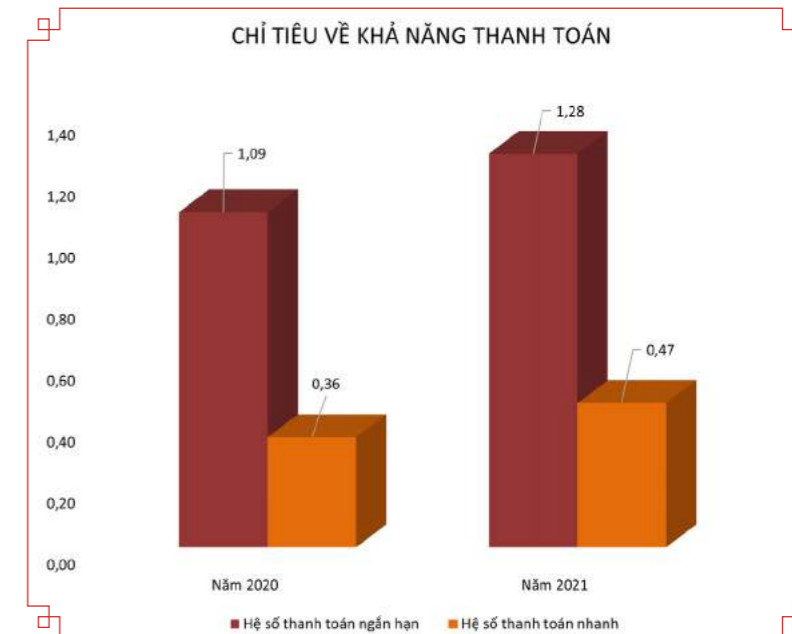
| CHỈ TIÊU  | ĐVT  | NĂM 2020 | NĂM 2021 |
|---|------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                            |      |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn   | Lần  | 1,09     | 1,28     |
| Hệ số thanh toán nhanh  | Lần  | 0,36     | 0,47     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                     |      |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản   | %    | 81,24    | 78,05    |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu   | %    | 432,92   | 355,62   |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                             |      |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho  | Vòng | 1,40     | 1,11     |
| Vòng quay tổng tài sản  | Vòng | 0,70     | 0,55     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                              |      |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                          | %    | 1,48     | 4,90     |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)           | %    | 6,00     | 13,32    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)             | %    | 1,00     | 2,71     |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần | %    | 3,97     | 4,87     |



## CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Đơn vị tính: lần

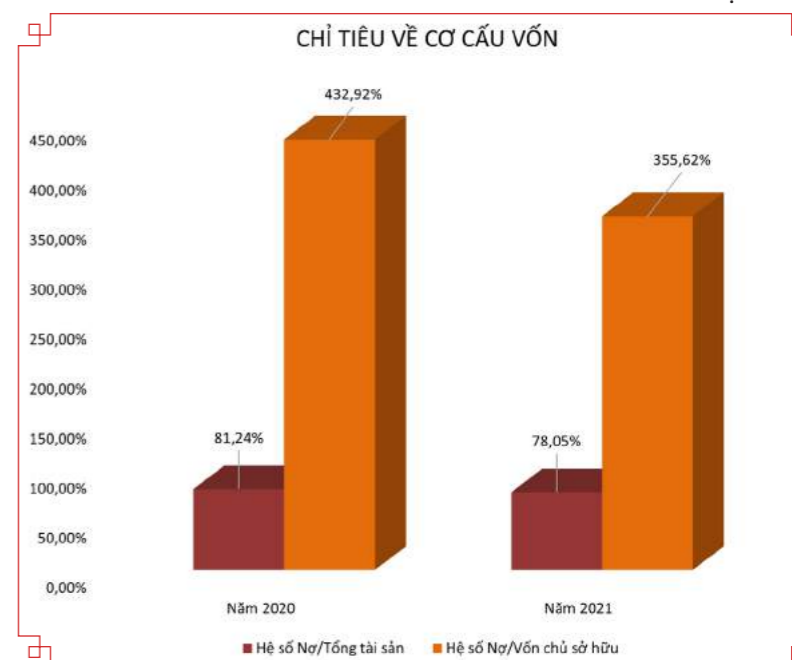
Nhìn chung các chỉ tiêu về khả năng thanh toán trong năm 2021 của C47 tăng so với cùng kỳ năm trước và vẫn được duy trì ở mức ổn định. Cụ thể, khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 1,28 lần, khả năng thanh toán nhanh tăng từ 0,36 lần lên 0,47 lần do trong năm 2021, Công ty đã nỗ lực thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, khoản phải trả người bán giảm do C47 đã thanh toán cho nhà cung cấp là Công ty TNHH TMDV Tân Trường Phúc, Công ty TNHH Đầu tư và Xuất Nhập Khẩu An Sinh, Công ty Cổ phần Đ.H.C; mặc dù nợ phải trả vẫn chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng nguồn vốn (78 %) đã làm suy giảm tính thanh khoản của doanh nghiệp.



## CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Đơn vị tính: %

Nhìn chung các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2021 có sự cải thiện hơn so với năm 2020 khi các chỉ tiêu đều giảm. Cụ thể, hệ số nợ phải trả/tổng tài sản giảm từ 81,24% năm 2020 xuống còn 78,05%, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu giảm từ 432,92% xuống còn chỉ còn 355,62%. Việc sụt giảm này phần lớn do Công ty đã hoàn thành tốt mục tiêu tái cơ cấu toàn bộ nợ giúp các khoản nợ phải trả giảm đáng kể.

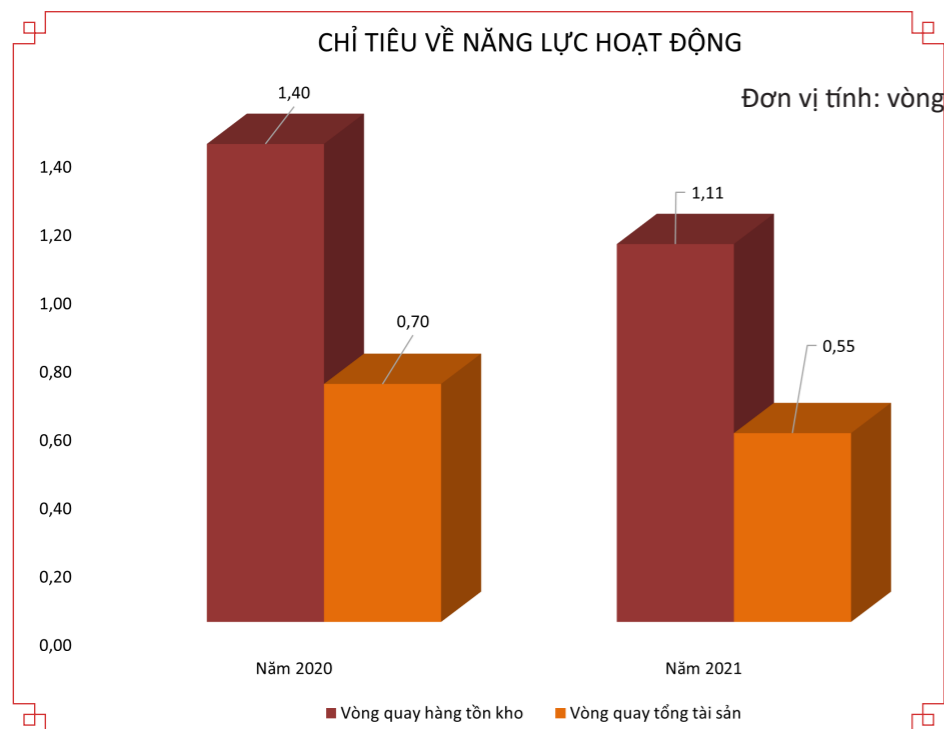


Công trình HCN Đồng Mít - tỉnh Bình Định



## CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Về năng lực hoạt động, C47 đã có một năm nhiều cố gắng để vượt qua đại dịch Covid-19. Vòng quay hàng tồn kho của doanh nghiệp giảm từ mức 1,40 vòng trong năm 2020 xuống còn 1,11 vòng trong năm 2021 là do trong năm Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp để kiểm soát và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng từ biến động giá cả

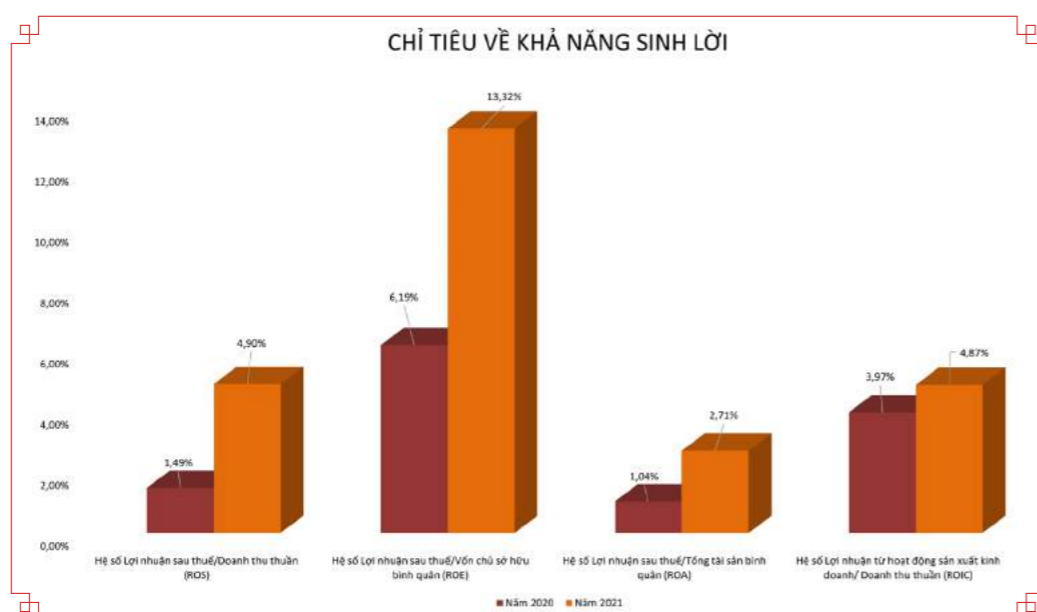


nguyên vật liệu đến kết quả kinh doanh, Công ty hiện đang ký kết hợp đồng thi công với các chủ đầu tư uy tín, bố trí nguồn vốn đầy đủ, được cho phép điều chỉnh giá khi nhà nước thay đổi chính sách, khi có biến động tiền lương, giá cả vật tư, nhiên liệu nên hầu như không gặp phải rủi ro khi giá cả tăng đột biến. Vì vậy, giá vốn giảm ~29% so với năm 2020.

## CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của C47 tăng qua các năm. Cụ thể, hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) và lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân (ROA) tăng mạnh so với năm 2020, đạt lần lượt 13,05 % và 2,66 % trong năm 2021.

Trong năm 2021, tất cả các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty đều được cải thiện. Trong đó Tỷ suất lợi nhuận ròng được cải thiện



rõ rệt nhất, tăng từ 3,97% lên 4,77%. Sự cải thiện này đến từ việc biên lợi nhuận gộp của Công ty tăng, cộng với công tác quản lý tốt chi phí và hiệu quả sử dụng tài sản tốt, kết hợp với kế hoạch trả nợ hợp lý giúp giảm áp lực về chi phí lãi vay.



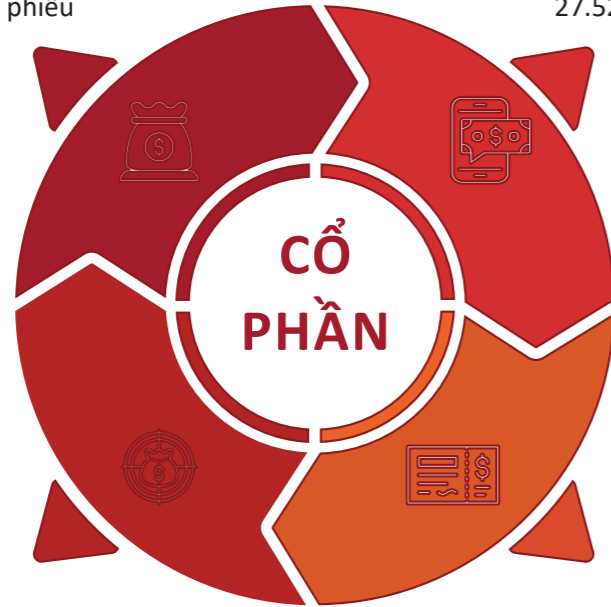


# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG & THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

## THÔNG TIN CỔ PHẦN TẠI THỜI ĐIỂM 24/02/2022

Tổng số cổ phiếu đã phát hành  
27.529.504 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành  
27.529.504 cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu quỹ  
0 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phần  
10.000 đồng/ cổ phiếu

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI THỜI ĐIỂM 24/02/2022

| STT              | Loại cổ đông   | Số cổ phần        | Giá trị (triệu đồng)      | Tỷ lệ sở hữu  |
|------------------|--|-------------------|---------------------------|---------------|
| <b>I</b>         | <b>Cổ đông trong nước</b>  | <b>27.493.880</b> | <b>27.493.880.000.000</b> | <b>99,87%</b> |
| 1                | Nhà nước   | -                 | -                         | -             |
| 2                | Tổ chức  | 7.761.856         | 7.761.856.000.000         | 28,19%        |
| 3                | Cá nhân  | 19.732.024        | 19.732.024.000.000        | 71,68%        |
| <b>II</b>        | <b>Cổ đông nước ngoài</b>  | <b>35.624</b>     | <b>35.624.000.000</b>     | <b>0,13%</b>  |
| 1                | Tổ chức  | 30.577            | 30.577.000.000            | 0,11%         |
| 2                | Cá nhân  | 5.047             | 5.047.000.000             | 0,02%         |
| <b>III</b>       | <b>Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</b> | -                 | -                         | -             |
| <b>IV</b>        | <b>Cổ phiếu quỹ</b>  | -                 | -                         | -             |
| <b>Tổng cộng</b> |  | <b>27.529.504</b> | <b>27.529.504.000.000</b> | <b>100%</b>   |

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA: 0 %

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Trong năm 2021, tình hình thay đổi vốn điều lệ tại Công ty như sau

1

C47 phát hành **2.807.361** cổ phiếu để trả cổ tức, tăng vốn cổ phần từ 187,22 tỷ đồng lên **215,29** tỷ đồng.

2

C47 phát hành **6.000.000** cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, nâng vốn điều lệ lên **275.295.040.000** đồng\*.

(\*): Theo Giấy CNĐKDN thay đổi lần thứ 21 ngày 28/2/2022.

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

Công trình HCN Đồng Mít - tỉnh Bình Định tháng 12/2021.



# PHẦN III

## BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH & QUẢN LÝ
4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Công trình Đập đầu mối Tân Mỹ - tỉnh Ninh Thuận



## Thuận Lợi

- ✓ Ngành xây dựng cơ sở hạ tầng được hưởng lợi từ việc Chính phủ kích cầu kinh tế thông qua tăng cường đầu tư công với hàng loạt dự án hạ tầng như Cao tốc Bắc Nam, Sân bay Long Thành, Cao tốc TP.HCM – Thủ Dầu Một – Chơn Thành, Sân bay Phan Thiết...
- ✓ Trong năm 2021, kế hoạch vốn đầu tư công được giao của Bộ Giao thông vận tải là 43.401 tỷ đồng và dự kiến đến hết tháng 01/2022 sẽ giải ngân đạt 96% kế hoạch; tiến tới năm 2022, con số kế hoạch vốn đầu tư công dự kiến sẽ đạt mức 50.000 tỷ đồng, tâm điểm trong năm 2022 hướng tới 12 dự án thuộc Cao tốc Bắc-Nam giai đoạn 2021- 2025, tổng chiều dài của 12 tuyến là 729 km, đầu tư theo quy mô phân kỳ 4 làn xe, với tổng giá trị 146,990 tỷ đồng.
- ✓ Chi phí nhân công xây dựng ở Việt Nam ở mức trung bình so với khu vực và thị trường châu Á.
- ✓ Là một trong những công ty uy tín hàng đầu trong lĩnh vực trong lĩnh vực thủy lợi và thủy điện, C47 có nhiều lợi thế trong việc tham gia đấu thầu các công trình trọng điểm, đòi hỏi năng lực và trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao.
- ✓ Về nội tại doanh nghiệp, thời gian qua Công ty đã tiến hành những cải cách toàn diện về quản trị và điều hành, xây dựng bộ máy quản trị theo hướng tinh gọn, hiện đại và đảm bảo hiệu quả. Đồng thời, Công ty cũng chú trọng đến việc kiểm soát và tiết giảm chi phí, tái cấu trúc tài chính, cân đối các nguồn lực để tập trung cao nhất cho những dự án trọng điểm. Theo đó, Công ty đã dần vượt qua những khó khăn và hoàn thành tốt mục tiêu kinh doanh đặt ra năm 2021. Đây là kết quả những nhưng nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ Ban Lãnh đạo và toàn thể Công ty.

## Khó Khăn

- ✗ Là một doanh nghiệp với lĩnh vực hoạt động chính là xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, C47 chịu sự ảnh hưởng của sự phát triển của nền kinh tế nói chung và của ngành Xây dựng nói riêng. Đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức phía trước, Công ty xác định tiếp tục duy trì chiến lược kinh doanh đa ngành nghề nhưng tập trung lấy hoạt động Xây dựng làm nền tảng, thông qua việc tập trung thực hiện tốt, đảm bảo tiến độ và chất lượng các công trình hiện hữu. Đồng thời, đầu tư cho máy móc và kỹ thuật để nâng cao chất lượng thi công, mở rộng tìm kiếm cơ hội ra các lĩnh vực và thị trường mới nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng đặt ra và tạo ra những đột phá hơn nữa trong tương lai.
- ✗ Lĩnh vực thương mại và dịch vụ, trong đó có Du lịch - lĩnh vực đóng góp lớn về lợi nhuận của C47 là một trong những nhóm ngành bị ảnh hưởng trực tiếp từ dịch bệnh. Trong khi đó, tác động của dịch bệnh đến Ngành xây dựng - đặc biệt là mảng xây dựng cơ sở hạ tầng ở mức trung bình và ít nghiêm trọng hơn so với mảng xây dựng dân dụng, do việc xây dựng hạ tầng là thiết yếu và việc đẩy mạnh đầu tư công cũng là một trong những biện pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hậu đại dịch. Tuy vậy, thách thức còn hiện hữu khi áp lực cạnh tranh giữa các nhà thầu sẽ tăng cao trong giai đoạn nhu cầu chưa phục hồi hoàn toàn, và chiến lược cạnh tranh chủ yếu bằng giá có thể khiến cho doanh thu và biên lợi nhuận nhà thầu sụt giảm.
- ✗ Các doanh nghiệp trong ngành sẽ tiến tới cạnh tranh sâu hơn về công nghệ và kỹ thuật sản xuất, giúp tiến gần hơn tới khả năng phát triển ổn định và bền vững trong tương lai.
- ✗ Xây dựng nhà không để ở sẽ chịu ảnh hưởng tiêu cực nhất do khách hàng của lĩnh vực này chịu nhiều thiệt hại bởi dịch Covid-19.
- ✗ Tồn tại vướng mắc liên quan đến quá trình thực hiện các dự án đầu tư bất động sản như thủ tục pháp lý về đất đai, môi trường, giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### CƠ CẤU TÀI SẢN

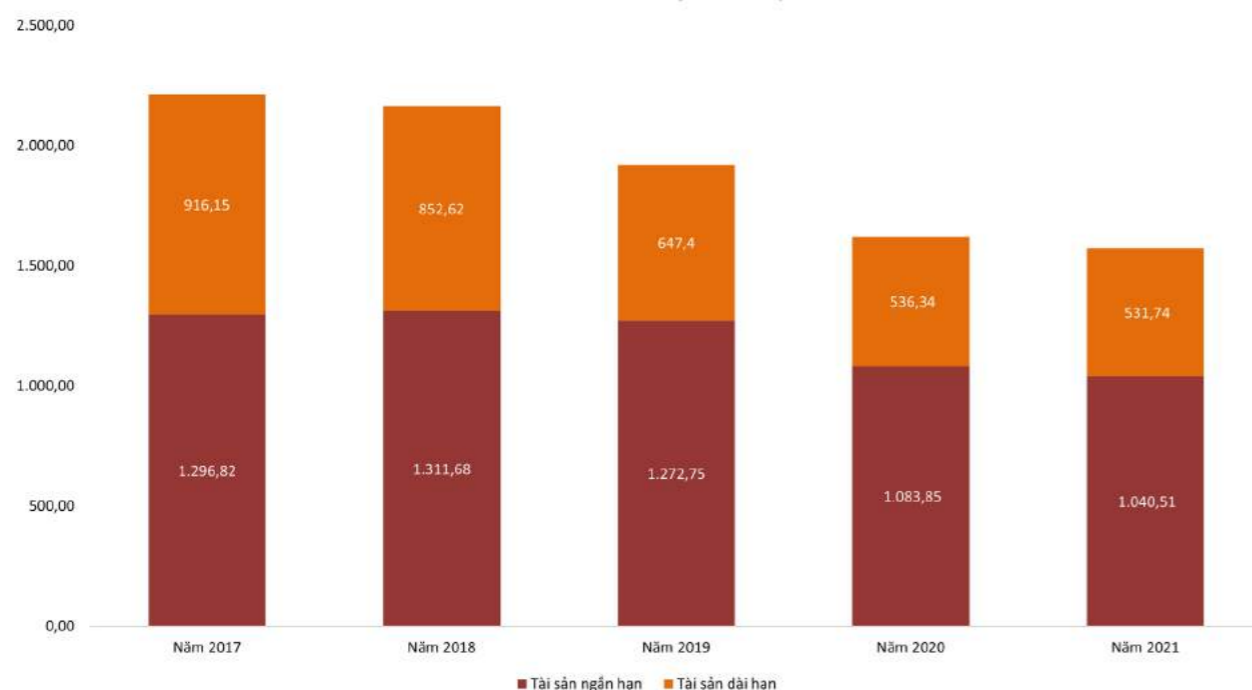
Đơn vị tính: tỷ đồng

| CHỈ TIÊU                           | NĂM 2017        | NĂM 2018        | NĂM 2019        | NĂM 2020        | NĂM 2021        |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>            | <b>1.296,82</b> | <b>1.311,68</b> | <b>1.272,75</b> | <b>1.083,85</b> | <b>1.040,51</b> |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 18,44           | 162,86          | 46,97           | 16,89           | 98,77           |
| Các khoản phải thu ngắn hạn        | 449,12          | 315,03          | 393,53          | 339,04          | 282,36          |
| Hàng tồn kho                       | 827,49          | 833,39          | 831,22          | 727,85          | 659,33          |
| <b>Tài sản dài hạn</b>             | <b>916,15</b>   | <b>852,62</b>   | <b>647,4</b>    | <b>536,34</b>   | <b>531,74</b>   |
| Tài sản cố định                    | 846,64          | 839,52          | 609,81          | 459,30          | 496,69          |
| <b>Tổng tài sản</b>                | <b>2.212,96</b> | <b>2.164,29</b> | <b>1.920,15</b> | <b>1.620,19</b> | <b>1.572,25</b> |

Nhìn chung, giai đoạn 2017 – 2021, tài sản ngắn hạn của Công ty không ghi nhận sự biến động mạnh khi duy trì ở mức trung bình 1.040 tỷ đồng. Riêng năm 2021, do Công ty sử dụng phần lớn các khoản phải thu ngắn hạn để thực hiện kế hoạch tái cơ cấu nợ nhằm giảm gánh nặng lãi vay nên tài sản ngắn hạn đã giảm đáng kể, đạt 1.040,51 tỷ đồng, giảm 4% cho với cùng kỳ năm 2020, chiếm 66,18% tổng tài sản.

Tài sản dài hạn chiếm khoảng 33,82% tổng tài sản của Công ty. Cuối năm 2021, tài sản dài hạn đạt giá trị 531,74 tỷ đồng, giảm 0,86% so với năm ngoái. Trong đó, tài sản cố định chiếm tỷ trọng cao nhất, chiếm 93,41% tổng tài sản dài hạn và tỷ trọng này không có sự chuyển dịch đáng kể từ năm 2016.

CƠ CẤU TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)



### CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Đơn vị tính: tỷ đồng

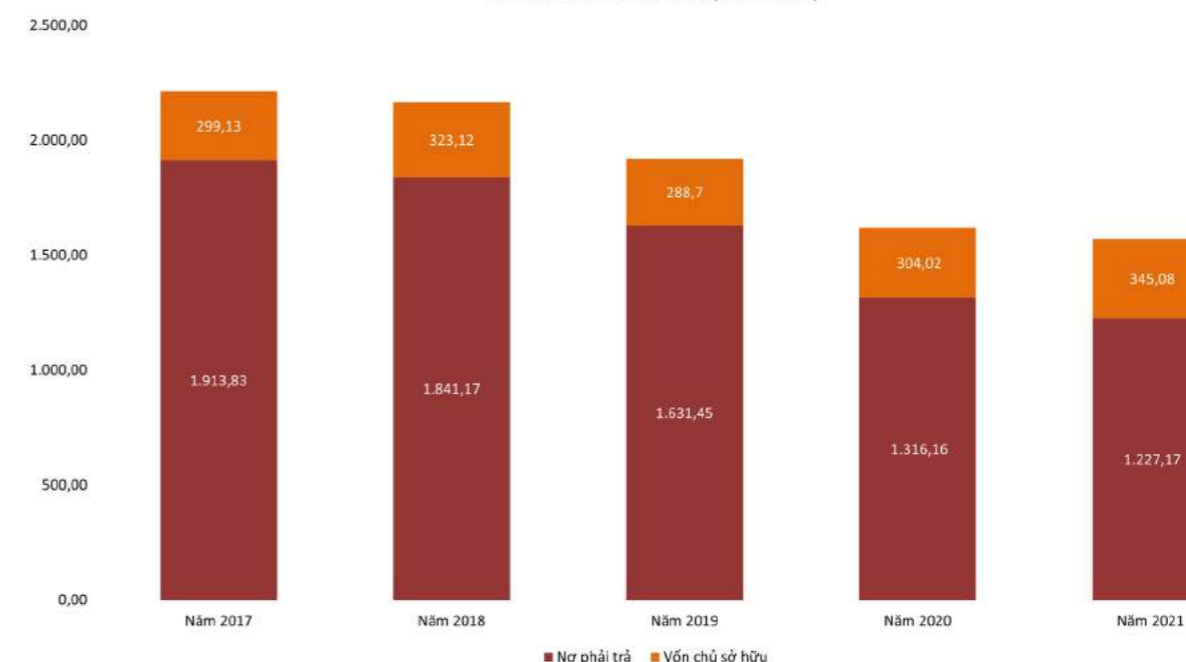
| CHỈ TIÊU              | NĂM 2017        | NĂM 2018        | NĂM 2019        | NĂM 2020        | NĂM 2021        |
|-----------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| <b>Nợ phải trả</b>    | <b>1.913,83</b> | <b>1.841,17</b> | <b>1.631,45</b> | <b>1.316,16</b> | <b>1.227,17</b> |
| Nợ ngắn hạn           | 1.222,15        | 1.263,91        | 1.094,28        | 992,93          | 811,50          |
| Nợ dài hạn            | 691,68          | 577,27          | 537,18          | 323,23          | 415,67          |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b> | <b>299,13</b>   | <b>323,12</b>   | <b>288,7</b>    | <b>304,02</b>   | <b>345,08</b>   |
| Vốn góp chủ sở hữu    | 170,2           | 170,2           | 170,2           | 170,2           | 215,30          |
| LNST chưa phân phối   | 17,69           | 35,33           | 7,23            | 22,49           | 52,03           |
| <b>Tổng nguồn vốn</b> | <b>2.212,96</b> | <b>2.164,29</b> | <b>1.920,15</b> | <b>1.620,19</b> | <b>1.572,25</b> |

Cơ cấu nguồn vốn của C47 đang được cải thiện qua các năm khi tỷ trọng của nợ phải trả/nguồn vốn giảm dần và tỷ trọng vốn chủ sở hữu/nguồn vốn tăng lên so với năm trước, điều này giúp cơ cấu tài chính của Công ty ngày càng lành mạnh hơn.

Nợ phải trả của C47 phần lớn đến từ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn. Trong đó, nợ vay ngân hàng ngắn hạn giảm dần qua các năm, chủ yếu do Công ty đã đảm bảo được dòng tiền để trả các khoản lãi và gốc vay. Tính đến hết ngày 31/12/2021, nợ vay ngắn hạn ngân hàng của C47 là 579,61 tỷ đồng, giảm 3,7% so với năm 2020. Mục đích vay vốn bao gồm: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, thanh toán một phần chi phí dự án thủy điện Văn Phong.

Năm 2021, hoạt động kinh doanh của C47 thuận lợi khi hoàn thành Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng, giúp cho LNST chưa phân phối tăng trưởng vượt bậc, đạt hơn 52 tỷ đồng, tăng 131,32% so với năm 2020 - mức tăng trưởng cao nhất đến nay.

CƠ CẤU NGUỒN VỐN (TỶ ĐỒNG)



03

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- ✓ Công tác nhân sự hành chính trong năm qua đã đáp ứng được các yêu cầu chung của công ty và hệ thống. Cơ cấu bộ máy được phân định theo cấp quản trị đã nâng cao vai trò quản lý và trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị/ bộ phận.
- ✓ Công ty áp dụng mô hình quản trị không có Ban Kiểm soát thay bằng Ủy ban kiểm toán. Điều đó, đáp ứng được mô hình quản trị tiên tiến và được Nhà nước khuyến khích, giúp bộ máy hoạt động tinh gọn và tiết giảm được chi phí quản lý cho Công ty.
- ✓ Áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 và hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001:2018;
- ✓ Không ngừng cải tiến hệ thống quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt nhất mọi yêu cầu của khách hàng;
- ✓ Liên tục đầu tư thiết bị tiên tiến, cải tiến công nghệ, dịch vụ, nâng cao trình độ nhân lực vì khách hàng và sự tồn tại phát triển của Công ty;
- ✓ Giữ vững truyền thống đoàn kết vốn có của Công ty từ đó phát huy hơn nữa sức mạnh và trí tuệ tập thể để thực hiện tốt chính sách chất lượng của Công ty.

04

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

| STT                              | Công trình   | Địa điểm               | Giá trị hợp đồng (tỷ đồng) | Thời gian thực hiện |
|----------------------------------|--|------------------------|----------------------------|---------------------|
| <b>Công trình đang thực hiện</b> |  |                        |                            |                     |
| 1                                | Hầm dẫn nước - Dự án Thủy điện Đa Nhim mở rộng   | Lâm Đồng và Ninh Thuận | 713                        | 2016 - 2021         |
| 2                                | Đập bê tông RCC – Dự án hệ thống Thủy lợi Tân Mỹ   | Ninh Thuận             | 1.740                      | 2018 - 2021         |
| 3                                | Đập bê tông RCC – Dự án hồ chứa nước Đồng Mít  | Bình Định              | 1.035                      | 2018 - 2021         |
| 4                                | Đập chính và các hạng mục phụ trợ - Dự án Thủy điện Hòa Bình mở rộng   | Hòa Bình               | 916                        | 2020 - 2024         |
| 5                                | Đập dâng Phú Phong   | Bình Định              | 447,6                      | 2022 - 2024         |
| 6                                | Hồ chứa nước Ta Hoét   | Lâm Đồng               | 116,3                      | 2022-2023           |
| 7                                | Dự án Xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng và các tuyến cống chuyển nước mưa về sông Hàn cho lưu vực từ đường Hồ Xuân Hương đến giáp tỉnh Quảng Nam | Đà Nẵng                | 73,0                       | 2021-2022           |

### Kế hoạch đầu tư

- ✓ Để đảm bảo hoàn thành theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra, Công ty đã đề ra các biện pháp khắc phục các khó khăn, phát huy tối đa năng lực sản xuất để hoàn thành kế hoạch, cụ thể như sau:
- ✓ Đầu tư phát triển sản xuất, tiếp tục đầu tư xe máy thiết bị mới, đồng bộ, phù hợp với công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực, tăng năng suất. Phát huy tốt hiệu quả đầu tư, ổn định chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên vật liệu và tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành trên thị trường, sử dụng hợp lý hiệu suất vốn đầu tư.
- ✓ Đầu tư chiều sâu và mua sắm có chọn lọc các thiết bị, máy móc mới, các phương tiện vận tải nhằm tăng năng lực và khả năng sản xuất, kinh doanh; tăng tính cạnh tranh và nâng cao vị thế của Công ty.
- ✓ Liên kết đấu thầu và thi công để nâng cao năng lực cạnh tranh hoạt động xây lắp. Tập trung cải tiến, phối hợp tốt giữa các bộ phận của Công ty để nâng cao chất lượng hồ sơ đấu thầu, quản trị tốt chi phí, giá thành cung ứng vật tư, nguyên nhiên vật liệu và nhân công hiệu quả. Giám sát và điều phối thi công các dự án công trình thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.
- ✓ Triển khai mục tiêu mở rộng sản xuất kinh doanh sang các lĩnh vực như sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, điện gió, đặc biệt trong việc đầu tư xây dựng các dự án địa ốc nhằm hướng tới kinh doanh đa ngành.
- ✓ Tiếp tục công tác sắp xếp, tinh gọn nhân sự bộ máy quản lý, tăng cường công tác quản lý nội bộ, giá thành và định mức nhằm kiểm soát chi phí, tiết kiệm tối đa các chi phí đầu vào để giảm chi phí sản xuất, có mức giá đấu thầu hợp lý các dự án công trình nhằm tăng tính cạnh tranh về giá trên thị trường.
- ✓ Xây dựng phương án tài chính phù hợp nhằm thu xếp và sử dụng nguồn vốn đạt hiệu quả tối đa.

Công trình HCN Nước Trong - tỉnh Quảng Ngãi  
Dung tích hồ chứa: 289,5 triệu m<sup>3</sup>





# PHẦN IV

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
3. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT



## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### LĨNH VỰC HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG, THI CÔNG XÂY LẮP

Trải qua hành trình 46 năm hình thành và phát triển, C47 đã từng bước làm chủ hoàn toàn công nghệ thi công các công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng và công nghiệp trên khắp mọi miền đất nước, trong đó có nhiều công nghệ mới lần đầu được triển khai bởi C47 như công nghệ bê tông đầm lăn (RCC), công nghệ đào hầm dẫn nước bằng Rô bốt đào hầm TBM (hơn 15km đã thực hiện),... với nhiều công trình trọng điểm trị giá hàng nghìn tỷ đồng, được chủ đầu tư và các cơ quan ban ngành đánh giá cao. Trong 15 năm gần đây, công ty đã hoàn thành hơn 30 dự án thủy lợi, thủy điện khắp cả nước có giá trị hơn 20.000 tỷ đồng. Một số năng lực tiêu biểu của C47 bao gồm: năng lực đào đất, đá 4 triệu m3/năm, năng lực bê tông 1,5 triệu m3/năm, năng lực cung cấp cát, sỏi 1,3 triệu m3/năm,...

Nhờ vậy, ngoài việc hoàn thành bàn giao các công trình của những dự án lớn như dự án Thủy điện tích năng Bác

Ái (Ninh Thuận), dự án Thủy điện Đa Nhim mở rộng (Lâm Đồng), dự án Thủy lợi Tân Mỹ (Ninh Thuận), dự án Thủy lợi Đồng Mít (Bình Định), C47 cũng đã khởi công và triển khai thi công các dự án Thủy điện Hòa Bình mở rộng (Hòa Bình), Thủy điện Đồng Mít (Bình Định), sửa chữa nâng cao an toàn đập WB8 tỉnh Lâm Đồng (Lâm Đồng) và và khởi công dự án Đập dâng Phú Phong trong tháng 3/2022.

Trong năm, toàn thể cán bộ, CNV của C47 đã chung tay hoàn thành vượt tiến độ với chất lượng cao và đảm bảo an toàn lao động trong suốt quá trình thi công tại công trình đường hầm dẫn nước – Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim, vì vậy đã được chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi khen thưởng 400 triệu đồng. (07/8/21); Dự án Thi công bê tông đầm lăn (RCC) Công trường Đồng Mít “về đích” trước 15 ngày so với kế hoạch.

### LĨNH VỰC CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đối với lĩnh vực cung cấp dịch vụ như: nhà hàng, khách sạn, du lịch lữ hành: Sở hữu 100% Khách Sạn Hải Âu tiêu chuẩn 4 sao (169 phòng – diện tích đất 5.183 m2), Khách Sạn Hải Âu Biên Cương tiêu chuẩn 3 sao (80 phòng – diện tích đất 1.095 m2) tại thành phố biển Quy Nhơn, Khu dịch vụ nhà nghỉ, nhà hàng Định Bình (diện tích 12.500 m2), khu du lịch sinh thái Định Bình (diện tích 111.500 m2) tại huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định; công tác đại tu xe máy thi công, sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình, sản xuất bê tông tươi và cấu kiện bê tông đúc sẵn (Sở hữu 100% Xí nghiệp Phước An với diện tích đất 48.743 m2 tại cụm công nghiệp Phước An – huyện Tuy Phước); đào tạo và xuất khẩu lao động (sở hữu 100% trung tâm đào tạo với diện tích đất 8.775 m2 tại Quy Nhơn); thí nghiệm

kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu, khai thác vận chuyển vật liệu xây dựng... cũng góp phần đáng kể vào doanh thu hàng năm của công ty. Về tài sản cố định chủ yếu là xe, máy và thiết bị thi công, số liệu tại báo cáo tài chính ngày 31/12/2021, nguyên giá tài sản cố định hữu hình của công ty đạt 1.280 tỷ trong đó giá trị hao mòn lũy kế là 820 tỷ đồng.

Năm 2021, mặc dù tình hình ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, doanh thu lĩnh vực kinh doanh khách sạn – nhà hàng của công ty ghi nhận mức giảm sâu, khoảng 79% so với năm 2020 do đây là lĩnh vực chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các chỉ thị giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh.

### CÔNG TÁC CỔ ĐÔNG, CHI TRẢ CỔ TỨC, TẶNG VỐN

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện các thủ tục chi trả cổ tức 2020 bằng cổ phiếu là 5% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế và chi trả 10% cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông và phát hành 600.000 trái phiếu chuyển đổi.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm qua, Tổng giám đốc và Ban điều hành công ty đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm, vượt qua mọi khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm cho công ty, tăng doanh thu và lợi nhuận.

Ban Tổng giám đốc đã bám sát các nghị quyết của HĐQT để triển khai các chủ trương của HĐQT. Ban Tổng giám đốc chỉ đạo, thực hiện theo đúng phân cấp thẩm quyền, kiểm tra, điều hành mọi hoạt động của Công ty để hoàn thành kế hoạch đề ra. Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc thường trực cũng là thành viên HĐQT của Công ty, nên việc triển khai thực hiện các Nghị quyết diễn ra nhanh chóng, kịp thời.

Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch cụ thể, thường xuyên kiểm tra, họp bàn để đưa ra các quyết định kịp thời, chính xác trong điều hành hoạt động kinh doanh. Việc phân công từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp và phát huy cao nhất năng lực quản lý, lãnh đạo của các thành viên.

Quan hệ công việc giữa Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán đúng theo quy chế quản trị của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện quy chế báo cáo thông tin đúng quy định của pháp luật, kịp thời, chính xác và trung thực.





# KẾ HOẠCH & ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Sau khi xem xét tình hình thực hiện các chỉ tiêu và cân nhắc các nhân tố tác động, HĐQT đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| STT | CHỈ TIÊU             | THỰC HIỆN 2021 | KẾ HOẠCH 2022 | % KH 2022/ TH 2021 |
|-----|----------------------|----------------|---------------|--------------------|
| 1   | Tổng doanh thu       | 919,80         | 1.400,00      | +152%              |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế   | 43,22          | 60,00         | +139%              |
| 3   | Tỷ lệ chi trả cổ tức | 10%            | 10%           | +100%              |

## KẾ HOẠCH VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN 2022

Liên kết đấu thầu và thi công để nâng cao năng lực cạnh tranh hoạt động xây lắp; tập trung cải tiến, phối hợp tốt giữa các bộ phận của Công ty để nâng cao chất lượng hồ sơ đấu thầu, quản trị tốt chi phí, giá thành cung ứng vật tư, nguyên nhiên vật liệu và nhân công hiệu quả, giám sát và điều phối thi công các dự án công trình thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

Liên kết đấu thầu và thi công để nâng cao năng lực cạnh tranh hoạt động xây lắp; tập trung cải tiến, phối hợp tốt giữa các bộ phận của Công ty để nâng cao chất lượng hồ sơ đấu thầu, quản trị tốt chi phí, giá thành cung ứng vật

tư, nguyên nhiên vật liệu và nhân công hiệu quả, giám sát và điều phối thi công các dự án công trình thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực thi tốt công tác sản xuất kinh doanh năm 2022, nhằm phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, trong đó đặc biệt là hai chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận phải được đặt lên hàng đầu.



# PHẦN V

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
2. ỦY BAN KIỂM TOÁN
3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO & CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, UBKT & BAN ĐIỀU HÀNH



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Thành viên       | Chức vụ                         | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|------------------|---------------------------------|--------------------|------------------|
| 1   | Phạm Nam Phong   | Chủ tịch HĐQT                   | 2.440.917          | 8,87             |
| 2   | Tạ Nam Bình      | Phó Chủ tịch HĐQT               | 0                  | 0                |
| 3   | Lê Trung Nam     | Thành viên HĐQT – Chủ tịch UBKT | 0                  | 0                |
| 4   | Dương Minh Quang | Thành viên HĐQT điều hành       | 701.362            | 2,55             |
| 5   | Võ Trọng Hiếu    | Thành viên HĐQT độc lập         | 0                  | 0                |
| 6   | Nguyễn Hữu Hải   | Thành viên HĐQT điều hành       | 72.360             | 0,26             |
| 7   | Bùi Văn Tuyền    | Thành viên HĐQT độc lập         | 0                  | 0                |

### Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm

| STT | Thành viên     | Chức vụ                         | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập |                                      |
|-----|----------------|---------------------------------|--|--------------------------------------|
|     |                |                                 | Ngày bổ nhiệm  | Ngày miễn nhiệm                      |
| 1   | Phạm Nam Phong | Chủ tịch HĐQT                   | Chủ tịch HĐQT 14/08/2021                                 | Phó Chủ tịch HĐQT 14/08/2021         |
| 2   | Tạ Nam Bình    | Phó Chủ tịch HĐQT               | Phó Chủ tịch HĐQT 14/08/2021                             | Chủ tịch Ủy ban kiểm toán 14/08/2021 |
| 3   | Lê Trung Nam   | Thành viên HĐQT – Chủ tịch UBKT | Chủ tịch Ủy ban kiểm toán 14/08/2021                     | Chủ tịch HĐQT 14/08/2021             |

### CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### - Tiểu ban Đầu tư thuộc Hội đồng quản trị

Bao gồm các thành viên sau:

- Ông Phạm Nam Phong, Chủ tịch HĐQT – Trưởng Tiểu ban
- Ông Dương Minh Quang, Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc – Phó Tiểu ban
- Ông Nguyễn Hữu Hải, Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc – Thành viên
- Ông Võ Trọng Hiếu, Thành viên HĐQT – Thành viên
- Ông Trần Đức Dương, Phó Tổng Giám đốc – Thành viên
- Ông Cao Thanh Tuấn, Trưởng phòng Kế hoạch – Thành viên

#### - Tiểu ban Quan hệ Nhà đầu tư thuộc Hội đồng quản trị

Bao gồm các thành viên sau:

- Ông Bùi Văn Tuyền - Thành viên HĐQT – Trưởng Tiểu ban
- Ông Võ Trọng Hiếu - Thành viên HĐQT – Thành viên
- Ông Trần Đức Dương – Phó Tổng Giám đốc – Thành viên

#### - Tiểu ban Lương, Thưởng thuộc Hội đồng quản trị

Bao gồm các thành viên sau:

- Ông Dương Minh Quang - Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc – Trưởng Tiểu ban
- Ông Trần Đức Dương – Phó Tổng Giám đốc – Trưởng Phòng TCHC – Phó Tiểu ban thường trực
- Ông Lương Đăng Hào – Phó Trưởng ban kiểm toán nội bộ - Thành viên
- Ông Hồ Đình Phong – Kế toán trưởng - Thành viên
- Ông Trịnh Quốc Thọ - Phó trưởng phòng TCHC - Thành viên



## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

## Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thường xuyên giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT giám sát các hoạt động của Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban tổng giám đốc thực hiện một số nội dung chính như sau:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2021 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra;
- HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng giám đốc đáp ứng các yêu cầu về điều hành và đảm bảo các nguồn lực cho hoạt động sản xuất của Công ty.
- Tất cả các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc đều được Hội đồng quản trị giám sát chặt chẽ đảm bảo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Quy chế nội bộ về quản trị của công ty.

Kết quả năm 2021 theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được công bố, doanh thu của C47 đạt hơn 881,94 tỷ đồng chỉ đạt hơn 80% so với kế hoạch, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế đạt 42,2 tỷ đồng – tương ứng vượt 136% so với mức lợi nhuận năm 2020 và vượt 40 % so với kế hoạch lợi nhuận được đại hội đồng cổ đông thông qua (31 tỷ đồng).

Kết quả này đạt được là do có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, đồng thời Ban điều hành công ty đã có những giải pháp cắt giảm chi phí, đặc biệt là chi phí lãi vay dẫn đến chi phí tài chính giảm so với cùng kỳ, biên lợi nhuận gộp tăng lên từ 11,51% thành 13,02%.

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021 tối thiểu là 10% bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, tỷ lệ cổ phiếu thưởng là 10% từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển đã được ĐHĐCĐ cổ đông thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

## Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên HĐQT  | Chức vụ                         | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Phạm Nam Phong   | Chủ tịch HĐQT                   | 202                      | 100%              | -                       |
| 2   | Tạ Nam Bình      | Phó Chủ tịch HĐQT               | 183                      | 91%               | Công tác                |
| 3   | Lê Trung Nam     | Thành viên HĐQT – Chủ tịch UBKT | 198                      | 98%               | Công tác                |
| 4   | Dương Minh Quang | TV HĐQT Điều hành               | 202                      | 100%              | -                       |
| 5   | Võ Trọng Hiếu    | TV HĐQT độc lập                 | 200                      | 99%               | Công tác                |
| 6   | Nguyễn Hữu Hải   | TV HĐQT Điều hành               | 175                      | 87%               | Công tác                |
| 7   | Bùi Văn Tuynh    | TV HĐQT không điều hành         | 161                      | 80%               | Công tác                |

## CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Thời gian  | Nội dung   | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|--|-----------------|
| I   | Các Nghị Quyết            |            |  |                 |
| 1   | 01/2021/NQ-HĐQT           | 03/01/2021 | Phê duyệt kiểm toán nội bộ khách sạn Hải Âu.   | 100%            |
| 2   | 02/2021/NQ-HĐQT           | 09/01/2021 | Phê duyệt tổ chức chào hàng cạnh tranh lựa chọn nhà thầu phụ thi công hoàn thiện Công trường Đa Nhim.  | 100%            |
| 3   | 03/2021/NQ-HĐQT           | 14/01/2021 | Phê duyệt xử lý số lượng cổ phiếu lẻ trong đợt phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019. | 100%            |
| 4   | 04/2021/NQ-HĐQT           | 20/01/2021 | Phê duyệt thông qua kết quả phát hành tăng vốn từ nguồn vốn CSH và trả cổ tức bằng CP năm 2019   | 100%            |
| 5   | 05/2021/NQ-HĐQT           | 23/01/2021 | Phê duyệt phân phối trái phiếu chuyển đổi phát hành riêng lẻ và phê duyệt Hợp đồng giao dịch với nhà đầu tư.   | 100%            |
| 6   | 06/2021/NQ-HĐQT           | 01/02/2021 | Phê duyệt Dự án đầu tư mua sắm và đại tu thiết bị hiện có phục vụ thi công công trình thủy điện Hòa Bình mở rộng.                                    | 100%            |
| 7   | 07/2021/NQ-HĐQT           | 02/02/2021 | Phê duyệt kết quả chào giá cạnh tranh thanh lý tài sản công ty   | 100%            |
| 8   | 07/2021/NQ-HĐQT           | 08/02/2021 | Phê duyệt đơn giá cung cấp và lắp dựng nhà lắp ghép Ban điều hành công trường Hòa Bình mở rộng.  | 100%            |
| 9   | 08/2021/NQ-HĐQT           | 08/02/2021 | Phê duyệt đơn giá cung cấp và lắp dựng nhà lắp ghép Ban điều hành công trường Hòa Bình mở rộng.  | 100%            |
| 10  | 09/2021/NQ-HĐQT           | 08/02/2021 | Phê duyệt đơn giá thi công các công việc gia cố và hoàn thiện Công trình TĐTN Bắc Ái.  | 100%            |
| 11  | 10/2021/NQ-HĐQT           | 08/02/2021 | Phê duyệt đơn giá thuê thầu phụ nhân công thi công các hạng mục phụ trợ lán trại công trình Thủy điện Hòa Bình mở rộng.                              | 100%            |
| 12  | 11/2021/NQ-HĐQT           | 09/02/2021 | Phê duyệt đơn giá gia công và lắp đặt lan can đỉnh đập tràn mặt cống xả sâu tường hạ lưu Công trường Tân Mỹ.   | 100%            |
| 13  | 12/2021/NQ-HĐQT           | 09/02/2021 | Phê duyệt đơn giá gia công cầu qua tràn Dự án HTTL Tân Mỹ.   | 100%            |
| 14  | 13/2021/NQ-HĐQT           | 18/02/2021 | Phê duyệt kiểm toán nội bộ công trường thủy điện Đa Nhim.  | 100%            |
| 15  | 14/2021/NQ-HĐQT           | 20/02/2021 | Phê duyệt lựa chọn nhà thầu phụ và phê duyệt đơn giá thuê thi công khoan lấy mẫu kiểm tra chất lượng bê tông RCC - CT Tân Mỹ.                        | 100%            |
| 16  | 15/2021/NQ-HĐQT           | 22/02/2021 | Phê duyệt chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.   | 100%            |
| 17  | 17/2021/NQ-HĐQT           | 27/02/2021 | Phê duyệt lựa chọn nhà cung cấp và phê duyệt đơn giá khối lượng mua thép cung cấp XN Phước An phục vụ gia công sản phẩm.                             | 100%            |
| 18  | 18/2021/NQ-HĐQT           | 01/03/2021 | Phê duyệt cơ cấu sắp xếp lại mô hình quản lý và tổ chức sản xuất tại các đơn vị công trường xây dựng trực thuộc.                                     | 100%            |
| 19  | 19/2021/NQ-HĐQT           | 02/03/2021 | Phê duyệt việc lựa chọn nhà thầu thi công tháo dỡ vệ sinh hoàn thiện hầm dẫn nước thanh lý các loại vật tư tại CT Đa Nhim.                           | 100%            |

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung  | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------|---|-----------------------|
| 20  | 20/2021/NQ-<br>HĐQT          | 03/03/2021 | Phê duyệt đơn vị cung cấp tín dụng thuê mua tài chính mua máy khoan phục vụ thi công CTTĐ Hòa Bình mở rộng.                   | 100%                  |
| 21  | 21/2021/NQ-<br>HĐQT          | 04/03/2021 | Phê duyệt đơn giá nhân công thuê ngoài hoàn thiện triệt cống dẫn dòng và bê tông bản đáy Đập CT Đồng Mít.                     | 100%                  |
| 22  | 22/2021/NQ-<br>HĐQT          | 06/03/2021 | Phê duyệt việc mua thép cung cấp cho Xí nghiệp Phước An phục vụ gia công lan can vai phải Đập công trình Tân Mỹ.              | 100%                  |
| 23  | 23/2021/NQ-<br>HĐQT          | 06/03/2021 | Phê duyệt giao Ban Kiểm toán nội bộ phối hợp Ban Kiểm tra và nghiệm thu nội bộ trong công tác kiểm tra và nghiệm thu nội bộ.  | 100%                  |
| 24  | 24/2021/NQ-<br>HĐQT          | 06/03/2021 | Phê duyệt đơn giá nhân công thuê ngoài thi công bê tông RCC - Công trình Hồ chứa nước Đồng Mít.                               | 100%                  |
| 25  | 25/2021/NQ-<br>HĐQT          | 09/03/2021 | Phê duyệt đơn giá nhân công thuê ngoài thi công Trần xả lũ công trình HCN Đồng Mít.   | 100%                  |
| 26  | 26/2021/NQ-<br>HĐQT          | 10/03/2021 | Phê duyệt đơn giá nhân công thuê ngoài hoàn thiện bề mặt bê tông và dọn vệ sinh nền hành lang Đập CT Tân Mỹ.                  | 100%                  |
| 27  | 27/2021/NQ-<br>HĐQT          | 10/03/2021 | Phê duyệt lựa chọn nhà thầu phụ và phê duyệt đơn giá mạ kẽm nhúng nóng gia công lan can Đập CT Tân Mỹ.                        | 100%                  |
| 28  | 28/2021/NQ-<br>HĐQT          | 11/03/2021 | Phê duyệt đơn giá thuê thầu phụ thi công khoan phục lắp đầy hạng mục hầm xả công trình TĐTN Bác Ái.                           | 100%                  |
| 29  | 29/2021/NQ-<br>HĐQT          | 15/03/2021 | Phê duyệt lựa chọn nhà cung cấp và phê duyệt giá mua bơm nước phục vụ cấp nước hạ du tại CT Tân Mỹ.                           | 100%                  |
| 30  | 30/2021/NQ-<br>HĐQT          | 15/03/2021 | Phê duyệt đơn giá thuê ngoài vận chuyển vật liệu dăm cát tại công trường Đồng Mít.  | 100%                  |
| 31  | 31/2021/NQ-<br>HĐQT          | 17/03/2021 | Phê duyệt đơn giá thuê nhân công thi công bê tông cốt thép mặt đập công trường Tân Mỹ.  | 100%                  |
| 32  | 32/2021/NQ-<br>HĐQT          | 23/03/2021 | Phê duyệt kết quả đấu thầu và lựa chọn nhà thầu cung cấp 2 máy khoan hầm tại thủy điện Hòa Bình mở rộng.                      | 100%                  |
| 33  | 33/2021/NQ-<br>HĐQT          | 23/03/2021 | Phê duyệt đơn giá và chọn nhà thầu thi công xây dựng phòng VIP Bar tầng 12 khách sạn Hải Âu.                                  | 100%                  |
| 34  | 34/2021/NQ-<br>HĐQT          | 24/03/2021 | Phê duyệt lập kế hoạch trình phê duyệt hiệu quả chi phí các dự án công trình.   | 100%                  |
| 35  | 35/2021/NQ-<br>HĐQT          | 24/03/2021 | Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ công trường Đồng Mít giai đoạn từ 2019 đến 31/3/2021.                                     | 100%                  |
| 36  | 36/2021/NQ-<br>HĐQT          | 30/03/2021 | Phê duyệt đơn giá thi công nội bộ các khối lượng còn lại từ năm 2021 công trường thủy điện Đa Nhim mở rộng.                   | 100%                  |
| 37  | 37/2021/NQ-<br>HĐQT          | 31/03/2021 | Phê duyệt thông qua việc lựa chọn nhà cung cấp và phê duyệt đơn giá sắm lốp xe máy cung cấp cho các đơn vị.                   | 100%                  |
| 38  | 38/2021/NQ-<br>HĐQT          | 01/04/2021 | Phê duyệt điều chỉnh bổ sung Quy chế tài chính.   | 100%                  |
| 39  | 39/2021/NQ-<br>HĐQT          | 01/04/2021 | Phê duyệt đơn giá và nhà cung cấp tôn cho công trường Hòa Bình thi công lán trại - phụ trợ.                                   | 100%                  |
| 40  | 40/2021/NQ-<br>HĐQT          | 01/04/2021 | Phê duyệt khối lượng và đơn giá các côngviệc phát sinh theo hợp đồng số 23-2019-HĐD-KH giữa Công ty với Công ty CP Xây dựng 4 | 100%                  |
| 41  | 41/2021/NQ-<br>HĐQT          | 03/04/2021 | Phê duyệt đơn giá và nhà cung cấp lưới thép hàn D8 phục vụ thi công tại công trường Đồng Mít.                                 | 100%                  |

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung   | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------|--|-----------------------|
| 42  | 42/2021/NQ-<br>HĐQT          | 03/04/2021 | Phê duyệt quy chế tiền lương thưởng KPI khối quản lý nghiệp vụ và thừa hành.   | 100%                  |
| 43  | 43/2021/NQ-<br>HĐQT          | 08/04/2021 | Phê duyệt thanh lý nguồn phóng xạ Phòng Thí nghiệm.  | 100%                  |
| 44  | 44/2021/NQ-<br>HĐQT          | 08/04/2021 | Phê duyệt đơn giá và chọn nhà cung cấp băng tải phục vụ thi công tại công trường Đồng Mít.   | 100%                  |
| 45  | 45/2021/NQ-<br>HĐQT          | 10/04/2021 | Phê duyệt giá trị phải thanh toán các hợp đồng thầu phụ nhân công.   | 100%                  |
| 46  | 46/2021/NQ-<br>HĐQT          | 12/04/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn đơn vị thi công hệ thống phao cảnh báo an toàn phía thượng lưu Đập công trình Nước Trong.                  | 100%                  |
| 47  | 47/2021/NQ-<br>HĐQT          | 12/04/2021 | Phê duyệt đơn vị cung cấp tín dụng thuê mua tài chính mua máy khoan phục vụ thi công CTTĐ Hòa Bình mở rộng.                          | 100%                  |
| 48  | 48/2021/NQ-<br>HĐQT          | 12/04/2021 | Phê duyệt điều chỉnh cập nhật và bổ sung tài liệu trình ĐHCĐTN2021 (Tờ trình 2A và 8A).  | 100%                  |
| 49  | 49/2021/NQ-<br>HĐQT          | 17/04/2021 | Phê duyệt điều chỉnh bổ sung Tờ trình 5A trình ĐHCĐTN21.   | 100%                  |
| 50  | 50/2021/NQ-<br>HĐQT          | 19/04/2021 | Phê duyệt đơn giá và chọn nhà cung cấp cát phục vụ thi công tại công trường Đa Nhim.   | 100%                  |
| 51  | 51/2021/NQ-<br>HĐQT          | 19/04/2021 | Phê duyệt chi thưởng CB-CNV nhân ngày Giỗ tổ Hùng Vương lễ 30-4 và 1-5.  | 100%                  |
| 52  | 52/2021/NQ-<br>HĐQT          | 27/04/2021 | Phê duyệt đơn giá và lựa chọn nhà thầu phụ thi công tại công trường thủy điện Đa Nhim mở rộng.                                       | 100%                  |
| 53  | 53/2021/NQ-<br>HĐQT          | 28/04/2021 | Phê duyệt đơn giá và chọn nhà cung cấp khăn ga giường bọc mền phục vụ kinh doanh tại khách sạn Hải Âu.                               | 100%                  |
| 54  | 54/2021/NQ-<br>HĐQT          | 05/05/2021 | Phê duyệt nhà cung cấp chiến lược để cung cấp các chủng loại vật tư phục vụ thi công các công trình.                                 | 100%                  |
| 55  | 55/2021/NQ-<br>HĐQT          | 06/05/2021 | Phê duyệt triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.  | 100%                  |
| 56  | 56/2021/NQ-<br>HĐQT          | 06/05/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ thi công khoan phục công trình HCN Đồng Mít.  | 100%                  |
| 57  | 57/2021/NQ-<br>HĐQT          | 08/05/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ thi công hạng mục Cửa ra cửa lấy nước Bùng van côn Bể tiêu năng Công trình Đồng Mít.          | 100%                  |
| 58  | 58/2021/NQ-<br>HĐQT          | 08/05/2021 | Phê duyệt chi phí giao khoán nội bộ và tổ chức thi công tại Công trình thủy điện Đồng Mít.   | 100%                  |
| 59  | 59/2021/NQ-<br>HĐQT          | 08/05/2021 | Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ Công trường Tân Mỹ và Công trường Bác Ái.  | 100%                  |
| 60  | 60/2021/NQ-<br>HĐQT          | 12/05/2021 | Phê duyệt đơn giá giao khoán nội bộ các khối lượng chưa có đơn giá và bổ sung điều chỉnh một số đơn giá chưa phù hợp tại Công trình. | 100%                  |
| 61  | 61/2021/NQ-<br>HĐQT          | 15/05/2021 | Phê duyệt và ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ.  | 100%                  |
| 62  | 62/2021/NQ-<br>HĐQT          | 17/05/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn đơn vị lưu giữ lâu dài nguồn phóng xạ đã qua sử dụng tại công ty.  | 100%                  |

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung   | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------|--|-----------------------|
| 63  | 63/2021/NQ-<br>HĐQT          | 24/05/2021 | Phê duyệt tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản điều chỉnh phương án chi trả cổ tức và cổ phiếu thưởng năm 2020.                 | 100%                  |
| 64  | 64/2021/NQ-<br>HĐQT          | 24/05/2021 | Phê duyệt đơn giá và chi phí nhân công thuê ngoài tại công trình Đồng Mít.   | 100%                  |
| 65  | 65/2021/NQ-<br>HĐQT          | 25/05/2021 | Phê duyệt đơn giá và chọn nhà cung cấp lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và giám sát nhiên liệu cho thiết bị xe máy.            | 100%                  |
| 66  | 66/2021/NQ-<br>HĐQT          | 27/05/2021 | Phê duyệt đơn giá và chi phí thi công giao khoán nội bộ các khối lượng còn lại từ tháng 4-2021 tại công trường Đồng Mít.           | 100%                  |
| 67  | 67/2021/NQ-<br>HĐQT          | 31/05/2021 | Phê duyệt đơn giá chi phí và dự thảo hợp đồng thuê thầu phụ thi công một phần khối lượng khoan hầm phụ hầm chính CTTĐ Hòa Bình.    | 100%                  |
| 68  | 68/2021/NQ-<br>HĐQT          | 08/06/2021 | Phê duyệt đơn giá chi phí thuê ngoài thi công các công việc trạm rửa xe bãi thải Dốc Cun tại CTTĐ Hòa Bình mở rộng                 | 100%                  |
| 69  | 69/2021/NQ-<br>HĐQT          | 09/06/2021 | Phê duyệt kế hoạch vay vốn lưu động năm 2021 và sử dụng tài sản làm biện pháp đảm bảo tại Ngân hàng BIDV                           | 100%                  |
| 70  | 70/2021/NQ-<br>HĐQT          | 14/06/2021 | Phê duyệt việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.   | 100%                  |
| 71  | 71/2021/NQ-<br>HĐQT          | 17/06/2021 | Phê duyệt gia hạn thời gian kiểm toán nội bộ công trường Tân Mỹ và Bắc Ái.   | 100%                  |
| 72  | 72/2021/NQ-<br>HĐQT          | 18/06/2021 | Phê duyệt đơn giá và chi phí thuê ngoài thi công lán trại Công trường Hòa Bình.  | 100%                  |
| 73  | 73/2021/NQ-<br>HĐQT          | 25/06/2021 | Phê duyệt chọn nhà cung cấp và phê duyệt đơn giá chi phí vật tư thi công các khu phụ trợ công trình thủy điện Hòa Bình mở rộng.    | 100%                  |
| 74  | 74/2021/NQ-<br>HĐQT          | 29/06/2021 | Phê duyệt giao khoán khối lượng, đơn giá và giá trị giao khoán nội bộ Công trường Hòa Bình.  | 100%                  |
| 75  | 75/2021/NQ-<br>HĐQT          | 30/06/2021 | Phê duyệt kế hoạch kiểm toán 6 tháng cuối năm 2021.  | 100%                  |
| 76  | 76/2021/NQ-<br>HĐQT          | 30/06/2021 | Phê duyệt đơn giá và chi phí vật tư phục vụ thi công tại Công trường Đồng Mít.   | 100%                  |
| 77  | 77/2021/NQ-<br>HĐQT          | 30/06/2021 | Phê duyệt cơ cấu chức năng, nhiệm vụ phòng VTTB, Phòng mua hàng và XN Phước An.  | 100%                  |
| 78  | 78/2021/NQ-<br>HĐQT          | 30/06/2021 | Phê duyệt thành lập Phòng Mua hàng.  | 100%                  |
| 79  | 79/2021/NQ-<br>HĐQT          | 01/07/2021 | Phê duyệt miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc.  | 100%                  |
| 80  | 80/2021/NQ-<br>HĐQT          | 02/07/2021 | Phê duyệt chi phí hợp đồng dịch vụ nổ mìn thử nghiệm và hợp đồng đo giám sát ảnh hưởng nổ mìn thí nghiệm tại công trường Hòa Bình. | 100%                  |
| 81  | 81/2021/NQ-<br>HĐQT          | 06/07/2021 | Phê duyệt chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu.   | 100%                  |
| 82  | 82/2021/NQ-<br>HĐQT          | 07/07/2021 | Phê duyệt chi phí thầu phụ thi công trình công thương kon tum.   | 100%                  |

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung   | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------|--|-----------------------|
| 83  | 83/2021/NQ-<br>HĐQT          | 09/07/2021 | Phê duyệt dự toán chi phí thi công tại Công trường Hòa Bình.   | 100%                  |
| 84  | 84/2021/NQ-<br>HĐQT          | 09/07/2021 | Phê duyệt nhà cung cấp và chi phí mua vật tư thi công công trường Đồng Mít.  | 100%                  |
| 85  | 85/2021/NQ-<br>HĐQT          | 10/07/2021 | Phê duyệt chi phí thi công trạm trộn bê tông 120m3/h công trình thủy điện Hòa Bình mở rộng.                                | 100%                  |
| 86  | 86/2021/NQ-<br>HĐQT          | 13/07/2021 | Phê duyệt việc triển khai phương án phát hành CP trả cổ tức 2020 và phát hành CP thưởng tăng vốn từ NV CSH.                | 100%                  |
| 87  | 87/2021/NQ-<br>HĐQT          | 20/07/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ thi công hoàn thiện các nhà vận hành, hành lang HTTL Tân Mỹ.                        | 100%                  |
| 88  | 88/2021/NQ-<br>HĐQT          | 23/07/2021 | Phê duyệt chọn nhà cung cấp và chi phí mua vật tư phục vụ thi công công trường Hòa Bình.                                   | 100%                  |
| 89  | 89/2021/NQ-<br>HĐQT          | 23/07/2021 | Phê duyệt chế độ hỗ trợ tiền lương, BHXH và chế độ khác đối với lao động Khách Sạn Hải Âu trong thời gian dịch Covid – 19. | 100%                  |
| 90  | 90/2021/NQ-<br>HĐQT          | 26/07/2021 | Miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm toán nội bộ với ông Tạ Nam Bình.  | 100%                  |
| 91  | 91/2021/NQ-<br>HĐQT          | 26/07/2021 | Bổ nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm toán nội bộ với ông Võ Trọng Hiếu.  | 100%                  |
| 92  | 92/2021/NQ-<br>HĐQT          | 28/07/2021 | Miễn nhiệm chức danh Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính.  | 100%                  |
| 93  | 93/2021/NQ-<br>HĐQT          | 28/07/2021 | Bổ nhiệm chức danh Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính.  | 100%                  |
| 94  | 94/2021/NQ-<br>HĐQT          | 30/07/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp phụ tùng gầm máy đào A0076 Xí nghiệp PA.  | 100%                  |
| 95  | 95/2021/NQ-<br>HĐQT          | 31/07/2021 | Phê duyệt thành lập Tổ chuyên gia trực thuộc Ban Tổng giám đốc.  | 100%                  |
| 96  | 96/2021/NQ-<br>HĐQT          | 02/08/2021 | Chọn nhà cung cấp và phê duyệt chi phí mua máy khoan hầm phục vụ thi công công trường Hòa Bình.                            | 100%                  |
| 97  | 97/2021/NQ-<br>HĐQT          | 02/08/2021 | Chọn nhà cung cấp và phê duyệt chi phí mua vật tư cung cấp công trường Hòa Bình.   | 100%                  |
| 98  | 98/2021/NQ-<br>HĐQT          | 02/08/2021 | Chọn nhà thầu phụ và phê duyệt chi phí thuê thầu phụ công trường Hòa Bình  | 100%                  |
| 99  | 99/2021/NQ-<br>HĐQT          | 04/08/2021 | Phê duyệt điều kiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt.  | 100%                  |
| 100 | 100/2021/NQ-<br>HĐQT         | 05/08/2021 | Chọn nhà cung cấp và phê duyệt chi phí mua vật tư công trình Đa Nhim   | 100%                  |
| 101 | 101/2021/NQ-<br>HĐQT         | 07/08/2021 | Chọn nhà thầu phụ và phê duyệt chi phí nhân công thuê ngoài tại Công trình Đồng Mít.                                       | 100%                  |
| 102 | 102/2021/NQ-<br>HĐQT         | 09/08/2021 | Chọn nhà thầu phụ và phê duyệt bổ sung chi phí thầu phụ thi công gia cố sạt lở mái công trình thủy điện Thượng Kom Tum     | 100%                  |
| 103 | 103/2021/NQ-<br>HĐQT         | 14/08/2021 | Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch UBKT NK 2020-2025.   | 100%                  |
| 104 | 104/2021/NQ-<br>HĐQT         | 14/08/2021 | Thôi giữ nhiệm vụ Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.  | 100%                  |



| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung  | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------|---|-----------------------|
| 105 | 105/2021/NQ-<br>HĐQT         | 14/08/2021 | Thôi giữ nhiệm vụ Chủ tịch HĐQT NK 2020-2025.   | 100%                  |
| 106 | 106/2021/NQ-<br>HĐQT         | 14/08/2021 | Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.   | 100%                  |
| 107 | 107/2021/NQ-<br>HĐQT         | 14/08/2021 | Bầu chức danh Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.   | 100%                  |
| 108 | 108/2021/NQ-<br>HĐQT         | 14/08/2021 | Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch UBKT nhiệm kỳ 2020-2025.  | 100%                  |
| 109 | 109/2021/NQ-<br>HĐQT         | 17/08/2021 | Phê duyệt ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức bằng CP và CP thưởng 2020.                                    | 100%                  |
| 110 | 110/2021/NQ-<br>HĐQT         | 18/08/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ thi công nhà quản lý công trình Đồng Mít.  | 100%                  |
| 111 | 111/2021/NQ-<br>HĐQT         | 18/08/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ khoan nõi BT RCC công trình Đồng Mít.  | 100%                  |
| 112 | 112/2021/NQ-<br>HĐQT         | 18/08/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp nước phục vụ thi công Hòa Bình.  | 100%                  |
| 113 | 113/2021/NQ-<br>HĐQT         | 18/08/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn đơn vị lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh quy hoạch khu du lịch sinh thái Định Bình.                       | 100%                  |
| 114 | 114/2021/NQ-<br>HĐQT         | 18/08/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp cáp Inox phục vụ thi công công trường Đa Nhim.   | 100%                  |
| 115 | 115/2021/NQ-<br>HĐQT         | 18/08/2021 | Phê duyệt điều chỉnh nhà cung cấp và chi phí mua vật tư phục vụ thi công tại công trường Đa Nhim.                               | 100%                  |
| 116 | 116/2021/NQ-<br>HĐQT         | 18/08/2021 | Thành lập Tiểu Ban lương thưởng thuộc Hội đồng quản trị.  | 100%                  |
| 117 | 117/2021/NQ-<br>HĐQT         | 23/08/2021 | Phê duyệt nhà cung cấp và chi phí mua Neoweb phục vụ thi công gia cố mái đập công trình Đồng Mít.                               | 100%                  |
| 118 | 118/2021/NQ-<br>HĐQT         | 26/08/2021 | Thành lập Tiểu ban quan hệ nhà Đầu tư thuộc HĐQT.   | 100%                  |
| 119 | 119/2021/NQ-<br>HĐQT         | 26/08/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ thi công hoàn thiện HT cửa các nhà vận hành Công trình Tân Mỹ.                           | 100%                  |
| 120 | 120/2021/NQ-<br>HĐQT         | 26/08/2021 | Phê duyệt chi bồi dưỡng người lao động nhân dịp Lễ 2-9 và ngày thành lập công ty 8-9.   | 100%                  |
| 121 | 121/2021/NQ-<br>HĐQT         | 31/08/2021 | Phê duyệt Quy chế hoạt động của Tiểu ban lương, thưởng thuộc HĐQT.  | 100%                  |
| 122 | 122/2021/NQ-<br>HĐQT         | 07/09/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn đơn vị cung cấp dịch vụ mua bảo hiểm vật chất xe máy thiết bị.  | 100%                  |
| 123 | 123/2021/NQ-<br>HĐQT         | 07/09/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ thi công tại công trường Đa Nhim.  | 100%                  |
| 124 | 124/2021/NQ-<br>HĐQT         | 09/09/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ thi công đo giám sát ảnh hưởng của sóng chấn động nổ mìn tại thủy điện Hòa Bình mở rộng. | 100%                  |
| 125 | 125/2021/NQ-<br>HĐQT         | 09/09/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ thi công hạng mục nhà vận hành cửa lấy nước công trình thủy điện Đa Nhim.                | 100%                  |
| 126 | 126/2021/NQ-<br>HĐQT         | 11/09/2021 | Phê duyệt thông qua kết quả phát hành tăng vốn cổ phần từ NV CSH và trả cổ tức bằng CP năm 2020.                                | 100%                  |

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung   | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------|--|-----------------------|
| 127 | 127/2021/NQ-<br>HĐQT         | 16/09/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ thi công hoàn thiện mặt cong Trần Tân Mỹ.   | 100%                  |
| 128 | 128/2021/NQ-<br>HĐQT         | 16/09/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ thi công hệ thống điện hạ thế công trình Đồng Mít.  | 100%                  |
| 129 | 129/2021/NQ-<br>HĐQT         | 16/09/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp thép thi công tại công trường Hòa Bình.   | 100%                  |
| 130 | 130/2021/NQ-<br>HĐQT         | 23/09/2021 | Phê duyệt phạm vi công việc và giá trị hợp đồng chia thầu phụ công trường Phú Phong.   | 100%                  |
| 131 | 131/2021/NQ-<br>HĐQT         | 24/09/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp thép cấp XN Phước An phục vụ sửa chữa Trạm nghiên Dự án TĐ Hòa Bình mở rộng.              | 100%                  |
| 132 | 132/2021/NQ-<br>HĐQT         | 27/09/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ thi công hạng mục hệ thống điện chiếu sáng cửa lấy nước và nhà van TĐ Đa Nhim mở rộng.    | 100%                  |
| 133 | 133/2021/NQ-<br>HĐQT         | 29/09/2021 | Bổ nhiệm chức danh Trưởng Ban Chỉ huy công trường Phú Phong.   | 100%                  |
| 134 | 134/2021/NQ-<br>HĐQT         | 29/09/2021 | Bổ nhiệm chức danh Trưởng Ban Chỉ huy công trường WB8 Lâm Đồng.  | 100%                  |
| 135 | 135/2021/NQ-<br>HĐQT         | 30/09/2021 | Thành lập Xí nghiệp Phước An - Chi nhánh Công ty CP Xây dựng 47.   | 100%                  |
| 136 | 136/2021/NQ-<br>HĐQT         | 01/10/2021 | Phê duyệt nhà cung cấp và chi phí mua vật tư thi công Dự án HCN Đồng Mít.  | 100%                  |
| 137 | 137/2021/NQ-<br>HĐQT         | 01/10/2021 | Phê duyệt nhà cung cấp và đơn giá mua phụ tùng khoan.  | 100%                  |
| 138 | 138/2021/NQ-<br>HĐQT         | 05/10/2021 | Phê duyệt hợp đồng dịch vụ nổ mìn và đo giám sát ảnh hưởng nổ mìn thử nghiệm tại hầm tiêu nước dự án thủy điện Hòa Bình mở rộng. | 100%                  |
| 139 | 139/2021/NQ-<br>HĐQT         | 05/10/2021 | Phê duyệt nhà cung cấp và chi phí mua vật tư thép cấp XN Phước An gia công cho các đơn vị.                                       | 100%                  |
| 140 | 140/2021/NQ-<br>HĐQT         | 08/10/2021 | Phê duyệt bổ sung chi phí giao khoán nội bộ công trường Đồng Mít.  | 100%                  |
| 141 | 141/2021/NQ-<br>HĐQT         | 09/10/2021 | Phê duyệt nhà cung cấp và chi phí mua Phụ tùng phục vụ sửa chữa Trạm nghiên công trường Hòa Bình.                                | 100%                  |
| 142 | 142/2021/NQ-<br>HĐQT         | 15/10/2021 | Phê duyệt thành lập Văn phòng đại diện tại công trường Phú Phong.  | 100%                  |
| 143 | 143/2021/NQ-<br>HĐQT         | 15/10/2021 | Phê duyệt nhà cung cấp và chi phí mua bảo hiểm vật chất máy khoan hầm TĐ Hòa Bình.   | 100%                  |
| 144 | 144/2021/NQ-<br>HĐQT         | 23/10/2021 | Phê duyệt nhà cung cấp và chi phí mua vật tư cấp XN Phước An gia công cáp dầm cầu Phú Phong.                                     | 100%                  |
| 145 | 145/2021/NQ-<br>HĐQT         | 25/10/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ cho thuê cừ và thi công ép cừ công trường Cổ Cò Đà Nẵng                                   | 100%                  |
| 146 | 146/2021/NQ-<br>HĐQT         | 27/10/2021 | Bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng Mua hàng.  | 100%                  |
| 147 | 147/2021/NQ-<br>HĐQT         | 27/10/2021 | Bổ nhiệm chức danh Phó phòng TCHC.   | 100%                  |

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung  | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------|---|-----------------------|
| 148 | 148/2021/NQ-<br>HĐQT         | 27/10/2021 | Bổ nhiệm chức danh Phó phòng Thí nghiệm.  | 100%                  |
| 149 | 149/2021/NQ-<br>HĐQT         | 27/10/2021 | Bổ nhiệm chức danh Trưởng BCH Công trường Cổ Cò.  | 100%                  |
| 150 | 150/2021/NQ-<br>HĐQT         | 27/10/2021 | Phê duyệt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.  | 100%                  |
| 151 | 151/2021/NQ-<br>HĐQT         | 28/10/2021 | Thành lập VPĐD tại Công trường Cổ Cò Đà Nẵng.   | 100%                  |
| 152 | 152/2021/NQ-<br>HĐQT         | 01/11/2021 | Phê duyệt và ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu.  | 100%                  |
| 153 | 153/2021/NQ-<br>HĐQT         | 02/11/2021 | Phê duyệt triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn Điều lệ.                               | 100%                  |
| 154 | 154/2021/NQ-<br>HĐQT         | 03/11/2021 | Phê duyệt nhà cung cấp và chi phí mua vật tư neo web phục vụ thi công gia cố mái Công trường Tân Mỹ.          | 100%                  |
| 155 | 155/2021/NQ-<br>HĐQT         | 06/11/2021 | Phê duyệt nhà cung cấp và chi phí mua vật tư phục vụ thi công CT Hòa Bình và CT Cổ Cò Đà Nẵng.                | 100%                  |
| 156 | 156/2021/NQ-<br>HĐQT         | 09/11/2021 | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu phụ thi công hệ thống điện CTTĐ Hòa Bình mở rộng.                        | 100%                  |
| 157 | 157/2021/NQ-<br>HĐQT         | 10/11/2021 | Phê duyệt kế hoạch thuê thầu phụ nhân công tháng 11 và tháng 12 năm 2021 tại Công trường Tân Mỹ.              | 100%                  |
| 158 | 158/2021/NQ-<br>HĐQT         | 10/11/2021 | Phê duyệt việc điều chuyển nhân sự Phòng Mua hàng.  | 100%                  |
| 159 | 159/2021/NQ-<br>HĐQT         | 11/11/2021 | hê duyệt và ban hành kế hoạch mua sắm hàng hóa và dịch vụ 2 tháng cuối năm 2021 của phòng Mua hàng.           | 100%                  |
| 160 | 160/2021/NQ-<br>HĐQT         | 11/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp cấp dự ứng lực thi công đầm cầu dự án đập dâng Phú Phong.              | 100%                  |
| 161 | 161/2021/NQ-<br>HĐQT         | 14/11/2021 | Phê duyệt điều chỉnh bổ sung chi phí giao khoán nội bộ và phê duyệt nhà thầu phụ thi công Công trình Đồng Mít | 100%                  |
| 162 | 162/2021/NQ-<br>HĐQT         | 14/11/2021 | Phê duyệt chi phí và hợp đồng thuê tư vấn lập Đề án đóng cửa mỏ đá MĐ 7 dự án Đồng Mít.                       | 100%                  |
| 163 | 163/2021/NQ-<br>HĐQT         | 17/11/2021 | Phê duyệt nhà cung cấp và chi phí may quần áo Bảo hộ lao động cấp phát CBCNV năm 2021.                        | 100%                  |
| 164 | 164/2021/NQ-<br>HĐQT         | 17/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp thép xây dựng phục vụ thi công CT Cổ Cò Đà Nẵng.                       | 100%                  |
| 165 | 165/2021/NQ-<br>HĐQT         | 19/11/2021 | Phê duyệt và ban hành kế hoạch thuê thầu phụ mua sắm vật tư thiết bị bổ sung các đơn vị công trường.          | 100%                  |
| 166 | 166/2021/NQ-<br>HĐQT         | 19/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn đơn vị tư vấn phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.                               | 100%                  |
| 167 | 167/2021/NQ-<br>HĐQT         | 19/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn và đào tạo Hệ thống quản lý tích hợp ISO.            | 100%                  |
| 168 | 168/2021/NQ-<br>HĐQT         | 19/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp vật tư đá Granite Thanh Hóa phục vụ thi công CT Đồng Mít.              | 100%                  |
| 169 | 169/2021/NQ-<br>HĐQT         | 19/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp bê tông thương phẩm phục vụ thi công CT Cổ Cò Đà Nẵng.                 | 100%                  |
| 170 | 170/2021/NQ-<br>HĐQT         | 22/11/2021 | Rà soát và điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đối với cổ phiếu C47 theo quy định pháp luật.            | 100%                  |

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung   | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------|--|-----------------------|
| 171 | 171/2021/NQ-<br>HĐQT         | 22/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ thi công hạng mục Kiến trúc - Nhà máy thủy điện Đồng Mít.           | 100%                  |
| 172 | 172/2021/NQ-<br>HĐQT         | 22/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp bê tông thương phẩm phục vụ thi công đầm cầu CT Phú Phong.          | 100%                  |
| 173 | 173/2021/NQ-<br>HĐQT         | 22/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ thi công hệ thống cửa các nhà vận hành Công trình Tân Mỹ.           | 100%                  |
| 174 | 174/2021/NQ-<br>HĐQT         | 23/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu thi công 8 phòng VIP thuộc Dự án cải tạo nhà hàng Lucky KS Hải Âu.      | 100%                  |
| 175 | 175/2021/NQ-<br>HĐQT         | 24/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu thi công đường vào cống xả sâu Dự án Tân Mỹ.                            | 100%                  |
| 176 | 176/2021/NQ-<br>HĐQT         | 24/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp thép tấm Mangan cấp XN Phước An để gia công sản phẩm.               | 100%                  |
| 177 | 177/2021/NQ-<br>HĐQT         | 24/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp Inox cấp xí nghiệp Phước An để gia công sản phẩm.                   | 100%                  |
| 178 | 178/2021/NQ-<br>HĐQT         | 24/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp dịch vụ mạ kẽm nhúng nóng phục vụ gia công Lan can.                 | 100%                  |
| 179 | 179/2021/NQ-<br>HĐQT         | 24/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp vật tư thép xây dựng phục vụ thi công đầm cầu CT Phú Phong.         | 100%                  |
| 180 | 180/2021/NQ-<br>HĐQT         | 24/11/2021 | Phê duyệt Dự án đầu tư sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn của Công ty tại xí nghiệp Phước An.               | 100%                  |
| 181 | 181/2021/NQ-<br>HĐQT         | 29/11/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp dầu phụ phục vụ thi công các công trình.                            | 100%                  |
| 182 | 182/2021/NQ-<br>HĐQT         | 30/11/2021 | Phê duyệt và ban hành kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị bổ sung cho CT Phú Phong và XN Phước An.            | 100%                  |
| 183 | 183/2021/NQ-<br>HĐQT         | 02/12/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu thi công cải tạo chỉnh sửa mặt tiền và khu và phê sân thượng KS Hải Âu. | 100%                  |
| 184 | 184/2021/NQ-<br>HĐQT         | 02/12/2021 | Phê duyệt điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ .         | 100%                  |
| 185 | 185/2021/NQ-<br>HĐQT         | 04/12/2021 | Miễn nhiệm chức danh Cố vấn Hội đồng quản trị đối với ông Trương Nhật Quang.                               | 100%                  |
| 186 | 186/2021/NQ-<br>HĐQT         | 06/12/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp vật tư nắp hố ga gang phục vụ thi công CT Cổ Cò Đà Nẵng.            | 100%                  |
| 187 | 187/2021/NQ-<br>HĐQT         | 06/12/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp băng tải cao su trạm nghiền phục vụ thi công CT Hòa Bình.           | 100%                  |
| 188 | 188/2021/NQ-<br>HĐQT         | 07/12/2021 | Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.   | 100%                  |
| 189 | 189/2021/NQ-<br>HĐQT         | 11/12/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà thầu phụ vận chuyển đổ thải bê tông nhựa và cung cấp vận chuyển dăm cát.     | 100%                  |
| 190 | 190/2021/NQ-<br>HĐQT         | 11/12/2021 | Phê duyệt đơn giá và đơn vị thuê máy khoan hầm L2D.  | 100%                  |
| 191 | 191/2021/NQ-<br>HĐQT         | 11/12/2021 | Phê duyệt và ban hành kế hoạch mua sắm vật tư bổ sung cho công trường Đồng Mít.                            | 100%                  |
| 192 | 192/2021/NQ-<br>HĐQT         | 13/12/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp vật tư thép tấm phục vụ thi công.                                   | 100%                  |
| 193 | 193/2021/NQ-<br>HĐQT         | 15/12/2021 | Phê duyệt chi phí và chọn nhà cung cấp lắp đặt máy phát điện dự phòng thi công CT Tân Mỹ.                  | 100%                  |

| Stt       | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung   | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----------|------------------------------|------------|--|-----------------------|
| 194       | 194/2021/NQ-<br>HĐQT         | 18/12/2021 | Phê duyệt và ban hành kế hoạch thuê thầu phụ mua sắm vật tư thi công công trình.   | 100%                  |
| 195       | 195/2021/NQ-<br>HĐQT         | 19/12/2021 | Phê duyệt chọn nhà cung cấp và chi phí mua vật tư hệ thống điện thi công CT Đồng Mít.  | 100%                  |
| 196       | 196/2021/NQ-<br>HĐQT         | 21/12/2021 | Phê duyệt chọn nhà cung cấp và chi phí mua vật tư thép hình thi công CT Đồng Mít.  | 100%                  |
| 197       | 197/2021/NQ-<br>HĐQT         | 21/12/2021 | Phê duyệt chọn nhà cung cấp và chi phí mua vật tư thép vằn thi công CT Đồng Mít.   | 100%                  |
| 198       | 198/2021/NQ-<br>HĐQT         | 21/12/2021 | Phê duyệt chọn nhà thầu phụ và chi phí thi công hệ thống điện TBA T7 và phần hồ TBA T8   | 100%                  |
| 199       | 199/2021/NQ-<br>HĐQT         | 23/12/2021 | Phê duyệt chọn nhà cung cấp và chi phí mua vật tư thép hình thép tấm thi công CT Cổ Cò.  | 100%                  |
| 200       | 200/2021/NQ-<br>HĐQT         | 28/12/2021 | Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ 6 tháng đầu năm 2022.  | 100%                  |
| 201       | 201/2021/NQ-<br>HĐQT         | 28/12/2021 | Phê duyệt chọn nhà cung cấp và chi phí mua vật tư xi măng thi công dự án đập dâng Phú Phong.   | 100%                  |
| 202       | 202/2021/NQ-<br>HĐQT         | 29/12/2021 | Phê duyệt chọn nhà cung cấp và chi phí mua vật tư đá dăm thi công dự án Phú Phong.   | 100%                  |
| 203       | 203/2021/NQ-<br>HĐQT         | 29/12/2021 | Phê duyệt chọn nhà cung cấp và chi phí mua cừ Larsen loại IV thi công dự án Phú Phong.   | 100%                  |
| 204       | 204/2021/NQ-<br>HĐQT         | 29/12/2021 | Phê duyệt và ban hành Kế hoạch mua sắm trang thiết bị dụng cụ và vật tư phục vụ thi công.  | 100%                  |
| <b>II</b> | <b>Các Quyết Định</b>        |            |  |                       |
| 1         | 01/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 09/02/2021 | Thành lập Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị.  | 100%                  |
| 2         | 02/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Sáp nhập tổ chức bộ máy tại công trường Đồng Mít.  | 100%                  |
| 3         | 03/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Sáp nhập tổ chức bộ máy tại cụm công trường Tân Mỹ, Bác Ái.  | 100%                  |
| 4         | 04/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Sáp nhập tổ chức bộ máy tại công trường Đa Nhim.   | 100%                  |
| 5         | 05/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Ban điều hành công trường Hồ chứa nước Đồng Mít đối với ông Nguyễn Xuân Cần theo mô hình quản lý mới của Công ty.  | 100%                  |
| 6         | 06/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 7 kiêm Phó giám đốc Ban điều hành công trường Hồ chứa nước Đồng Mít đối với ông Vũ Văn Quy theo mô hình quản lý mới của công ty.     | 100%                  |
| 7         | 07/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 6 kiêm Phó giám đốc Ban điều hành công trường Hồ chứa nước Đồng Mít đối với ông Trần Quốc Hùng theo mô hình quản lý mới của công ty. | 100%                  |
| 8         | 08/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 6 - Công trường Hồ chứa nước Đồng Mít đối với ông Phan Tất Hoàn theo mô hình quản lý mới của công ty.                            | 100%                  |

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung  | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------|---|-----------------------|
| 9   | 09/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Phó giám đốc Ban điều hành công trường Hồ chứa nước Đồng Mít đối với ông Trần Hữu Pháp theo mô hình quản lý mới của công ty.                                       | 100%                  |
| 10  | 10/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Phó giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 6 - Công trường Hồ chứa nước Đồng Mít đối với ông Nguyễn Thiện Tựu theo mô hình quản lý mới của công ty.                        | 100%                  |
| 11  | 11/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Phó giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 6 - Công trường Hồ chứa nước Đồng Mít đối với ông Nguyễn Thanh Trí theo mô hình quản lý mới của công ty.                        | 100%                  |
| 12  | 12/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Phó giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 7 - Công trường Hồ chứa nước Đồng Mít đối với ông Ngô Văn Long theo mô hình quản lý mới của công ty.                            | 100%                  |
| 13  | 13/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 5 kiêm Giám đốc điều hành Công trường thủy điện Đa Nhim mở rộng đối với ông Nguyễn Trung Tĩnh theo mô hình quản lý mới của công ty. | 100%                  |
| 14  | 14/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 5 Công trường thủy điện Đa Nhim mở rộng đối với ông Phan Xuân Diệu theo mô hình quản lý mới của công ty.                        | 100%                  |
| 15  | 15/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 5 Công trường thủy điện Đa Nhim mở rộng đối với ông Nguyễn Thành Phương theo mô hình quản lý mới của công ty.                   | 100%                  |
| 16  | 16/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 5 Công trường thủy điện Đa Nhim mở rộng đối với ông Võ Mạnh Hùng theo mô hình quản lý mới của công ty.                          | 100%                  |
| 17  | 17/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Ban điều hành Công trường Tân Mỹ đối với ông Lê Quang Lợi theo mô hình quản lý mới của công ty.   | 100%                  |
| 18  | 18/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 4 kiêm Phó Giám đốc Ban điều hành Công trường Tân Mỹ đối với ông Trần Đăng Khoa theo mô hình quản lý mới của công ty.               | 100%                  |
| 19  | 19/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Ban điều hành Công trường Tích năng Bác Ái đối với ông Trần Tấn Trung theo mô hình quản lý mới của công ty.   | 100%                  |
| 20  | 20/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Ban điều hành Công trường Tân Mỹ đối với ông Phan Hữu Hưng theo mô hình quản lý mới của công ty.  | 100%                  |
| 21  | 21/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 4 - Công trường Tích năng Bác Ái đối với ông Ngô Việt Minh theo mô hình quản lý mới của công ty.                                | 100%                  |
| 22  | 22/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 4 - Công trường Tân Mỹ đối với ông Hồ Văn Tân theo mô hình quản lý mới của công ty.   | 100%                  |
| 23  | 23/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 4 - Công trường Tân Mỹ đối với ông Hoàng Đình Lương theo mô hình quản lý mới của công ty.                                       | 100%                  |

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung  | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------|---|-----------------------|
| 24  | 24/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Ban điều hành công trường Thủy điện Hòa Bình mở rộng đối với ông Lê Văn Cường theo mô hình quản lý mới của công ty.   | 100%                  |
| 25  | 25/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Ban điều hành công trường Thủy điện Hòa Bình mở rộng đối với ông Nguyễn Trung Tĩnh theo mô hình quản lý mới của công ty.  | 100%                  |
| 26  | 26/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 5 - công trường Thủy điện Hòa Bình mở rộng đối với ông Lê Thăng Long theo mô hình quản lý mới của công ty.  | 100%                  |
| 27  | 27/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Bổ nhiệm ông Vũ Văn Quy, Kỹ sư công trình Thủy lợi giữ chức vụ Trưởng Ban chỉ huy công trường Hồ chứa nước Đồng Mít – Công ty cổ phần Xây dựng 47.  | 100%                  |
| 28  | 28/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Bổ nhiệm ông Trần Quốc Hùng, Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp giữ chức vụ Phó Trưởng Ban chỉ huy công trường Hồ chứa nước Đồng Mít – Công ty cổ phần Xây dựng 47.   | 100%                  |
| 29  | 29/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Bổ nhiệm ông Phan Tất Hoàn, Kỹ sư công trình Thủy lợi giữ chức vụ Phó Trưởng Ban chỉ huy công trường Hồ chứa nước Đồng Mít – Công ty cổ phần Xây dựng 47.   | 100%                  |
| 30  | 30/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Bổ nhiệm ông Trần Hữu Pháp, Kỹ sư công trình Thủy điện giữ chức vụ Phó Trưởng Ban chỉ huy công trường Hồ chứa nước Đồng Mít – Công ty cổ phần Xây dựng 47.  | 100%                  |
| 31  | 31/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Bổ nhiệm ông Lê Văn Cường, Kỹ sư Thủy lợi giữ chức vụ Trưởng Ban chỉ huy công trường Thủy điện Hòa Bình mở rộng kiêm nhiệm chức vụ Trưởng Ban chỉ huy công trường Ngòi Giành – Công ty cổ phần Xây dựng 47.   | 100%                  |
| 32  | 32/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Bổ nhiệm ông Nguyễn Trung Tĩnh, Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp giữ chức vụ Phó Trưởng Ban chỉ huy công trường Thủy điện Hòa Bình mở rộng kiêm nhiệm chức vụ Trưởng Ban chỉ huy công trường Thủy điện Đa Nhim mở rộng – Công ty cổ phần Xây dựng 47. | 100%                  |
| 33  | 33/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Bổ nhiệm ông Phan Xuân Diệu, Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp giữ chức vụ Phó Trưởng Ban chỉ huy công trường Thủy điện Đa Nhim mở rộng – Công ty cổ phần Xây dựng 47.   | 100%                  |
| 34  | 34/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Bổ nhiệm ông Lê Quang Lợi, Kỹ sư Thủy lợi giữ chức vụ Trưởng Ban chỉ huy công trường Tân Mỹ kiêm nhiệm chức vụ Trưởng Ban chỉ huy công trường Tích năng Bác ái – Công ty cổ phần Xây dựng 47.   | 100%                  |
| 35  | 35/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Bổ nhiệm ông Trần Đăng Khoa, Kỹ sư Xây dựng Thủy lợi – Thủy điện giữ chức vụ Phó Trưởng Ban chỉ huy công trường Tân Mỹ – Công ty cổ phần Xây dựng 47.   | 100%                  |
| 36  | 36/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 01/03/2021 | Bổ nhiệm ông Trần Tấn Trung, Kỹ sư công trình Thủy lợi giữ chức vụ Phó Trưởng Ban chỉ huy công trường Tân Mỹ kiêm nhiệm Phó trưởng Ban chỉ huy Công trường Tích năng Bác Ái – Công ty cổ phần Xây dựng 47.  | 100%                  |
| 37  | 37/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 05/04/2021 | Thành lập VPĐD tại công trường thủy điện Hòa Bình mở rộng.  | 100%                  |

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung  | Tỷ lệ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------|------------|---|-----------------------|
| 38  | 38/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 05/04/2021 | Bổ nhiệm Trưởng VPĐD tại công trường thủy điện Hòa Bình mở rộng.    | 100%                  |
| 39  | 39/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 08/04/2021 | Bổ nhiệm chức danh Phó trưởng phòng Vật tư - Thiết bị.              | 100%                  |
| 40  | 40/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 03/05/2021 | Bổ nhiệm ông Trần Đức Dương giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc.          | 100%                  |
| 41  | 41/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 30/06/2021 | Điều động và bổ nhiệm chức danh Phó trưởng phòng mua hàng.          | 100%                  |
| 42  | 42/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 30/06/2021 | Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Xí nghiệp Phước An.                   | 100%                  |
| 43  | 43/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 30/06/2021 | Điều động và bổ nhiệm chức danh Phó giám đốc phụ trách XN Phước An. | 100%                  |
| 44  | 44/2021/QĐ-<br>HĐQT          | 30/06/2021 | Bổ nhiệm chức danh Phó giám đốc XN Phước An.                        | 100%                  |





## ỦY BAN KIỂM TOÁN (UBKT)

### Danh sách thành viên UBKT

Tính tại ngày 24/02/2022

| STT | Họ và tên     | Chức vụ                      | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|---------------|------------------------------|--------------------|--------------|
| 1   | Lê Trung Nam  | TV HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT   | 0                  | 0            |
| 2   | Võ Trọng Hiếu | TV HĐQT kiêm Thành viên UBKT | 0                  | 0            |

### Danh sách thay đổi thành viên UBKT trong năm

| Stt | Họ và tên     | Chức vụ                      | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên UBKT    | Trình độ chuyên môn                    |
|-----|---------------|------------------------------|--|--|
| 1   | Lê Trung Nam  | TV HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT   | Bổ nhiệm 14/08/2021                          | Thạc sĩ kinh tế                        |
| 2   | Tạ Nam Bình   | TV HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT   | Bổ nhiệm 09/02/2021<br>Miễn nhiệm 14/08/2021 | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh            |
| 3   | Võ Trọng Hiếu | TV HĐQT kiêm Thành viên UBKT | Bổ nhiệm 09/02/2021                          | Kỹ sư công trình giao thông công chính |

### Hoạt động giám sát của Ủy ban kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

- Năm 2021, Hội đồng quản trị đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty. Hội đồng quản trị đã thực hiện quản trị Công ty thông qua các nghị quyết, quyết định theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường, thông qua phiếu xin ý kiến bằng văn bản để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã có những hoạt động tích cực, phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty.

- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

- Ban Tổng giám đốc có sự phối hợp chặt chẽ, chủ động, tích cực trong tìm kiếm công việc, chỉ đạo thực hiện sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

- Ban Tổng giám đốc Công ty thường xuyên tổ chức các cuộc họp, tổ chức giao ban hàng tuần để bàn việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra những chỉ đạo, chấn chỉnh và biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót.

- Trong năm 2021 là năm rất khó khăn đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc với các biện pháp điều hành phù hợp, đảm bảo được tiến độ chủ đầu tư giao.

### Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng

#### Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Trong năm qua giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Quy chế, Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi cho bộ phận kiểm toán trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, theo Điều lệ của Công ty.

- Ủy Ban kiểm toán, Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giải quyết các tồn tại trong quá trình giám sát, kiểm tra, kiểm toán đối với các đơn vị trực thuộc.

- Ủy Ban kiểm toán đã tham gia đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của công ty.

- Trong năm 2021, Ủy Ban kiểm toán đã thực hiện kiểm tra hoạt động của các đơn vị sản xuất trực thuộc, kịp thời phát hiện các sai sót trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đề xuất các biện pháp chấn chỉnh phù hợp để đảm bảo hoạt động sản xuất đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị của công ty.

- Các kế hoạch hoạt động của Ủy Ban kiểm toán đều được Hội đồng quản trị xem xét, thẩm định và phê duyệt. Kế hoạch kiểm toán đều được Ủy ban kiểm toán thông báo đến Ban điều hành, cán bộ quản lý và các đơn vị được kiểm toán biết để thực hiện.

- Ủy ban kiểm toán đã được mời tham dự toàn bộ các cuộc họp giao ban hàng tuần của Công ty.

- Trong năm 2021, Ủy ban kiểm toán không nhận được đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại nào của cổ đông hoặc các đối tác.

### Số lượng các cuộc họp của UBKT

| Stt | Họ và tên     | Chức vụ                      | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp  |
|-----|---------------|------------------------------|--------------------------|-------------------|--------------------------|
| 1   | Lê Trung Nam  | TV HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT   | 2                        | 100%              | Bổ nhiệm từ 14/08/2021   |
| 2   | Tạ Nam Bình   | TV HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT   | 4                        | 100%              | Miễn nhiệm từ 14/08/2021 |
| 3   | Võ Trọng Hiếu | TV HĐQT kiêm Thành viên UBKT | 6                        | 100%              | -                        |

### Kế hoạch của UBKT trong năm 2022

- Thường xuyên cùng Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định của Công ty về quản trị, quản lý.

- Giám sát việc thực hiện quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị và các quy chế, quy định, quy trình quản lý nội bộ của Công ty.

- Chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán các đơn vị trực thuộc, Công ty con theo kế hoạch kiểm toán định kỳ và đột xuất nhằm sớm phát hiện các tồn tại, thiếu sót để chấn chỉnh kịp thời theo đúng quy định.



# GIAO DỊCH, THÙ LAO & CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, UBKT & BTGD

## LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

| STT                               | Họ và tên            | Chức danh                          | Tổng lương           | Tổng thù lao         |
|-----------------------------------|----------------------|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>I Hội đồng quản trị (HĐQT)</b> |                      |                                    |                      |                      |
| 1                                 | Ông Phạm Nam Phong   | Chủ tịch HĐQT                      | -                    | 296.351.000          |
| 2                                 | Ông Tạ Nam Bình      | Phó Chủ tịch HĐQT                  | -                    | 194.620.000          |
| 3                                 | Ông Dương Minh Quang | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 937.010.000          | 141.542.000          |
| 4                                 | Ông Lê Trung Nam     | Thành viên HĐQT                    | 639.654.000          | 252.121.000          |
| 5                                 | Ông Võ Trọng Hiếu    | Thành viên HĐQT độc lập            | 397.594.000          | 141.542.000          |
| 6                                 | Ông Nguyễn Hữu Hải   | Thành viên HĐQT                    | 673.540.000          | 141.542.000          |
| 7                                 | Ông Bùi Văn Tuynh    | Thành viên HĐQT độc lập            | -                    | 141.542.000          |
| <b>II Ủy ban Kiểm toán</b>        |                      |                                    |                      |                      |
| 1                                 | Ông Lê Trung Nam     | Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán          | nt                   | nt                   |
| 2                                 | Ông Võ Trọng Hiếu    | Thành viên Ủy ban Kiểm toán        | nt                   | nt                   |
| <b>III Ban Tổng Giám đốc</b>      |                      |                                    |                      |                      |
| 1                                 | Ông Dương Minh Quang | Tổng Giám đốc                      | nt                   | nt                   |
| 2                                 | Ông Nguyễn Hữu Hải   | Phó Tổng Giám đốc                  | nt                   | nt                   |
| 3                                 | Ông Trần Đức Dương   | Phó Tổng Giám đốc                  | 431.828.000          | -                    |
| 4                                 | Ông Đinh Tấn Dương   | Phó Tổng Giám đốc                  | 640.995.000          | -                    |
| 5                                 | Ông Nguyễn Xuân Cần  | Phó Tổng Giám đốc đến 01/07/2021   | 317.297.000          | -                    |
| <b>Tổng cộng</b>                  |                      |                                    | <b>4.037.918.000</b> | <b>1.309.260.000</b> |

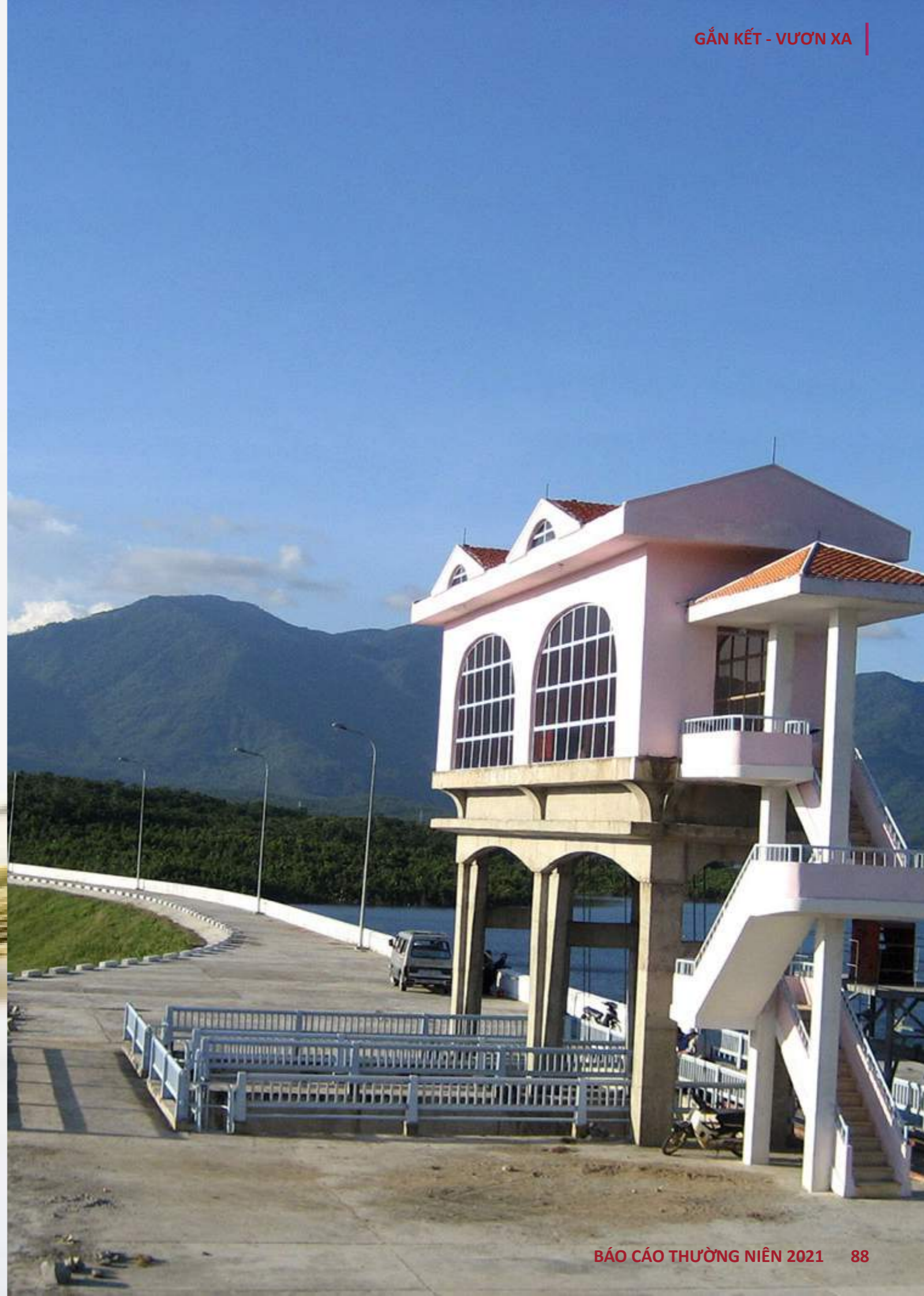
## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ   | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |         | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)  |
|-----|---------------------------|--|---------------------------|---------|----------------------------|---------|---|
|     |                           |  | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ   | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ   |   |
| 1   | Phạm Nam Phong            | Ông Phạm Nam Phong là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây dựng 47.                      | 122.538                   | 0,65%   | 2.122.538                  | 11,34%  | Mua tăng tỷ lệ sở hữu   |
|     |                           |  | 2.122.538                 | 11,34%  | 2.440.917                  | 11,34%  | Cổ phiếu tăng thêm 318.379 cổ phần từ nguồn nhận cổ tức bằng cổ phiếu 5% và cổ phiếu thưởng 10% của năm 2020. |
| 2   | Chu Văn Thế               | Người liên quan đến ông Phạm Nam Phong - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây dựng 47.   | 547.270                   | 2,92%   | 70                         | 0,0004% | Bán do nhu cầu tài chính cá nhân  |
|     |                           |  | 70                        | 0,0004% | 80                         | 0,0004% | Cổ phiếu tăng thêm 10 cổ phần từ nguồn nhận cổ tức bằng cổ phiếu 5% và cổ phiếu thưởng 10% của năm 2020.      |
| 3   | Công ty TNHH VP Invest    | Tổ chức liên quan đến ông Phạm Nam Phong - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây dựng 47. | 0                         | 0%      | 2.000.000                  | 10,68%  | Mua tăng tỷ lệ sở hữu   |
|     |                           |  | 2.000.000                 | 10,68%  | 2.500.000                  | 13,35%  | Mua tăng tỷ lệ sở hữu   |
| 4   | Dương Minh Quang          | Ông Dương Minh Quang là Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty CP Xây dựng 47.  | 2.500.000                 | 13,35%  | 2.875.000                  | 13,35%  | Cổ phiếu tăng thêm 375.000 cổ phần từ nguồn nhận cổ tức bằng cổ phiếu 5% và cổ phiếu thưởng 10% của năm 2020. |
|     |                           |  | 88.141                    | 0,47%   | 101.362                    | 0,47%   | Cổ phiếu tăng thêm 13.221 cổ phần từ nguồn nhận cổ tức bằng cổ phiếu 5% và cổ phiếu thưởng 10% của năm 2020.  |
|     |                           |  | 101.362                   | 0,47%   | 601.362                    | 2,79%   | Mua tăng tỷ lệ sở hữu   |

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ  | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|---|---------------------------|-------|----------------------------|-------|--|
|     |                           |   | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |  |
| 5   | Bùi Văn Tuynh             | Ông Bùi Văn Tuynh - Thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng 47.                     | 57.948                    | 0,31% | 0                          | 0,00% | Bán thỏa thuận                                     |
| 6   | Tô Thị Bình               | Người liên quan đến Ông Bùi Văn Tuynh - Thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng 47. | 752.400                   | 4,02% | 0                          | 0,00% | Bán do nhu cầu tài chính cá nhân                   |
| 7   | Nguyễn Thùy Linh          | Người liên quan đến Ông Bùi Văn Tuynh - Thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng 47. | 130.350                   | 0,70% | 0                          | 0,00% | Bán do nhu cầu tài chính cá nhân                   |

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có.



## PHẦN VI

**“CC47 -  
ĐẢM BẢO SỨC KHỎE -  
ĐẢM BẢO SẢN XUẤT”**

**BÁO CÁO  
PHÁT TRIỂN  
BỀN VỮNG**



# SUSTAINABLE DEVELOPMENT GOALS

8 DECENT WORK AND ECONOMIC GROWTH

## MỤC TIÊU 8 | GOAL 8



Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người.



7 AFFORDABLE AND CLEAN ENERGY

## MỤC TIÊU 7 | GOAL 7



Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người.



6 CLEAN WATER AND SANITATION



## MỤC TIÊU 6 | GOAL 6

Đảm bảo quyền được có nước sạch và vệ sinh môi trường cho tất cả mọi người



17 PARTNERSHIPS FOR THE GOALS



## MỤC TIÊU 17 | GOAL 17

Đẩy mạnh cách thức thực hiện và đem lại sức sống mới cho quan hệ đối tác toàn cầu để phát triển bền vững.



## QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng, xây lắp nên nguồn nguyên vật liệu chủ yếu là dăm cát, xi măng, thép,... Tất cả vật liệu đưa vào dự án đều được phòng vật tư - thiết bị, phòng thí nghiệm LAS XD-325 và phòng kế hoạch kiểm tra từ khâu lựa chọn nhà cung cấp, đảm bảo đáp ứng đủ số lượng, chất lượng theo yêu cầu của dự án với đơn giá thấp nhất.

## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty thực hiện đáp ứng đủ các yêu cầu về việc tiêu thụ năng lượng, thực hiện tiết kiệm và thường xuyên tìm các giải pháp đầu tư thay thế các máy móc thiết bị đã cũ bằng các máy móc thiết bị mới tiết kiệm năng lượng sử dụng. Đối với hoạt động của nhà hàng khách sạn, nhờ việc sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng, tắt các thiết bị khi không cần thiết sử dụng,... đã giúp Công ty tiết kiệm được điện năng tiêu thụ. Đối với hoạt động xây lắp, Công ty áp dụng chính sách khoán và định mức xăng dầu. Nhờ vậy, đã giảm được đáng kể lượng tiêu hao xăng dầu so với trước đây.

## TIÊU THỤ NƯỚC

Với hoạt động xây lắp, Công ty cũng thường xuyên tận dụng nguồn nước tự nhiên từ các kênh rạch, sông suối nơi thi công các công trình để thực hiện dự án. Các hoạt động khai thác và xả thải đều được cơ quan có thẩm quyền cấp phép và Công ty luôn duy trì, thực hiện đúng theo giấy phép.



## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm Công ty không có trường hợp bị xử phạt về vi phạm Pháp luật và môi trường.

- Các dự án đều thực hiện nộp thuế tài nguyên và phí môi trường theo đúng quy định.
- Công ty đã trồng hàng nghìn cây xanh ở các mái dốc, bãi thải trên khu vực công trường nhằm hạn chế xói mòn, sạt lở đất vì an toàn sinh thái và cải thiện cảnh quan môi trường cho khu vực xây dựng.
- Với phương châm “Vì một môi trường bền vững”. Phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn thi công.
- Bên cạnh đó, cây xanh luôn được trồng trong khuôn viên nhà ở và nhà làm việc, tạo không gian làm việc xanh - sạch. Việc đảm bảo môi trường và cảnh quan Xanh – Sạch – Đẹp trên công trường, không chỉ là yêu cầu bắt buộc của Dự án, mà còn tạo được không khí hài hòa trên công trường, góp phần bảo vệ môi trường.

## CHÍNH SÁCH DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

• Trong năm 2021, Công ty tổ chức chương trình tập huấn nâng cao nghiệp vụ kiểm soát chi phí và chế độ tiền lương khoán cho các đơn vị trực thuộc. Toàn thể nhân viên nghiệp vụ thuộc hai khối Tài chính Kế toán và Tổ chức Hành chính đã được phổ biến các quy định, quy trình kiểm soát chi phí, nguyên vật liệu, quy trình quản lý và thanh quyết toán chi phí tiền mặt, quy trình về quản lý chi phí hành chính và chi phí khác tại đơn vị cũng như Hệ thống các quy định.

• Công ty luôn tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho Cán bộ công nhân viên và người lao động, đây là hoạt động diễn ra thường niên của CC47.

• Ban lãnh đạo Công ty đã đến thăm và tặng quà nhằm biểu dương tinh thần Cán bộ công nhân viên của công ty tại các điểm thi công.

## TRÁCH NHIỆM VÌ CỘNG ĐỒNG

Công ty luôn chú trọng đến các chính sách hỗ trợ địa phương như: Thăm hỏi gia đình khó khăn, hỗ trợ tài chính cho các học sinh nghèo hiếu học, thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện... nhằm giúp đỡ cộng đồng, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội lâu dài và bền vững



# PHẦN VII

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
(đã được kiểm toán)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
(đã được kiểm toán)

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

## NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 47 trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Xây dựng 47 theo Quyết định số 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258747, đăng ký lần đầu ngày 27/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và thay đổi lần thứ 21 ngày 28 tháng 02 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm:

|                      |                                 |                            |
|----------------------|---------------------------------|----------------------------|
| Ông Phạm Nam Phong   | Chủ tịch HĐQT                   | Bổ nhiệm ngày 14/08/2021   |
| Ông Lê Trung Nam     | Chủ tịch HĐQT                   | Miễn nhiệm ngày 14/08/2021 |
| Ông Tạ Nam Bình      | Phó Chủ tịch HĐQT               | Bổ nhiệm ngày 14/08/2021   |
| Ông Bùi Văn Tuynh    | Thành viên HĐQT không điều hành |                            |
| Ông Dương Minh Quang | Thành viên HĐQT                 |                            |
| Ông Võ Trọng Hiếu    | Thành viên HĐQT                 |                            |
| Ông Nguyễn Hữu Hải   | Thành viên HĐQT                 |                            |

## BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 vào ngày 24/11/2018, Công ty thay đổi mô hình quản trị từ mô hình Ban kiểm soát sang mô hình Ban kiểm toán nội bộ

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

|                    |                     |                            |
|--------------------|---------------------|----------------------------|
| Ông Võ Trọng Hiếu  | Trưởng ban          | Bổ nhiệm ngày 26/07/2021   |
| Ông Tạ Nam Bình    | Trưởng ban          | Miễn nhiệm ngày 26/07/2021 |
| Ông Lương Đăng Hào | Phó ban thường trực |                            |
| Bà Đoàn Thị Bằng   | Thành viên          |                            |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm:

|                      |                   |                            |
|----------------------|-------------------|----------------------------|
| Ông Dương Minh Quang | Tổng Giám đốc     |                            |
| Ông Nguyễn Hữu Hải   | Phó Tổng Giám đốc |                            |
| Ông Nguyễn Xuân Cẩn  | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01/07/2021 |
| Ông Đinh Tấn Dương   | Phó Tổng Giám đốc |                            |
| Ông Trần Đức Dương   | Phó Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm ngày 03/05/2021   |
| Ông Hồ Đình Phong    | Kế toán trưởng    |                            |

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ngày 07/01/2022 Hội đồng quản trị thông qua việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông. Số lượng trái phiếu sẽ chuyển đổi: 600.000 trái phiếu. Tỷ lệ chuyển đổi: 1:10 (01 trái phiếu chuyển đổi thành 10 cổ phiếu với giá chuyển đổi 10.000 đồng/ cổ phiếu). Số lượng cổ phiếu phát hành thêm để chuyển đổi trái phiếu: 6.000.000 cổ phiếu.

Ngày 28/02/2022. Công ty có đăng ký kinh doanh lần thứ 21, theo đó vốn điều lệ tăng từ 215.295.040.000 đồng lên 275.295.040.000 đồng.

Ngoài các sự kiện trên, Ban Tổng Giám đốc công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào quan trọng nào hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty đòi hỏi điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng có lợi ích công chúng khác theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Quy Nhơn, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Dương Minh Quang



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số: 230/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
của Công ty Cổ phần Xây dựng 47*

**Kính gửi:** Quý cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Chúng tôi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 được lập ngày 18 tháng 03 năm 2022 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày từ trang 07 đến trang 42 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 47 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm

soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

02902085  
Phó Tổng Giám đốc  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM NỮ CHA  
KIỂM TOÁN TTP  
C. CAU GIAY - T. PHAN HAI  
Trần Thị Hạnh  
Số Giấy CN ĐKHN  
Kiểm toán: 0726 -2018-133-1

Kiểm toán viên

Phạm Thị Tuyên

Số Giấy CN ĐKHN

Kiểm toán: 1474-2021-133-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| Mã số | TÀI SẢN   | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|-------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
|       |   |             | Đơn vị tính: VND         |                          |
|       |   |             | Số đầu năm               |                          |
| 100   | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         |             | <b>1.040.506.783.226</b> | <b>1.083.845.705.647</b> |
| 110   | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>    | 3           | <b>98.774.118.560</b>    | <b>16.892.129.583</b>    |
| 111   | 1. Tiền   |             | 98.774.118.560           | 16.892.129.583           |
| 130   | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>         |             | <b>282.362.302.536</b>   | <b>339.040.867.913</b>   |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 5           | 178.370.213.526          | 282.840.806.838          |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 6           | 68.007.593.844           | 26.273.349.566           |
| 136   | 3. Phải thu ngắn hạn khác                       | 7.a         | 41.574.816.166           | 35.517.032.509           |
| 137   | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)       | 8           | (5.590.321.000)          | (5.590.321.000)          |
| 140   | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                         | 9           | <b>659.327.392.955</b>   | <b>727.852.950.670</b>   |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                                 |             | 659.327.392.955          | 727.852.950.670          |
| 149   | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)           |             | -                        | -                        |
| 150   | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                 |             | <b>42.969.175</b>        | <b>59.757.481</b>        |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 11.a        | 11.033.019               | 22.745.454               |
| 152   | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                      |             | 25.537.494               | 31.125.448               |
| 153   | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước     | 20          | 6.398.662                | 5.886.579                |
| 200   | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                          |             | <b>531.744.224.525</b>   | <b>536.339.871.017</b>   |
| 210   | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            |             | <b>13.017.573.609</b>    | <b>6.228.554.749</b>     |
| 216   | 1. Phải thu dài hạn khác                        | 7.b         | 13.017.573.609           | 6.228.554.749            |
| 220   | <b>II. Tài sản cố định</b>                      |             | <b>496.689.981.152</b>   | <b>459.299.091.438</b>   |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 12          | 459.589.531.975          | 458.198.476.579          |
| 222   | - Nguyên giá                                    |             | 1.280.422.808.379        | 1.261.536.023.724        |
| 223   | - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                    |             | (820.833.276.404)        | (803.337.547.145)        |
| 224   | 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 14          | 35.180.807.407           | -                        |
| 225   | - Nguyên giá                                    |             | 35.560.000.000           | -                        |
| 226   | - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                    |             | (379.192.593)            | -                        |
| 227   | 3. Tài sản cố định vô hình                      | 13          | 1.919.641.770            | 1.100.614.859            |
| 228   | - Nguyên giá                                    |             | 3.132.101.393            | 2.055.278.273            |
| 229   | - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                    |             | (1.212.459.623)          | (954.663.414)            |
| 240   | <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | 10          | <b>3.690.227.666</b>     | <b>56.830.188.439</b>    |
| 241   | 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn |             | -                        | -                        |
| 242   | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              |             | 3.690.227.666            | 56.830.188.439           |
| 250   | <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | 4           | <b>2.490.000.000</b>     | <b>3.490.000.000</b>     |
| 255   | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              |             | 2.490.000.000            | 3.490.000.000            |
| 260   | <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 |             | <b>15.856.442.098</b>    | <b>10.492.036.391</b>    |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 11.b        | 15.856.442.098           | 10.492.036.391           |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        |             | <b>1.572.251.007.751</b> | <b>1.620.185.576.664</b> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(Tiếp theo)

| Mã số | TÀI SẢN  | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
|       |  |             | Đơn vị tính: VND         |                          |
|       |  |             | Số đầu năm               |                          |
| 300   | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                             |             | <b>1.227.173.060.017</b> | <b>1.316.163.960.644</b> |
| 310   | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          |             | <b>811.501.480.617</b>   | <b>992.932.767.542</b>   |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 16          | 112.926.791.453          | 272.566.069.899          |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 17.a        | 17.307.110.736           | 14.573.055.257           |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 20          | 47.679.239.999           | 36.707.428.645           |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                     |             | 11.128.600.352           | 21.784.864.201           |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 18          | 21.396.624.183           | 15.149.137.604           |
| 319   | 6. Phải trả ngắn hạn khác                      | 19          | 17.069.501.853           | 24.804.906.065           |
| 320   | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | 15.a        | 579.609.008.038          | 601.872.276.868          |
| 322   | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   |             | 4.384.604.003            | 5.475.029.003            |
| 330   | <b>II. Nợ dài hạn</b>                          |             | <b>415.671.579.400</b>   | <b>323.231.193.102</b>   |
| 331   | 1. Phải trả người bán dài hạn                  |             | -                        | -                        |
| 332   | 2. Người mua trả tiền trước dài hạn            | 17.b        | 259.982.520.761          | 255.528.298.000          |
| 338   | 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn            | 15.b        | 87.481.083.374           | 62.006.026.944           |
| 339   | 4. Trái phiếu chuyển đổi                       | 21          | 61.971.830.986           | -                        |
| 341   | 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả             |             | 6.236.144.279            | 5.696.868.158            |
| 400   | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                          |             | <b>345.077.947.734</b>   | <b>304.021.616.020</b>   |
| 410   | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | 22          | <b>345.077.947.734</b>   | <b>304.021.616.020</b>   |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      |             | 215.295.040.000          | 170.201.300.000          |
| 411a  | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       |             | 215.295.040.000          | 170.201.300.000          |
| 411b  | - Cổ phiếu ưu đãi                              |             | -                        | -                        |
| 412   | 2. Thặng dư vốn cổ phần                        |             | 1.853.878.094            | 32.680.208.094           |
| 413   | 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu            |             | (1.971.830.986)          | -                        |
| 418   | 4. Quỹ đầu tư phát triển                       |             | 56.870.894.198           | 56.870.894.198           |
| 421   | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           |             | 52.033.315.125           | 22.494.342.957           |
| 421a  | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước |             | (2.976.663.789)          | 5.980.111.630            |
| 421b  | - LNST chưa phân phối kỳ này                   |             | 55.009.978.914           | 16.514.231.327           |
| 429   | 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát             |             | 20.996.651.303           | 21.774.870.771           |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     |             | <b>1.572.251.007.751</b> | <b>1.620.185.576.664</b> |

Người lập biểu

Nguyễn Quốc Hùng

Kế toán trưởng

Hồ Đình Phong

Quy Nhơn, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Dương Minh Quang



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

## Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

| Mã số | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm nay         | Đơn vị tính: VND<br>Năm trước |
|-------|---|-------------|-----------------|-------------------------------|
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                     | 24          | 881.942.578.263 | 1.233.083.426.639             |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ   |             | -               | -                             |
| 10    | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)                |             | 881.942.578.263 | 1.233.083.426.639             |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán   | 25          | 767.104.739.366 | 1.090.571.479.769             |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)               |             | 114.837.838.897 | 142.511.946.870               |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính  | 26          | 20.935.049.420  | 8.855.852.904                 |
| 22    | 7. Chi phí tài chính  | 27          | 60.765.375.016  | 67.013.720.873                |
| 23    | - Trong đó: Chi phí lãi vay   |             | 49.915.052.314  | 60.773.140.613                |
| 24    | 8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết                        |             | -               | -                             |
| 25    | 9. Chi phí bán hàng   |             | -               | -                             |
| 26    | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 30          | 32.015.960.586  | 35.339.093.610                |
| 30    | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} |             | 42.991.552.715  | 49.014.985.291                |
| 31    | 12. Thu nhập khác   | 28          | 16.946.100.074  | 4.080.161.372                 |
| 32    | 13. Chi phí khác  | 29          | 3.226.674.404   | 27.260.992.209                |
| 40    | 14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)   |             | 13.719.425.670  | (23.180.830.837)              |
| 50    | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)                          |             | 56.710.978.385  | 25.834.154.454                |
| 51    | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành   | 31          | 12.951.659.564  | 6.040.764.701                 |
| 52    | 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại  |             | 539.276.122     | 1.450.555.793                 |
| 60    | 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)                               |             | 43.220.042.699  | 18.342.833.960                |
| 61    | 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ   |             | 44.336.427.841  | 21.731.246.442                |
| 62    | 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát                            |             | (1.116.385.142) | (3.388.412.482)               |
| 70    | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 32          | 2.331           | 1.277                         |
| 71    | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu  |             | 1.772           | 1.277                         |

Người lập biểu

Nguyễn Quốc Hùng

Kế toán trưởng

Hồ Đình Phong

Quy Nhơn, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc

Đương Minh Quang



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

## Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Phương pháp gián tiếp

Năm 2021

| Mã số | CHỈ TIÊU  | Năm nay               | Đơn vị tính: VND<br>Năm trước |
|-------|---|-----------------------|-------------------------------|
|       | <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>   |                       |                               |
| 01    | 1. Lợi nhuận trước thuế   | 56.710.978.385        | 25.834.154.454                |
|       | <b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>  | <b>94.413.471.094</b> | <b>138.505.818.840</b>        |
| 02    | - Khấu hao tài sản cố định  | 48.543.824.161        | 61.963.242.324                |
| 04    | - Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ |                       | 100.050                       |
| 05    | - (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư  | (4.045.405.381)       | 15.769.335.853                |
| 06    | - Chi phí lãi vay   | 49.915.052.314        | 60.773.140.613                |
| 08    | 3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                     | 151.124.449.479       | 164.339.973.294               |
| 09    | - (Tăng)/giảm các khoản phải thu  | 49.894.622.388        | 3.572.039.891                 |
| 10    | - (Tăng)/giảm hàng tồn kho  | 68.525.557.715        | 103.362.678.876               |
| 11    | - Tăng/(giảm) các khoản phải trả  | (112.014.396.477)     | (231.901.709.159)             |
| 12    | - (Tăng)/giảm chi phí trả trước   | (5.352.693.272)       | 100.148.993                   |
| 14    | - Tiền lãi vay đã trả   | (43.667.565.735)      | (56.251.675.402)              |
| 15    | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | (1.000.000.000)       | (4.365.462)                   |
| 17    | - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh   | (1.090.425.000)       | (363.000.000)                 |
| 20    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh   | 106.419.549.098       | (17.145.908.969)              |
|       | <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>  |                       |                               |
| 21    | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác                                    | (6.708.813.502)       | (46.317.062.123)              |
| 22    | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác                                     | 13.444.636.361        | 70.761.929.741                |
| 24    | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                           | 1.000.000.000         |                               |
| 25    | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | -                     | (82.455.760.000)              |
| 26    | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | -                     | 131.611.409.444               |
| 27    | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                    | 313.229.420           | 8.855.852.904                 |
| 30    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư   | 8.049.052.279         | 82.456.369.966                |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Tiếp theo)  
Năm 2021

Đơn vị tính: VND  
Năm nay Năm trước


| Mã số  | CHỈ TIÊU  | Năm nay                 | Năm trước               |
|--|---|-------------------------|-------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b> |   |                         |                         |
| 33   | 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                 | 540.796.358.047         | 585.878.939.842         |
| 34   | 4. Tiền chi trả nợ gốc vay                              | (568.789.626.877)       | (679.564.274.333)       |
| 35   | 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính                       | (4.593.343.570)         | -                       |
| 36   | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu              | -                       | (1.698.375.200)         |
| 40   | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>     | <b>(32.586.612.400)</b> | <b>(95.383.709.691)</b> |
| 50   | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                  | <b>81.881.988.977</b>   | <b>(30.073.248.694)</b> |
| 60   | <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                 | <b>16.892.129.583</b>   | <b>46.965.478.327</b>   |
| 61   | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ |                         | (100.050)               |
| 70   | <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                | <b>98.774.118.560</b>   | <b>16.892.129.583</b>   |

Quy Nhơn, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Nguyễn Quốc Hùng

  
Hồ Đình Phong

  
Dương Minh Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, TP. Quy Nhơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng

Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 (sau đây gọi tắt là "Công ty") thành lập và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp số 4100258747 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 06 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp và thay đổi lần thứ 21 ngày 28 tháng 02 năm 2022.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY 47.**

Tên Công ty viết tắt: **CC47**

**Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Tổ chức hội nghị, hội thảo
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc nước ngoài
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động
- Điều hành tour du lịch
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác

Địa chỉ trụ sở chính: Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

**Tên các chi nhánh và văn phòng đại diện:**

**Địa chỉ**

- |                                 |  |
|---------------------------------|--|
| 1. Khách sạn Hải Âu – Chi Nhánh | Số 489, Đường An Dương Vương, Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam |
| 2. Văn phòng đại diện Thanh Hóa | Làng Co Me, Xã Trung Sơn, Huyện Quan Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                               |
| 3. Văn phòng đại diện Lâm Đồng  | Tổ Phú Thuận 3, Thị Trấn D'Ran, Huyện Đơn Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam                         |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, TP. Quy Nhơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

Phòng 601, Tòa nhà DMA, số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

5. Công trình xây dựng đê chắn sóng thuộc Dự án Làng cá Tam Quan - Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

Huyện Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định

6. Công trường kênh Chính Nam Đồng Cam - Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

Kênh chính Nam Đồng Cam - Huyện Đông Hoà – Tỉnh Phú Yên.

7. Ban điều hành thi công gói thầu 14/XL-TB thuộc dự án hồ chứa nước Ngòi Giành – VPĐD Công ty CP Xây dựng 47

Xóm Dừng, xã Trung Sơn, huyện Yên Lập – tỉnh Phú Thọ

8. Ban điều hành thi công gói thầu 05 – XL, dự án Hồ chứa nước Đồng Mít - VPĐD Công ty CP Xây dựng 47

Thôn 6, xã An Trung, huyện An Lão, tỉnh Bình Định

9. Ban điều hành cụm công trình cửa xả - Dự án Thủy điện Tích năng – Bắc ái - VPĐD Công ty CP Xây dựng 47

Thôn Ma Ty, xã Phước Tân, huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận

**Vốn điều lệ của Công ty:** Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 21, vốn điều lệ của Công ty là 275.295.040.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi lăm tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng./.*). Tương đương với 27.529.504 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, TP. Quy Nhơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

### 2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

*Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:*

Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.

Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

*Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:*

Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;

Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa

đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.7. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.8. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.9. Tài sản cố định**

Thực hiện Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính và Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi một số điều của Thông tư 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|                          |           |
|--------------------------|-----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05-50 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 05-20 năm |
| - Phương tiện vận tải    | 06-10 năm |
| - Thiết bị văn phòng     | 03-10 năm |
| - Phần mềm máy tính      | 03-08 năm |

**2.10. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.12. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.13. Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu) và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

**2.14. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:**

**2.14.1 Nguyên tắc xác định khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải thu đã phát hành hoá đơn tại thời điểm báo cáo, theo hợp đồng xây dựng đã ký qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

**2.14.2 Nguyên tắc xác định khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải trả đã nhận được hoá đơn tại thời điểm báo cáo của nhà thầu, khi hợp đồng xây dựng đã ký qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch,

**2.15. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## 2.16. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.
- Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.
- Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:
- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, TP. Quy Nhơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- + Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

### 2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

Chi phí đi vay vốn;

Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được trừ.

Việc xác định thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, TP. Quy Nhơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### 2.20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.22. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, TP. Quy Nhơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

## 2.23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

### a. Mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 và các Công ty con, bao gồm:

| Tên các Công ty con:   | Quyền biểu quyết | Địa chỉ   |
|--|------------------|---|
| 1. Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong                       | 67,7%            | Thôn Hòa Sơn, Xã Bình Tường, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định.                           |
| 2. Công ty TNHH MTV Cung ứng và Xuất khẩu Lao động Bình Định | 100%             | Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định                  |
| 3. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Hải Âu                   | 100%             | Số 489 đường An Dương Vương, Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định |

### b. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

#### (i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Công ty mẹ tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, Phường Ngô Mây, TP. Quy Nhơn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

#### (ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

| 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN   | Số cuối năm           |  | Số đầu năm            |  |
|---|-----------------------|--|-----------------------|--|
|   | VND                   |  | VND                   |  |
| Tiền mặt tại quỹ                        | 9.441.485.315         |  | 12.069.027.308        |  |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn         | 89.332.633.245        |  | 4.823.102.275         |  |
| + Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (VND) | 89.332.633.245        |  | 4.823.102.275         |  |
| <b>Cộng</b>                             | <b>98.774.118.560</b> |  | <b>16.892.129.583</b> |  |

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư đến ngày đáo hạn

|                  | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                  | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| <b>Ngắn hạn</b>  |                      |          |                      |          |
| Dài hạn          | 2.490.000.000        | -        | 3.490.000.000        | -        |
| - Trái phiếu (*) | 2.490.000.000        | -        | 3.490.000.000        | -        |
| <b>Cộng</b>      | <b>2.490.000.000</b> | <b>-</b> | <b>3.490.000.000</b> | <b>-</b> |

(\*) Chi tiết trái phiếu

Trái phiếu ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, thời hạn trái phiếu: 07- 10 năm, số lượng trái phiếu: 2.490 trái phiếu, mệnh giá: 1.000.000 đồng/ trái phiếu.

#### 5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

|   | Số cuối năm            |  | Số đầu năm             |  |
|---|------------------------|--|------------------------|--|
|   | VND                    |  | VND                    |  |
| <b>Ngắn hạn</b>                           | <b>178.370.213.526</b> |  | <b>282.840.806.838</b> |  |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim         | 21.274.096.826         |  | 30.526.962.719         |  |
| Công ty Cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn        | 51.088.464.629         |  | 20.049.262.089         |  |
| Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 7 | 20.341.636.000         |  | 1.330.399.000          |  |
| Các đối tượng khác                        | 85.666.016.071         |  | 230.934.183.030        |  |
| <b>Cộng</b>                               | <b>178.370.213.526</b> |  | <b>282.840.806.838</b> |  |

#### 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

|                                    | Số cuối năm           |  | Số đầu năm            |  |
|------------------------------------|-----------------------|--|-----------------------|--|
|                                    | VND                   |  | VND                   |  |
| <b>Ngắn hạn</b>                    | <b>68.007.593.844</b> |  | <b>26.273.349.566</b> |  |
| Công ty TNHH CAVICO Việt Nam       | 5.590.321.000         |  | 5.590.321.000         |  |
| Công ty TNHH Xây Dựng An Đạt Thịnh | 4.700.000.000         |  | 4.199.687.918         |  |
| Công ty TNHH Thịnh Tiến            | 37.900.000.000        |  | -                     |  |
| Các đối tượng khác                 | 19.817.272.844        |  | 16.483.340.648        |  |
| <b>Cộng</b>                        | <b>68.007.593.844</b> |  | <b>26.273.349.566</b> |  |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

| 7. PHẢI THU KHÁC                          | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          | Đơn vị tính: VND |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|------------------|
|   | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |                  |
| <b>a. Ngắn hạn</b>                        | <b>41.574.816.166</b> | <b>-</b> | <b>35.517.032.509</b> | <b>-</b> |                  |
| Kinh phí công đoàn                        | -                     | -        | 1.289.630.624         | -        |                  |
| Tạm ứng                                   | 1.409.023.044         | -        | 1.133.855.311         | -        |                  |
| Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược         | 773.846.950           | -        | 663.443.868           | -        |                  |
| Phải thu khác (*)                         | 39.391.946.172        | -        | 32.430.102.706        | -        |                  |
| <b>b. Dài hạn</b>                         | <b>13.017.573.609</b> | <b>-</b> | <b>6.228.554.749</b>  | <b>-</b> |                  |
| Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược         | 13.017.573.609        | -        | 6.228.554.749         | -        |                  |
| <b>Cộng</b>                               | <b>54.592.389.775</b> | <b>-</b> | <b>41.745.587.258</b> | <b>-</b> |                  |
| <b>Phải thu khác là các bên liên quan</b> | <b>14.299.000</b>     | <b>-</b> | <b>226.621.800</b>    | <b>-</b> |                  |

(Chi tiết tại thuyết minh số 38)

(\*) Chi tiết khoản phải thu khác

|                                 | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                 | VND                   | VND                   |
| Công ty TNHH TM Tân Trường Phúc | 5.664.232.159         | 5.639.482.159         |
| Các đối tượng khác              | 33.727.714.013        | 26.790.620.547        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>39.391.946.172</b> | <b>32.430.102.706</b> |

#### 8. NỢ XẤU

| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | Số cuối năm          |                        | Số đầu năm           |                        | Đơn vị tính: VND |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|------------------|
|   | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi |                  |
| Công ty TNHH Cavico Việt Nam  | 5.590.321.000        | -                      | 5.590.321.000        | -                      |                  |
| <b>Cộng</b>   | <b>5.590.321.000</b> | <b>-</b>               | <b>5.590.321.000</b> | <b>-</b>               |                  |

#### 9. HÀNG TỒN KHO

|   | Số cuối năm            |          | Số đầu năm             |          | Đơn vị tính: VND |
|---|------------------------|----------|------------------------|----------|------------------|
|   | Giá gốc                | Dự phòng | Giá gốc                | Dự phòng |                  |
| Nguyên liệu, vật liệu                   | 32.732.635.147         | -        | 48.603.089.112         | -        |                  |
| Công cụ, dụng cụ                        | 722.805.290            | -        | 2.099.612.021          | -        |                  |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*) | 625.715.263.008        | -        | 676.854.606.485        | -        |                  |
| Hàng hoá                                | 156.689.510            | -        | 295.643.052            | -        |                  |
| <b>Cộng</b>                             | <b>659.327.392.955</b> | <b>-</b> | <b>727.852.950.670</b> | <b>-</b> |                  |

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(\* Chi tiết một số công trình có giá trị lớn:

|                       | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Công trình Đa Nhim    | 121.940.411.834        | 118.481.879.226        |
| Công trình Đồng Mít   | 188.299.928.660        | 205.495.877.150        |
| Công trình Tân Mỹ     | 173.104.000.273        | 190.038.150.133        |
| Công trình Bắc Ái     | 73.542.119.236         | 79.240.779.027         |
| Công trình Ngòi Giành | 30.750.587.154         | 44.000.000.000         |
| Các công trình khác   | 38.078.215.851         | 39.597.920.949         |
| <b>Cộng</b>           | <b>625.715.263.008</b> | <b>676.854.606.485</b> |

#### 10. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

|   | Số cuối năm<br>VND   | Số đầu năm<br>VND     |
|---|----------------------|-----------------------|
| <i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>              | <i>3.690.227.666</i> | <i>56.830.188.439</i> |
| - Dự án cải tạo công năng văn phòng công ty |                      | 53.086.907.160        |
| - Dự án sinh thái Bình Định                 | 3.041.794.343        | 3.041.794.343         |
| - Dự án khác                                | 648.433.323          | 701.486.936           |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>3.690.227.666</b> | <b>56.830.188.439</b> |

#### 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

|  | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>                                   | <b>11.033.019</b>     | <b>22.745.454</b>     |
| Công cụ dụng cụ                                      | -                     | 22.745.454            |
| Chi phí khác   | 11.033.019            | -                     |
| <b>b. Dài hạn</b>                                    | <b>15.856.442.098</b> | <b>10.492.036.391</b> |
| Chi phí giải phóng mặt bằng Phước An                 | 4.533.033.278         | 4.975.280.426         |
| Hệ thống camera, quyền khai thác KS Đồng Mít         | 996.298.804           | 1.736.756.104         |
| Hệ thống làm lạnh bê tông+ quyền khai thác KS Tân Mỹ | 700.905.594           | 1.247.616.486         |
| Chi phí khác   | 9.626.204.422         | 2.532.383.375         |
| <b>Cộng</b>  | <b>15.867.475.117</b> | <b>10.514.781.845</b> |

#### CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

#### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| Khoản mục                | Nhà cửa vật<br>kiến trúc | Máy móc thiết bị       | Phương tiện vận tải<br>truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản<br>lý | Đơn vị tính: VND<br>Tổng cộng |
|--------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| Nguyên giá               |                          |                        |                                   |                             |                               |
| Số đầu năm               | 275.794.101.207          | 797.649.218.485        | 174.194.054.088                   | 13.898.649.944              | 1.261.536.023.724             |
| - Mua trong năm          |                          | 4.409.735.636          | -                                 | 950.024.781                 | 5.359.760.417                 |
| - Đầu tư hoàn thành      | 46.450.590.738           |                        |                                   |                             | 46.450.590.738                |
| - Thanh lý, nhượng bán   |                          | (29.477.038.625)       | (3.446.527.875)                   |                             | (32.923.566.500)              |
| - Phân loại lại          |                          | (9.800.122.848)        | 5.677.161.810                     | 4.122.961.038               | 0                             |
| - Giảm khác              |                          |                        |                                   |                             |                               |
| <b>Số cuối năm</b>       | <b>322.244.691.945</b>   | <b>762.781.792.648</b> | <b>176.424.688.023</b>            | <b>18.971.635.763</b>       | <b>1.280.422.808.379</b>      |
| Giá trị hao mòn          |                          |                        |                                   |                             |                               |
| Số đầu năm               | 44.554.370.283           | 593.544.337.695        | 152.116.810.460                   | 13.122.028.707              | 803.337.547.145               |
| - Khấu hao trong năm     | 5.655.115.213            | 32.238.961.905         | 9.290.265.357                     | 722.492.884                 | 47.906.835.359                |
| - Tăng khác              |                          |                        |                                   |                             |                               |
| - Phân loại lại          |                          | (6.290.126.254)        | 5.705.450.651                     | 584.675.603                 | -                             |
| - Thanh lý nhượng bán    |                          | (27.041.451.128)       | (3.369.654.972)                   |                             | (30.411.106.100)              |
| - Phân loại lại          |                          |                        |                                   |                             |                               |
| - Giảm khác              |                          |                        |                                   |                             |                               |
| <b>Số cuối năm</b>       | <b>50.209.485.496</b>    | <b>592.451.722.218</b> | <b>163.742.871.496</b>            | <b>14.429.197.194</b>       | <b>820.833.276.404</b>        |
| Giá trị còn lại          |                          |                        |                                   |                             |                               |
| Tại ngày đầu năm         | 231.239.730.924          | 204.104.880.790        | 22.077.243.628                    | 776.621.237                 | 458.198.476.579               |
| <b>Tại ngày cuối năm</b> | <b>272.035.206.449</b>   | <b>170.330.070.430</b> | <b>12.681.816.527</b>             | <b>4.542.438.569</b>        | <b>459.589.531.975</b>        |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang cầm cố thế chấp:

191.095.882.607 VND  
477.202.130.070 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mỹ, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

## 13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| Khoản mục                | Phần mềm<br>máy tính | Đơn vị tính: VND     |  |
|--------------------------|----------------------|----------------------|--|
|                          |                      | Tổng cộng            |  |
| <b>Nguyên giá</b>        |                      |                      |  |
| Số đầu năm               | 2.055.278.273        | 2.055.278.273        |  |
| - Mua trong năm          | 1.076.823.120        | 1.076.823.120        |  |
| <b>Số cuối năm</b>       | <b>3.132.101.393</b> | <b>3.132.101.393</b> |  |
| <b>Giá trị hao mòn</b>   |                      |                      |  |
| Số đầu năm               | 954.663.414          | 954.663.414          |  |
| - Khấu hao trong năm     | 257.796.209          | 257.796.209          |  |
| <b>Số cuối năm</b>       | <b>1.212.459.623</b> | <b>1.212.459.623</b> |  |
| <b>Giá trị còn lại</b>   |                      |                      |  |
| Tại ngày đầu năm         | 1.100.614.859        | 1.100.614.859        |  |
| <b>Tại ngày cuối năm</b> | <b>1.919.641.770</b> | <b>1.919.641.770</b> |  |

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đang cầm cố thế chấp vay tại ngày 31/12/2021 là: 0 đồng  
Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng tại 31/12/2021 là: 746.937.273 đ

## 14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

| Khoản mục                  | Máy móc thiết bị      | Tổng cộng             |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>          |                       |                       |
| Số đầu năm                 | -                     | -                     |
| - Thuê tài chính trong năm | 35.560.000.000        | 35.560.000.000        |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>35.560.000.000</b> | <b>35.560.000.000</b> |
| <b>Giá trị hao mòn</b>     |                       |                       |
| Số đầu năm                 | -                     | -                     |
| - Khấu hao trong năm       | 379.192.593           | 379.192.593           |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>379.192.593</b>    | <b>379.192.593</b>    |
| <b>Giá trị còn lại</b>     |                       |                       |
| Tại ngày đầu năm           | -                     | -                     |
| <b>Tại ngày cuối năm</b>   | <b>35.180.807.407</b> | <b>35.180.807.407</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mỹ, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

## 15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

|   | Số cuối năm            |                        | Trong năm              |                        | Số đầu năm             |                        | Đơn vị tính: VND |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------|
|   | Số có khả năng trả nợ  |                        | Tăng                   | Giảm                   | Số có khả năng trả nợ  |                        |                  |
|   | Giá trị                | Số có khả năng trả     |                        |                        | Giá trị                | Số có khả năng trả     |                  |
| <b>a. Ngắn hạn</b>  | 579.609.008.038        | 579.609.008.038        | 540.796.358.047        | 563.059.626.877        | 601.872.276.868        | 601.872.276.868        |                  |
| Vay ngắn hạn  | 575.949.008.038        | 575.949.008.038        | 537.136.358.047        | 559.399.626.877        | 598.212.276.868        | 598.212.276.868        |                  |
| - Vay ngân hàng   | 575.949.008.038        | 575.949.008.038        | 537.136.358.047        | 559.399.626.877        | 598.212.276.868        | 598.212.276.868        |                  |
| + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Định (1) | 575.949.008.038        | 575.949.008.038        | 537.136.358.047        | 559.399.626.877        | 598.212.276.868        | 598.212.276.868        |                  |
| <b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>                                     | 3.660.000.000          | 3.660.000.000          | 3.660.000.000          | 3.660.000.000          | 3.660.000.000          | 3.660.000.000          |                  |
| + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Định (2) | 3.660.000.000          | 3.660.000.000          | 3.660.000.000          | 3.660.000.000          | 3.660.000.000          | 3.660.000.000          |                  |
| <b>b. Dài hạn</b>   | 87.481.083.374         | 87.481.083.374         | 35.798.400.000         | 10.323.343.570         | 62.006.026.944         | 62.006.026.944         |                  |
| - Vay ngân hàng   | -                      | -                      | -                      | -                      | -                      | -                      |                  |
| + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Định (2) | 56.276.026.944         | 56.276.026.944         | -                      | 5.730.000.000          | 62.006.026.944         | 62.006.026.944         |                  |
| + Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - SUMI Trust               | 31.205.056.430         | 31.205.056.430         | 35.798.400.000         | 4.593.343.570          | -                      | -                      |                  |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>667.090.091.412</b> | <b>667.090.091.412</b> | <b>576.594.758.047</b> | <b>573.382.970.447</b> | <b>663.878.303.812</b> | <b>663.878.303.812</b> |                  |

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

## 15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

## c. Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

| Thời hạn                  | Năm nay                                   |                   | Năm trước                                 |                   |
|---------------------------|---|-------------------|---|-------------------|
|                           | Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính | Trả tiền lãi thuế | Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính | Trả tiền lãi thuế |
| Trên 1 năm đến dưới 5 năm | 4.593.343.570                             | 346.481.402       | 1.187.743.570                             |                   |

## Chi tiết khoản vay và nợ thuế tài chính

## (1) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2021/300495 ngày 04/08/2021 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Định.

Hạn mức cấp tín dụng: 1.590.000.000.000 đồng (Trong đó: Hạn mức cho vay: 590.000.000.000 đồng; Hạn mức bảo lãnh: 1.000.000.000.000 đồng).

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh

Thời gian duy trì hạn mức: Đến hết ngày 15/07/2022

Thời hạn cho vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.

Lãi suất cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng.

Biện pháp bảo đảm: Thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày Hợp đồng này.

Số dư khoản vay tại 31/12/2021 là: 575.949.008.038 đồng

## (2) Khoản vay dài hạn ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HDDH ngày 08/07/2013 và "Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2013/HDDH ngày 08/07/2013" ngày 31/08/2017.

- Tổng số tiền vay: 86.000.000.000 đồng.

- Mục đích: Thanh toán một phần chi phí dự án thủy điện Văn Phong.

- Thời hạn: Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 31/12/2028 theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2013/HDDH ngày 08/07/2013.

- Lãi suất: Lãi suất áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 13%/ năm điều chỉnh 3 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn 120% lãi trong hạn

Theo văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2013/HDDH ngày 08/07/2013 lập ngày 31/08/2017

- BIDV cho phép Công ty CP thủy điện Văn Phong giãn nợ đến năm 2028. Đồng thời, BIDV cho phép Văn Phong hàng năm trả một khoản lãi vay tối thiểu, phần lãi vay chênh lệch giữa thực tế và khoản lãi vay tối thiểu này sẽ được trả toàn bộ vào 31/12/2028.

Số dư tại 31/12/2021 là: 59.936.026.944 đồng

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

## 16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

|   | Số cuối năm            |                        | Số đầu năm             |                        |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|   | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  |
| <b>Ngắn hạn</b>                               | <b>112.926.791.453</b> | <b>112.926.791.453</b> | <b>272.566.069.899</b> | <b>272.566.069.899</b> |
| Công ty TNHH TMDV Tân Trường Phúc             | 20.429.789.816         | 20.429.789.816         | 20.429.789.816         | 20.429.789.816         |
| Công ty TNHH Đầu tư và Xuất Nhập Khẩu An Sinh | 1.464.715.700          | 1.464.715.700          | 17.742.868.300         | 17.742.868.300         |
| Công ty Cổ phần Đ.H.C                         | 5.992.351.184          | 5.992.351.184          | 7.861.157.334          | 7.861.157.334          |
| Các đối tượng khác                            | 85.039.934.753         | 85.039.934.753         | 226.532.254.449        | 226.532.254.449        |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>112.926.791.453</b> | <b>112.926.791.453</b> | <b>272.566.069.899</b> | <b>272.566.069.899</b> |

## 17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Số cuối năm

Số đầu năm

|   | VND                    | VND                    |
|---|------------------------|------------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>  | <b>17.307.110.736</b>  | <b>14.573.055.257</b>  |
| Công ty CP ĐT&XD Thủy Điện Đồng Mít   | 1.816.713.000          | 2.128.000.000          |
| Công ty CP Thủy Điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh   | 6.766.747.969          | -                      |
| Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng DACINCO  | 3.651.000.000          | -                      |
| Các đối tượng khác  | 5.072.649.767          | 12.445.055.257         |
| <b>b. Dài hạn</b>   | <b>259.982.520.761</b> | <b>255.528.298.000</b> |
| Ban Quản Lý Dự Án Điện 1 - CN Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam                              | 72.502.520.761         | -                      |
| Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi 6   | -                      | 255.528.298.000        |
| Ban quản lý dự án NN & PTNT tỉnh Bình Định  | 124.380.000.000        | -                      |
| Ban QLDA Đầu Tư Xây Dựng Công trình Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Tỉnh Lâm Đồng | 63.100.000.000         | -                      |
| <b>Cộng</b>   | <b>277.289.631.497</b> | <b>270.101.353.257</b> |

## 18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Số cuối năm

Số đầu năm

|                           | VND                   | VND                   |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>           | <b>21.396.624.183</b> | <b>15.149.137.604</b> |
| - Lãi vay, lãi trái phiếu | 21.396.624.183        | 15.149.137.604        |
| <b>Cộng</b>               | <b>21.396.624.183</b> | <b>15.149.137.604</b> |

## 19. PHẢI TRẢ KHÁC

Số cuối năm

Số đầu năm

|                                   | VND                   | VND                   |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                   | <b>17.069.501.853</b> | <b>24.804.906.065</b> |
| Tài sản thừa chờ giải quyết       | 381.612.251           | -                     |
| Kinh phí công đoàn                | 1.951.642             | 1.519.111             |
| Bảo hiểm xã hội                   | 8.423.475.464         | 7.028.857.231         |
| Bảo hiểm y tế                     | 140.955.836           | 162.967.316           |
| Bảo hiểm thất nghiệp              | 34.128.295            | 72.508.175            |
| Phải trả về cổ phần hoá           | 130.705.324           | 130.705.324           |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 7.956.673.041         | 17.407.462.396        |
| Tạm ứng (Dư Có TK 141)            | -                     | 886.512               |
| <b>Cộng</b>                       | <b>17.069.501.853</b> | <b>24.804.906.065</b> |

**20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

| Chỉ tiêu                               | Số phải thu đầu năm |                       | Số phải nộp trong năm |                       | Số đã thực nộp trong năm |                       | Số còn phải thu cuối năm |                       | Số còn phải nộp cuối năm |                       |
|--|---------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|
|  | năm                 | đầu năm               | năm                   | năm                   | năm                      | năm                   | cuối năm                 | cuối năm              | cuối năm                 | cuối năm              |
| Thuế Giá trị gia tăng                  | -                   | 18.470.912.317        | 24.094.500.204        | 23.394.658.374        | -                        | 19.170.754.147        | -                        | 19.170.754.147        | -                        | 19.170.754.147        |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp             | 19                  | 5.184.950.313         | 12.951.659.564        | 1.000.000.000         | 19                       | 17.136.609.877        | 6.398.643                | 6.398.643             | 2.358.015.808            | 2.358.015.808         |
| Thuế Thu nhập cá nhân                  | -                   | 5.886.560             | 2.276.241.432         | 46.231.850            | -                        | 7.456.703.609         | -                        | 7.456.703.609         | -                        | 7.456.703.609         |
| Thuế Tài nguyên                        | -                   | 9.352.798.425         | 660.277.500           | 2.556.372.316         | -                        | -                     | -                        | -                     | -                        | -                     |
| Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất            | -                   | -                     | 1.953.322.102         | 1.953.322.102         | -                        | -                     | -                        | -                     | -                        | -                     |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                   | 3.571.273.447         | 289.777.073           | 2.303.893.962         | -                        | 1.557.156.558         | -                        | 1.557.156.558         | -                        | 1.557.156.558         |
| <b>Cộng</b>                            | <b>5.886.579</b>    | <b>36.707.428.645</b> | <b>42.225.777.875</b> | <b>31.254.478.604</b> | <b>6.398.662</b>         | <b>47.679.239.999</b> | <b>6.398.662</b>         | <b>47.679.239.999</b> | <b>6.398.662</b>         | <b>47.679.239.999</b> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**21. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI****Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Tên trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi không có tài sản đảm bảo

Mệnh giá: 100.000 đồng/ trái phiếu

Số lượng trái phiếu phát hành: 600.000 trái phiếu

Tổng giá trị phát hành: 60.000.000.000 đồng

Kỳ hạn: 12 tháng

Lãi suất: 10%/ năm

Kỳ hạn trả lãi: 6 tháng/ lần

Giá chuyển đổi và tỷ lệ chuyển đổi: Giá chuyển đổi là 10.000 đồng/ Cổ phiếu, tỷ lệ chuyển đổi là: 1:10 ( 01 trái phiếu đổi thành 10 cổ phiếu)

Công ty áp dụng mức lãi suất là 6,5%/năm để chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại. Từ đó xác định ra cơ cấu phần vốn của trái phiếu (quyền chọn cổ phiếu thuộc phần vốn chủ sở hữu). Mức lãi suất này được công ty xác định căn cứ theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Định, là ngân hàng thường xuyên giao dịch với công ty.

| Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-----------------|----------------|
| 61.971.830.986  | -              |
| 61.971.830.986  | -              |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| Vốn góp của chủ sở hữu                        | Thặng dư vốn cổ phần   | Quỹ đầu tư phát triển | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Đơn vị tính: VND       |      |
|---|------------------------|-----------------------|----------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------|------|
|   |                        |                       |                                  |                                   |                                 | Cộng                   | Cộng |
| <b>Số dư đầu năm trước</b>                    | <b>170.201.300.000</b> | <b>32.680.208.094</b> | <b>53.293.231.178</b>            | <b>7.231.458.310</b>              | <b>25.293.016.399</b>           | <b>288.699.213.981</b> |      |
| - Tăng vốn trong năm trước                    | -                      | -                     | -                                | -                                 | -                               | -                      |      |
| - Lãi (lỗ) trong năm trước                    | -                      | -                     | -                                | 21.731.246.442                    | (3.388.412.482)                 | 18.342.833.960         |      |
| - Tăng khác                                   | -                      | -                     | -                                | (4.769.986.596)                   | -                               | (1.192.323.576)        |      |
| - Trích lập các quỹ                           | -                      | 3.577.663.020         | -                                | (1.698.375.200)                   | -                               | (1.698.375.200)        |      |
| - Giảm trong năm                              | -                      | -                     | -                                | -                                 | -                               | -                      |      |
| - Lỗ trong năm trước                          | -                      | -                     | -                                | -                                 | -                               | -                      |      |
| - Có tức                                      | -                      | -                     | -                                | -                                 | -                               | -                      |      |
| - Chuyển lợi nhuận thành vốn góp              | -                      | -                     | -                                | -                                 | -                               | -                      |      |
| - Giảm khác                                   | -                      | -                     | -                                | -                                 | -                               | -                      |      |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>                   | <b>170.201.300.000</b> | <b>32.680.208.094</b> | <b>56.870.894.198</b>            | <b>22.494.342.957</b>             | <b>21.774.870.771</b>           | <b>304.021.616.020</b> |      |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>                      | <b>170.201.300.000</b> | <b>32.680.208.094</b> | <b>56.870.894.198</b>            | <b>22.494.342.957</b>             | <b>21.774.870.771</b>           | <b>304.021.616.020</b> |      |
| - Tăng vốn trong kỳ này                       | 45.093.740.000         | (30.826.330.000)      | -                                | (14.459.290.000)                  | -                               | (191.880.000)          |      |
| - Lãi (lỗ) trong kỳ này                       | -                      | -                     | -                                | 44.336.427.841                    | (1.116.385.142)                 | 43.220.042.699         |      |
| - Tăng khác                                   | -                      | -                     | -                                | -                                 | -                               | -                      |      |
| - Trích lập các quỹ                           | -                      | -                     | -                                | -                                 | -                               | -                      |      |
| - Xác định phần vốn của trái phiếu chuyển đổi | -                      | -                     | -                                | -                                 | -                               | -                      |      |
| - Giảm do bán công ty con                     | -                      | -                     | -                                | (1.971.830.986)                   | -                               | (1.971.830.986)        |      |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                          | <b>215.295.040.000</b> | <b>1.853.878.094</b>  | <b>56.870.894.198</b>            | <b>52.033.315.125</b>             | <b>20.996.651.303</b>           | <b>345.077.947.736</b> |      |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

| b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                    | VND                    | VND                    |
| Tổ chức                            | 29.580.980.000         | 16.370.000             |
| Các nhân                           | 185.714.060.000        | 170.184.930.000        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>215.295.040.000</b> | <b>170.201.300.000</b> |

| c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận | Năm nay         | Năm trước       |
|--|-----------------|-----------------|
|  | VND             | VND             |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu  |                 |                 |
| + Vốn góp đầu năm  | 170.201.300.000 | 170.201.300.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm   | 45.093.740.000  | -               |
| - Chia cổ tức bằng cổ phiếu  | 45.093.740.000  | -               |
| + Vốn góp giảm trong năm   | -               | -               |
| + Vốn góp cuối năm   | 215.295.040.000 | 170.201.300.000 |

| d. Cổ phiếu  | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
|  |             |            |
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành                            | 21.529.504  | 17.020.130 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng                         | 21.529.504  | 17.020.130 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                                      | 21.529.504  | 17.020.130 |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i> | -           | -          |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)                  | -           | -          |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                                | 21.529.504  | 17.020.130 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                                      | 21.529.504  | 17.020.130 |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i> | -           | -          |

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

| f. Các quỹ của doanh nghiệp | Số cuối năm    | Số đầu năm     |
|-----------------------------|----------------|----------------|
|                             | VND            | VND            |
| - Quỹ đầu tư phát triển     | 56.870.894.198 | 56.870.894.198 |

### 23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Ngoại tệ các loại | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------|-------------|------------|
|                   |             |            |
| - USD             | 720,45      | 733,65     |

### 24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| a. Doanh thu                          | Năm nay                | Năm trước                |
|---------------------------------------|------------------------|--------------------------|
|                                       | VND                    | VND                      |
| - Doanh thu bán hàng hóa, vật tư      | 71.052.465.562         | 19.167.011.757           |
| - Doanh thu thi công xây lắp          | 767.590.407.331        | 1.078.065.530.790        |
| - Doanh thu dịch vụ khách sạn du lịch | 23.896.363.566         | 116.537.030.840          |
| - Doanh thu Xuất khẩu lao động        | -                      | 1.269.545.129            |
| - Doanh thu sản xuất điện             | 16.308.716.896         | 8.864.441.880            |
| - Doanh thu khác                      | 3.094.624.908          | 9.179.866.243            |
| <b>Cộng</b>                           | <b>881.942.578.263</b> | <b>1.233.083.426.639</b> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47  
Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

| 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN                | Năm nay                | Năm trước                |
|-------------------------------------|------------------------|--------------------------|
|                                     | VND                    | VND                      |
| - Giá vốn bán hàng hóa, vật tư      | 60.396.427.973         | 12.242.662.535           |
| - Giá vốn thi công xây lắp          | 666.590.598.334        | 1.018.569.253.352        |
| - Giá vốn dịch vụ khách sạn du lịch | 27.186.286.151         | 43.119.801.918           |
| - Giá vốn Xuất khẩu lao động        | -                      | 167.580.041              |
| - Giá vốn sản xuất điện             | 12.931.426.908         | 11.053.397.786           |
| - Giá vốn khác                      | -                      | 5.418.784.137            |
| <b>Cộng</b>                         | <b>767.104.739.366</b> | <b>1.090.571.479.769</b> |

| 26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH        | Năm nay               | Năm trước            |
|--|-----------------------|----------------------|
|  | VND                   | VND                  |
| - Lãi tiền gửi, cho vay                  | 72.601.748            | 77.120.763           |
| - Lãi từ thanh lý khoản đầu tư           | -                     | 8.156.117.936        |
| - Lãi trái phiếu                         | 240.627.672           | 381.980.000          |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia            | -                     | 240.634.205          |
| - Lãi chậm thanh toán của khách hàng (*) | 20.621.820.000        | -                    |
| <b>Cộng</b>                              | <b>20.935.049.420</b> | <b>8.855.852.904</b> |

(\*) Theo biên bản đối chiếu công nợ số 01/2021/TT-CC47 giữa Công ty cổ phần xây dựng 47 và Công ty cổ phần Tiên Thuận. 2 bên thống nhất số tiền lãi Công ty cổ phần Tiên Thuận chậm thanh toán là: 20.621.820.000 đồng

| 27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH | Năm nay               | Năm trước             |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                       | VND                   | VND                   |
| - Lãi vay             | 49.915.052.314        | 60.773.140.613        |
| - Chênh lệch tỷ giá   | -                     | 100.050               |
| - Khác                | 10.850.322.702        | 6.240.480.210         |
| <b>Cộng</b>           | <b>60.765.375.016</b> | <b>67.013.720.873</b> |

| 28. THU NHẬP KHÁC          | Năm nay               | Năm trước            |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|
|                            | VND                   | VND                  |
| - Thanh lý tài sản cố định | 3.732.175.961         | -                    |
| - Thu nhập khác            | 13.213.924.113        | 4.080.161.372        |
| <b>Cộng</b>                | <b>16.946.100.074</b> | <b>4.080.161.372</b> |

| 29. CHI PHÍ KHÁC                         | Năm nay              | Năm trước             |
|--|----------------------|-----------------------|
|  | VND                  | VND                   |
| - Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế | 3.102.819.518        | 1.260.249.160         |
| - Thanh lý tài sản cố định               | -                    | 24.625.188.757        |
| - Khác                                   | 123.854.886          | 1.375.554.292         |
| <b>Cộng</b>                              | <b>3.226.674.404</b> | <b>27.260.992.209</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47** Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

| 30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                  | VND                   | VND                   |
| - Chi phí nguyên, vật liệu       | 1.252.648.420         | 1.624.341.205         |
| - Chi phí nhân công              | 18.952.965.397        | 17.995.245.111        |
| - Chi phí khấu hao               | 1.977.066.849         | 476.799.922           |
| - Thuế, phí, lệ phí              | 286.019.110           | 147.178.764           |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài      | 1.114.506.085         | 606.788.607           |
| - Chi phí khác bằng tiền         | 8.432.754.725         | 14.488.740.001        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>32.015.960.586</b> | <b>35.339.093.610</b> |

### 31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

|   | Năm nay               | Năm trước            |
|---|-----------------------|----------------------|
|   | VND                   | VND                  |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 12.951.659.564        | 6.040.764.701        |
| <b>Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>                                   | <b>12.951.659.564</b> | <b>6.040.764.701</b> |

### 32. LÃI CƠ BẢN, SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

|   | Năm nay           | Năm trước         |
|---|-------------------|-------------------|
|   | VND               | VND               |
| Lợi nhuận thuần sau thuế  | 44.336.427.841    | 21.731.246.442    |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông  | 44.336.427.841    | 21.731.246.442    |
| <b>Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm</b>  | <b>19.018.634</b> | <b>17.020.130</b> |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 2.331             | 1.277             |
| Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm  | 6.000.000         | -                 |
| <b>Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân + Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm</b> | <b>25.018.634</b> | <b>17.020.130</b> |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu  | 1.772             | 1.277             |

### 33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

|                                | Năm nay                | Năm trước                |
|--------------------------------|------------------------|--------------------------|
|                                | VND                    | VND                      |
| - Chi phí nguyên, vật liệu     | 354.074.211.157        | 460.317.538.041          |
| - Chi phí nhân công            | 94.138.587.707         | 138.916.384.388          |
| - Chi phí khấu hao             | 48.543.824.161         | 61.963.242.324           |
| - Thuế, phí, lệ phí            | 286.019.110            | 137.588.989              |
| - Chi phí sử dụng máy thi công | 37.961.170.810         | 49.214.375.106           |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài    | 156.466.112.850        | 288.090.662.049          |
| - Chi phí khác bằng tiền       | 35.866.063.281         | 59.449.273.255           |
| <b>Cộng</b>                    | <b>727.335.989.076</b> | <b>1.058.089.064.152</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47** Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

| 34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ     | Năm nay        | Năm trước |
|--|----------------|-----------|
|  | VND            | VND       |
| Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai |                |           |
| Chi trả cổ tức bằng cách phát hành cổ phiếu  | 45.093.740.000 | -         |

### 35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Ngày 07/01/2022 Hội đồng quản trị thông qua việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông. Số lượng trái phiếu sẽ chuyển đổi: 600.000 trái phiếu. Tỷ lệ chuyển đổi: 1:10 (01 trái phiếu chuyển đổi thành 10 cổ phiếu với giá chuyển đổi 10.000 đồng/ cổ phiếu). Số lượng cổ phiếu phát hành thêm để chuyển đổi trái phiếu: 6.000.000 cổ phiếu.

Ngày 28/02/2022. Công ty có đăng ký kinh doanh lần thứ 21, theo đó vốn điều lệ tăng từ 215.295.040.000 đồng lên 275.295.040.000 đồng.

### 36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

| Tài sản tài chính                  | Số cuối năm            |                        | Số đầu năm             |                        |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                    | Giá gốc                | Dự phòng               | Giá gốc                | Dự phòng               |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 98.774.118.560         | -                      | 16.892.129.583         | -                      |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 232.962.603.301        | (5.590.321.000)        | 324.586.394.096        | (5.590.321.000)        |
| Các khoản cho vay                  | -                      | -                      | -                      | -                      |
| Đầu tư ngắn hạn                    | -                      | -                      | -                      | -                      |
| Đầu tư dài hạn                     | 2.490.000.000          | -                      | 3.490.000.000          | -                      |
| <b>Cộng</b>                        | <b>334.226.721.861</b> | <b>(5.590.321.000)</b> | <b>344.968.523.679</b> | <b>(5.590.321.000)</b> |

### Nợ phải trả tài chính

|                                   | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                   | VND                    | VND                    |
| Vay và nợ                         | 667.090.091.412        | 663.878.303.812        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 129.996.293.306        | 297.370.975.964        |
| Chi phí phải trả                  | 21.396.624.183         | 15.149.137.604         |
| <b>Cộng</b>                       | <b>818.483.008.901</b> | <b>976.398.417.380</b> |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**  
Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

|                                    | Từ 1 năm trở xuống     | Trên 1 năm đến 5 năm  | Trên 5 năm           | Tổng                   |
|------------------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|
|                                    | VND                    | VND                   | VND                  | VND                    |
| <b>Số cuối năm</b>                 |                        |                       |                      |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 98.774.118.560         |                       |                      | 98.774.118.560         |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 219.945.029.692        | 13.017.573.609        |                      | 232.962.603.301        |
| Các khoản cho vay                  | -                      | -                     |                      | -                      |
| Đầu tư ngắn hạn                    | -                      |                       |                      | -                      |
| Đầu tư dài hạn                     |                        |                       | 2.490.000.000        | 2.490.000.000          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>318.719.148.252</b> | <b>13.017.573.609</b> | <b>2.490.000.000</b> | <b>334.226.721.861</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**  
Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

#### Số đầu năm

|                                    |                        |                      |                      |                        |
|------------------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 16.892.129.583         |                      |                      | 16.892.129.583         |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 318.357.839.347        | 6.228.554.749        |                      | 324.586.394.096        |
| Các khoản cho vay                  | -                      | -                    |                      | -                      |
| Đầu tư ngắn hạn                    | -                      |                      |                      | -                      |
| Đầu tư dài hạn                     |                        |                      | 3.490.000.000        | 3.490.000.000          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>335.249.968.930</b> | <b>6.228.554.749</b> | <b>3.490.000.000</b> | <b>344.968.523.679</b> |

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

|                                   | Từ 1 năm trở xuống     | Trên 1 năm đến 5 năm  | Trên 5 năm | Tổng                   |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|------------|------------------------|
|                                   | VND                    | VND                   | VND        | VND                    |
| <b>Số cuối năm</b>                |                        |                       |            |                        |
| Vay và nợ                         | 579.609.008.038        | 87.481.083.374        |            | 667.090.091.412        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 129.996.293.306        | -                     |            | 129.996.293.306        |
| Chi phí phải trả                  | 21.396.624.183         | -                     |            | 21.396.624.183         |
| <b>Cộng</b>                       | <b>731.001.925.527</b> | <b>87.481.083.374</b> | <b>-</b>   | <b>818.483.008.901</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                 |                        |                       |            |                        |
| Vay và nợ                         | 601.872.276.868        | 62.006.026.944        |            | 663.878.303.812        |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 297.370.975.964        | -                     |            | 297.370.975.964        |
| Chi phí phải trả                  | 15.149.137.604         | -                     |            | 15.149.137.604         |
| <b>Cộng</b>                       | <b>914.392.390.436</b> | <b>62.006.026.944</b> | <b>-</b>   | <b>976.398.417.380</b> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

##### Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

##### Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

(Chi tiết tại phụ lục số 01)



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**38. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**

**a. Thông tin các bên liên quan**

| Bên liên quan      | Mối quan hệ                     |
|--------------------|---------------------------------|
| Ông Lương Đăng Hào | Phó ban kiểm toán nội bộ        |
| Bà Đoàn Thị Bằng   | Thành viên ban kiểm toán nội bộ |
| Ông Nguyễn Hữu Hải | Phó TGĐ                         |
| Ông Hồ Đình Phong  | Kế toán trưởng                  |

**b. Giao dịch với bên liên quan**

| Số dư các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán | Số cuối năm | Số đầu năm  |
|--|-------------|-------------|
| Tạm ứng  | VND         | VND         |
| Ông Lương Đăng Hào                                   | -           | 500.000     |
| Ông Nguyễn Hữu Hải                                   | 4.983.000   | 213.275.900 |
| Ông Hồ Đình Phong                                    | 3.000.000   | 5.922.900   |
| Bà Đoàn Thị Bằng                                     | 6.316.000   | 6.923.000   |

Công ty có các giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

\* Thu nhập, thù lao hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, lãnh đạo quản lý trong năm Đơn vị tính: VND

| Họ và tên        | Chức vụ                                     | Thu nhập từ tiền lương | Thù lao HĐQT         | Tổng                 |
|------------------|---|------------------------|----------------------|----------------------|
| Phạm Nam Phong   | Chủ tịch HĐQT từ 14/8/2021                  | -                      | 296.351.000          | 296.351.000          |
| Tạ Nam Bình      | Phó chủ tịch HĐQT từ 14/8/2021              | -                      | 194.620.000          | 194.620.000          |
| Lê Trung Nam     | Chủ tịch HĐQT đến 14/08/2021                | 639.654.000            | 252.121.000          | 891.775.000          |
| Dương Minh Quang | Tổng giám đốc/Thành viên HĐQT               | 937.010.000            | 141.542.000          | 1.078.552.000        |
| Nguyễn Hữu Hải   | Phó tổng giám đốc/ TV HĐQT                  | 673.540.000            | 141.542.000          | 815.082.000          |
| Võ Trọng Hiếu    | Thành viên HĐQT/Trưởng ban Kiểm toán nội bộ | 397.594.000            | 141.542.000          | 539.136.000          |
| Bùi Văn Tuynh    | Thành viên HĐQT                             | -                      | 141.542.000          | 141.542.000          |
| Đình Tấn Dương   | Phó tổng giám đốc                           | 640.995.000            | -                    | 640.995.000          |
| Trần Đức Dương   | Phó tổng giám đốc                           | 431.828.000            | -                    | 431.828.000          |
| Nguyễn Xuân Cần  | Phó tổng giám đốc đến 01/07/2021            | 317.297.000            | -                    | 317.297.000          |
| <b>Tổng</b>      |   | <b>4.037.918.000</b>   | <b>1.309.260.000</b> | <b>5.347.178.000</b> |

Ngoài các thuyết minh trọng yếu với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**39. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH kiểm toán TTP kiểm toán.

Người lập biểu

Nguyễn Quốc Hùng

Kế toán trưởng

Hồ Đình Phong

Quy Nhơn, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Dương Minh Quang

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

Số 08 Biên Cương, P. Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

Phụ lục 01

**37. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

|                                   | Hoạt động bán hàng hóa |                        | Hoạt động thi công xây lắp |                        | Hoạt động sx-kd điện   |     | Hoạt động dịch vụ du lịch |     | Hoạt động khác |     | Cộng |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|-----|---------------------------|-----|----------------|-----|------|
|                                   | VND                    | VND                    | VND                        | VND                    | VND                    | VND | VND                       | VND | VND            | VND |      |
| Doanh thu thuần ra bên ngoài      | 71.052.465.562         | 767.590.407.331        | 16.308.716.896             | 23.896.363.566         | 881.942.578.263        |     |                           |     |                |     |      |
| Giá vốn của các bộ phận           | 60.396.427.973         | 666.590.598.334        | 12.931.426.908             | 27.186.286.151         | 767.104.739.366        |     |                           |     |                |     |      |
| <b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b> | <b>10.656.037.589</b>  | <b>100.999.808.997</b> | <b>3.377.289.988</b>       | <b>(3.289.922.585)</b> | <b>114.837.838.897</b> |     |                           |     |                |     |      |

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế

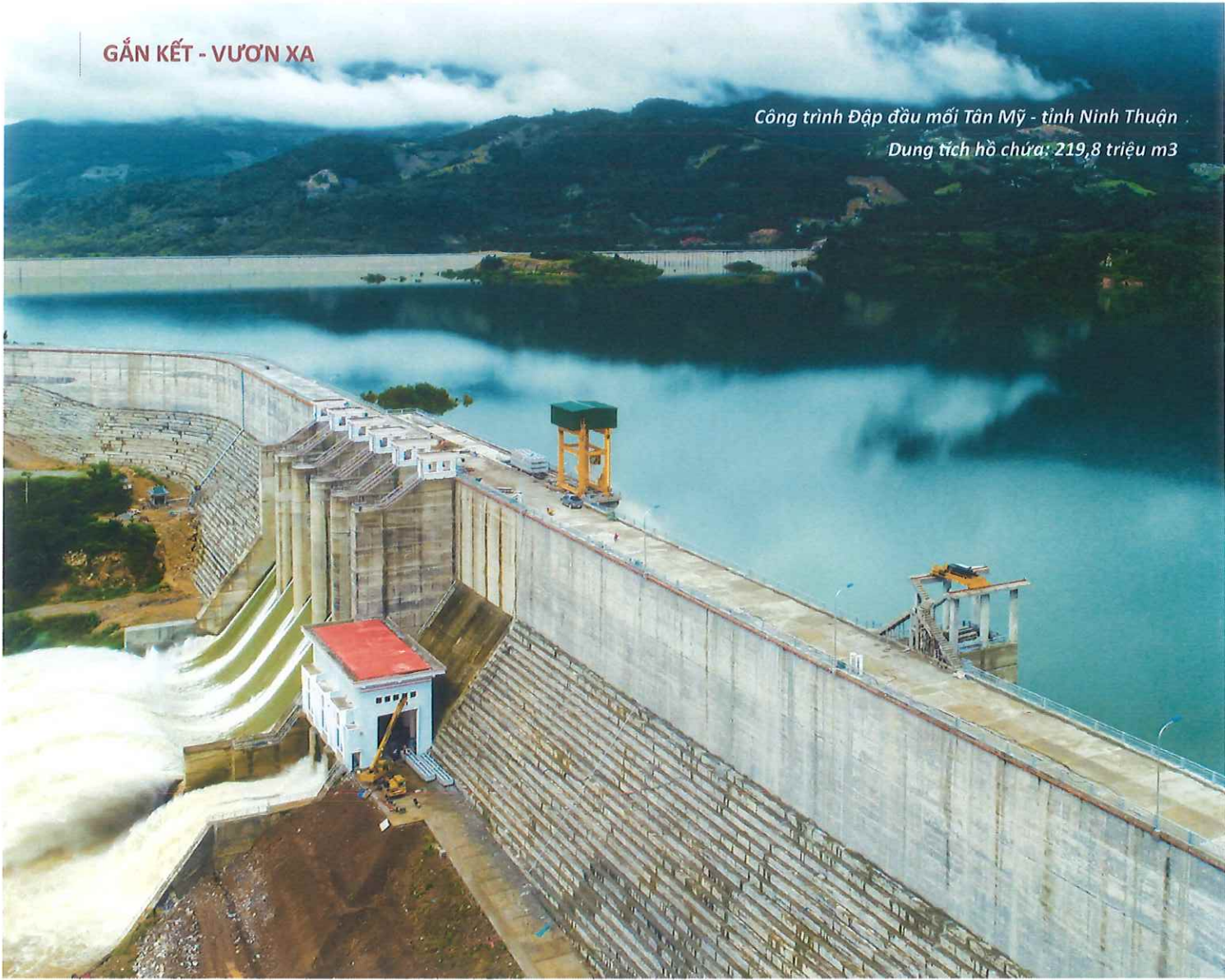
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát

|                       |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-----------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 32.015.960.586        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| <b>82.821.878.311</b> |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 20.935.049.420        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 60.765.375.016        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 16.946.100.074        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.226.674.404         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12.951.659.564        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 539.276.122           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| <b>43.220.042.699</b> |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 44.336.427.841        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| (1.116.385.142)       |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**GẮN KẾT - VƯỜN XÀ**

Công trình Đập đầu mối Tân Mỹ - tỉnh Ninh Thuận  
Dung tích hồ chứa: 219,8 triệu m<sup>3</sup>



Quy Nhơn, ngày 16 tháng 04 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**PHẠM NAM PHONG**